

MINH HUY



NHỮNG KHUYNH HƯỚNG TRONG THI CA VIỆT NAM (1932-1962)

- ✱ LÃNG MẠN
- ✱ TƯỢNG TRƯNG
- ✱ TẢ THỰC
- ✱ HIỆN SINH

Nhà sách KHAI - TRÍ

60 - 62, Đại-lộ Lê-Lợi

SAIGON

MINH-HUY

NHỮNG KHUYNH - HƯỚNG
TRONG
THI - CA VIỆT - NAM
(1932-1962)

* LÃNG - MẠN * TƯỢNG - TRUNG
* TẢ THỰC * HIỆN - SINH

Nhà sách KHAI - TRÍ

60 - 62, Đại-lộ Lê-Lợi

SAIGON

IN TẠI NHÀ IN RIÊNG CỦA
NHÀ XUẤT-BẢN
GIẤY PHÉP SỐ 955/XB
NGÀY 17-7-1962
TRIỂN-HẠY NGÀY 17-9-1962

Lời nói đầu

Trong quyển « Những khuynh-hướng trong thi-ca Việt-Nam » (1932-1962) này, chúng tôi khảo-luận về các khuynh-hướng trong thi-ca Việt-Nam từ 1932 đến nay, ngoại trừ khuynh-hướng cổ-diễn. Quyển sách này là sự nối-tiếp quyển « Luật thơ Mới » do nhà Khai-Trí ấn hành lần thứ hai : nếu quyển « Luật thơ Mới » khảo-luận về kỹ-thuật, hình-thức của các thể thơ mới thì quyển « Những khuynh-hướng trong thi-ca Việt-Nam » sẽ khảo-luận về nội-dung và quá-trình tiến-triển của các khuynh-hướng trong thơ mới.

Như vậy, chúng tôi sẽ tự-ý không khảo-luận về các bài thơ Đường làm từ 1932 đến nay, dù đó là những bài thơ của những nhà thơ hiện-đại, chúng tôi dành sự khảo-luận này cho một quyển sách khác, khảo-luận về khuynh-hướng cổ-diễn.

Quá trình tiến-triển của thơ mới được chúng tôi chia làm hai giai-đoạn : giai-đoạn tiền thể-chiến 1932-1945 và giai-đoạn hậu thể-chiến 1945-1962 (1). Sự phân chia thời kỳ văn-học căn-cứ vào thể-chiến là một sự phân chia đã từng được các nhà văn-học-sử mới chấp nhận.

(1) Trong sách này, khi chúng tôi nói tiền thể-chiến, xin hiểu cho là thời kỳ 1932-1945 ; hậu thể-chiến, thời kỳ từ sau 1945 đến nay.

Vã lại, riêng ở Việt-Nam năm 1945 cũng đã đánh dấu một biến-cổ to lớn, ảnh-hưởng rất nhiều đến đời sống tinh-thần và vật-chất của dân-tộc.

Quyển sách này chia làm 3 phần :

PHẦN I. — Khảo-luận về thơ mới, nguồn-gốc, nguyên-nhân chiến-thắng của thơ mới và sự phân chia các khuynh-hướng trong thơ mới.

PHẦN II. — Khảo-luận về các khuynh-hướng lãng-mạn, tượng-trưng và tả thực là những khuynh-hướng thành hình thời tiền thể-chiến. Ở sau mỗi bài khảo-luận về mỗi khuynh-hướng, chúng tôi có phụ-lục các bài thơ làm theo khuynh-hướng đó với mấy lời giới-thiệu hoặc bình-chú đề làm cho thêm sáng tỏ cái hay. Trong khi chọn các bài thơ hay thuộc khuynh-hướng lãng-mạn, tượng-trưng và tả thực chúng tôi chỉ chọn các bài làm từ sau năm 1945 đến nay vì chúng tôi nghĩ rằng các bài thơ hay làm trước năm 1945 đã có sách trích tuyển.

PHẦN III. — Khảo-luận về khuynh-hướng hiện sinh là khuynh-hướng thành hình thời hậu thể-chiến.



Chúng tôi thiên nghĩ văn-đề khảo-luận — dù là khảo-luận văn-học — muốn cho được đúng-đắn, phải được nghiên-cứu trên bình diện rộng hơn là bình diện quốc-gia, cho nên ở đôi nơi chúng tôi có trích dẫn các lý-thuyết, nhận định của các nhà thơ cũng như của các nhà phê-bình văn-học của các quốc-gia khác.

Chúng tôi cũng tự-ý không khảo-luận về những ảnh-hưởng của các môn nghệ-thuật khác đối với thơ trong

thời-kỳ từ 1932 đến nay. Và, vì đây là một quyển sách trình-bày các khuynh-hướng trong thi-ca nên chúng tôi cũng không đề cập đến tiểu-sử cũng như toàn thể các tác-phẩm của những nhà thơ. Đề làm sáng tỏ những lý-thuyết cũng như thẩm mỹ quan của mỗi khuynh-hướng, chúng tôi có trích đề làm dẫn-chứng nhiều bài thơ hoặc đoạn văn dài liên-hệ. Những dẫn-chứng đó, chúng tôi xem như là cần-thiết đề hiểu khá rõ và khá đầy đủ về thẩm mỹ quan của khuynh-hướng đó.

Trong khi biên soạn quyển sách này, chúng tôi có liên-lạc được với nhiều nhà thơ đề cùng nhau bàn-bạc nhiều vấn-đề liên-hệ đến những khuynh-hướng trong thi-ca Việt-Nam, chúng tôi xin các nhà thơ nhận nơi đây lời cảm tạ của chúng tôi.

Ý-thức về nhiệm-vụ khó-khăn và nặng-nề của chúng tôi, chúng tôi cố gắng tránh mọi nhận định có tính-cách chủ-quan, thiên lệch dù đó là đối với một nhà thơ, một bài thơ hay một đoạn văn.

Ý-niệm về khuynh-hướng luôn luôn được các nhà nghiên-cứu văn-học xem như là những ý-niệm cần-thiết nhưng phức-tạp và không có tính-cách rõ-rệt. Cho nên sự sắp xếp của chúng tôi cũng chỉ có tính-cách tạm thời, bởi vì (ngoài những nhà thơ đã quá cố mà chúng ta có thể định rõ khuynh-hướng) ít ra chúng ta phải đợi một nhà thơ hay một thiên-tài qua đời để có thể có những nhận xét có tính-cách chung thẩm về khuynh-hướng của nhà thơ đó.

Đây là quyển sách đầu tiên khảo-luận về những khuynh-hướng trong thơ mới Việt-Nam nên có thể có những thiếu sót và sai lầm. Luôn luôn tha-thiết sự chính-xác, chúng tôi mong sẽ được các bậc thức giả chỉ giáo cho các khuyết-diểm để chúng tôi sẽ sửa chữa lại.

TÁC-GIẢ.

PHẦN THỨ NHẤT

KHẢO-LUẬN VỀ THƠ MỚI

- *Một cuộc cách-mệnh trong thi-ca.*
- *Nguyên-nhân chiến-thắng của thơ mới.*
- *Các khuynh-hướng trong thơ mới.*

CHƯƠNG I

MỘT CUỘC CÁCH-MỆNH TRONG THI-CA VIỆT-NAM

Dân-tộc Việt-Nam suốt bốn ngàn năm từ ngày lập quốc luôn luôn kéo dài một cuộc sống tranh-đấu : khi thì phá tan sức xâm-lược của phương Bắc, khi thì mở-mang bờ cõi xuống phương Nam. Nền văn-học Việt-Nam phản-ảnh của cuộc chiến-đấu không ngừng đó là một nền văn-học có tính-chất tranh-đấu, luôn luôn đổi mới. Trong suốt cuộc chiến-đấu để sinh-tồn đó, dân-tộc chúng ta hấp-thụ tinh-hoa của nền văn-hóa *Đông* và *Tây* mà không hề làm mất bản-chất dân-tộc, vì đã khéo «tiêu-hóa» để rồi Việt-hóa những tinh-hoa đó.

Thật vậy, trong thế-kỷ 19, mặc dù Hán-học vẫn tiếp diễn, khoa-cử cũ vẫn tồn-tại, văn nôm đã xuất hiện và đã đem lại cho dân-tộc ta những tác-phẩm vĩ-dại như «Đoạn Trường Tân Thanh» của Nguyễn-Du, « Lục-Vân-Tiên » của Nguyễn-đình-Chiều, những thi-tài lỗi-lạc như Nguyễn-công-Trứ, Bà Huyện Thanh-Quan, Hồ-Xuân-Hương, Nguyễn-Khuyến...

Sang thế-kỷ thứ 20, với sự phát-triển mạnh-mẽ của chữ quốc-ngữ (được sáng-tạo theo mẫu-tự La-Tinh từ cuối thế-kỷ 17), văn-chương chữ Hán và văn-chương Nôm cũng bắt đầu phai mờ dần để nhường chỗ cho một nền văn-chương mới chịu ảnh-hưởng của phương Tây.

Trong nền văn-chương Việt-Nam chịu ảnh-hưởng của văn-học phương Tây thì thi-ca mang nhiều ảnh-hưởng rõ-rệt nhất của văn-học Pháp. Có thể nói hình ảnh 30 năm thi-ca Việt-Nam (1932-1962) là hình ảnh của thi-ca Pháp thế-kỷ 19 và tiền bán thế-kỷ 20 được thu nhỏ lại.

Trong quá trình chiến-đấu giữa thơ cũ và thơ mới, chúng ta có thể chia làm ba thời-kỳ :

- Thời-kỳ thơ mới xâm nhập : 1913-1917.
- Thời-kỳ thơ mới khai-chiến : 1917-1932.
- Thời-kỳ thơ mới chiến-thắng : 1932-1941.

THỜI-KỲ THƠ MỚI XÂM NHẬP 1913-1917

Trong thời-kỳ này, chúng ta có thể lấy năm 1913 làm năm mốc bởi vì chúng ta có thể đồng ý với giáo-sư Dương-quảng-Hàm là mầm-mống của thơ mới là một bài thơ của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch thơ ngụ-ngôn Pháp đăng ở Nam-Phong tạp-chí số 40 ra năm 1913. Bài thơ đó dịch bài « La cigale et la Fourmi » của La Fontaine bằng một lối thơ không có qui-luật về số tiếng và về cách gieo vần :

Con ve sầu
 Kêu ve ve
 Suốt mùa hè

Đến kỳ gió bắc **thời**
 Nguồn cơn thật **bối-rối**

 Ve rằng : « Luôn đêm **ngày**
 Tôi hát, thiết gì **bác ?** »
 Kiến rằng : « Xưa chú **hát**
 Nay thử múa coi **đây** ».

Ta thấy trong đoạn thơ đầu, số tiếng của năm câu đầu thoát khỏi qui-luật dùng số tiếng của các thể thơ Đường và trong đoạn thơ 5 tiếng sau, vẫn là vần ôm : *vần bình ôm vần trắc* là thứ vần không hề được dùng cho đến lúc đó (1913).

Năm 1915 ở Bắc và năm 1917 ở Trung, đồng thời với việc bãi bỏ khoa thi cũ trong đó có môn thi thơ Đường-luật, nền thi-ca Hán-học bắt đầu mất hết thế-lực và bắt đầu bị công-kích.

THỜI-KỲ THƠ MỚI KHAI-CHIẾN 1917-1932

Năm 1917, Phạm-Quỳnh, một học-giả có tiếng là bảo-thủ, bắt đầu lên tiếng đả phá thơ Đường là một lối thơ bắt thi-nhân « *không được tùy cái sống ngồn-ngang ở trong lòng mà khi cao, khi thấp, khi ngắn, khi dài* » tức là « *làm mất cái giọng thiên-nhiên đi ít nhiều vậy* ».

(PHẠM-QUỲNH : *Thơ ta thơ tây*)

Năm 1919, một nhà thơ tân học là Nam-Thảo đem sáng-kiến của Nguyễn-văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh áp-dụng vào tập thơ « *Dây đàn đau-đớn* ».

Theo Nam-Phong tạp-chí (số 23 ra năm 1917) thì «đây là tập thơ nôm của một ông Tây-học muốn thí-nghiệm một sự bạo quá mà sự thí-nghiệm ấy chắc là không thành. Ông mượn vần điệu Tây mà làm thơ ta sao được?» Vì tập thơ này tác-giả chỉ đưa cho bạn-bè xem chứ không in ra nên chúng ta không rõ nội-dung và hình-thức của thơ trong đó như thế nào.

THỜI-KỲ THƠ MỚI CHIẾN-THẮNG 1932-1941

Năm 1932, Phan-Khôi, một nho-sĩ có Tây-học đem văn-đề thơ mới ra bàn trong Phụ-nữ Tân-Văn số 122 và đăng một bài thơ mới do ông sáng-tác trong số báo ra ngày 10-3-1932.

Đó là bài thơ « Tình già », một bài thơ phá thể có vần. Về sau, báo Phong-Hóa số Tết ra ngày 24-1-1933 có đăng lại nguyên tác :

TÌNH GIÀ

Hai mươi bốn năm xưa
 Một đêm vừa gió lại vừa mưa. . .
 Dưới ngọn đèn mờ,
 Trong gian nhà nhỏ,
 Hai cái đầu xanh kề nhau than thở :
 — Ôi ! Đôi ta ! Tình thương nhau thì vẫn
 nặng,
 Mà lấy nhau hẵn là không dặng !
 Đề đến nỗi tình trước, phụ sau

Chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau !

— Hay ! Nói mới bạc làm sao chứ ?

Buông nhau làm sao cho nữ ?

Thương được chừng nào hay chừng nấy

Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy . . .

Ta là nhân-ngãi, đâu phải vợ chồng

Mà tính truyện thủy-chung ?

Hai mươi bốn năm sau

Tình-cờ đất khách gặp nhau,

Đôi cái đầu đều bạc

Nếu chẳng quen lung, dố có nhìn ra được ?

Ôn truyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi.

Con mắt còn có đuôi. . .

PHAN-KHÔI

Bài thơ « Tình già » là một « biến-cổ văn-học », một cuộc cách-mạng phá hàng ngũ thơ Đường. Lập tức, thể chiến được dàn thành hai mặt trận :

— Mặt trận theo thơ mới gồm có : Phan-Khôi, Thế-Lữ, Nguyễn-thị-Kiểm, Vũ-dinh-Liên, Lưu-trọng-Lư.

— Mặt trận bảo-vệ thơ cũ gồm có : Huỳnh-thúc-Kháng, Tùng-Thành, Nguyễn-văn-Hanh, Thái-Phỉ, Tùng-Lâm.

Ở giữa hai phái và trung-lập, người ta ghi nhận sự hiện-diện của Tấn-Đà, một nhà thơ đương thời đã có nhiều uy-tín.

Song song với những cuộc bút chiến còn có những cuộc đả đân công-khai tranh-luận bệnh-vực thơ mới và thơ cũ (phe mới : Nguyễn-thị-Kiểm, phe cũ : Nguyễn-văn-Hanh).

Sau đây là mấy lập luận của phe bệnh-vực thơ cũ :

Trách bác Phan-Khôi khéo rắc-rối (1)

Noi gương HỒ-Thích làm thơ mới

Câu dài, câu ngắn chẳng ra sao

Vần đụp, vần đơn, nghe thật thối

(1) Phan-Khôi (1887-1960) bút hiệu Chương-Dân vừa là một bậc lão thành nổi tiếng vì lý-luận danh-thếp, vừa là một nhà cách-mạng cương-trực (từng bị lưu-dày 9 năm ra Côn-Đảo), một nhà thơ trào-lộng vào bậc nhất của Việt-Nam :

Hồng nào hồng chẳng có gai

Miền đừng là thứ hồng dài không hoa

Là hồng thì phải có hoa

Không hoa chỉ có gai mà ai chơi

Ta yêu hồng lắm hồng ơ

Có gai mà cũng có mùi hương thơm.

PHAN-KHÔI (Hồng Gai)

Bài thơ Đường trích-lục sau đây do tiên-sinh làm trong thời khởi-lửa ở Thái-Nguyên đã được Vũ-hoàng-Chương và Đinh-Hùng xem như là một tuyệt tác «chứa đựng một cái gì như ghen-ngào u-uất mà đáng kính, đáng phục làm sao!»

NGẪU CẢM

Ngừng tim bắt óc lặng dòng tình

Tai mắt như không phải của mình

Thấy dưới ánh trăng muôn khúc nhạc

Nghe trong tiếng ếch một màu xanh

Suối tiên đắm-duối bao cho chán

Khối mộng vờn mơn mãi chẳng thành

Thú ấy từ lâu không có nữa

Ngủ say thức tỉnh, dậy buồn tênh.

PHAN-KHÔI

Hăng-hái, Thi-Kiểm diễn-thuyết khen (1)

Nhiệt-thành, Thế-Lữ lao công mãi

Phải chăng muốn diễn ý tân-kỳ

Hay tại làm thơ cũ kém giỏi ?

TÙNG-THÀNH (Nhân ngâm)

Thật ra không phải vì Phan-Khôi làm thơ cũ kém giỏi mà chính là vì Phan-Khôi muốn diễn-tả ý một cách tự-do. Nhà cách-mạng tiền-phong phá đổ thành-trị thơ cũ không phải là không có những lý-luận đúng-dẫn về thơ. Hãy nghe Phan-Khôi bàn về thực-chất của thơ :

«Thơ chẳng những là một câu nói có vần, có điệu mà còn có ý cảnh nữa. Cái ý cảnh có nên thơ thì mới là thơ. Ý cảnh nghĩa là cái cảnh tạo ra bởi cái ý của tác-giả. Nó chiếm hết chín phần mười trong câu thơ; không có nó, chỉ có vần và điệu thì thơ không thành. Đồng thị theo thể lục bát mà câu :

Con mèo, con chó, có lông

Cây tre có mắt, nôi đồng có quai.

(1) Cô Nguyễn-thị-Kiểm, một nữ-sĩ làm thơ mới, hai lần đăng đàn diễn-thuyết bênh-vực thơ mới tại Hội Khuyển-học Saigon :

— Lần thứ nhất vào ngày 26-7-1933.

— Lần thứ nhì vào ngày 9-1-1935, lần sau này diễn-thuyết tranh-luận với nhà văn Nguyễn-văn-Hanh. Cô rất được hoan-ngênh trong các cuộc diễn-thuyết này.

Không phải là câu thơ, vì nó không có ý cảnh nên thơ chút nào hết. Nhưng câu :

Gió đưa cây cải về trời

Rau răm ở lại chịu lời đắng-cay !

thì thật là câu thơ, vì thi-nhân lấy ý mình tạo ra cảnh biệt-ly bông-lông và ảo-não.

Người ta đã chia văn ra làm hai thứ : một thứ văn ứng-dụng thông-thường và một thứ văn «văn-học». Văn ứng-dụng thông-thường thì cốt ở sự hiểu, hễ hiểu là được. Văn «văn-học» chẳng những dễ hiểu mà còn cốt ở sự đẹp, có đẹp mới cảm người.

Hướng chỉ đến thơ, nó đã ở trong địa-phận thứ văn «văn-học» rồi, tự nhiên nó còn phải có ý-vị văn-học nhiều hơn. Theo mấy lẽ trên đó, những câu nói chỉ theo đúng điệu mà không có ý cảnh nên thơ, thì phải gọi là gì chứ không gọi là thơ được vậy.

Phải biết thơ là gì trước đã rồi hãy nói đến thơ lỗi cũ và thơ lỗi mới».

PHAN-KHÔI (Vận ngữ và thơ)

Hùng-biện, ông Phan-Khôi đã đặt vấn-đề tiên quyết trước khi bàn về cũ và mới là phải hiểu thơ là gì và sự hiểu biết về thơ của Phan-Khôi thật rất chính-xác.

Vũ-dình-Liên không trả lời thẳng phe cũ, nhưng đưa ra hình-ảnh đáng thương-hại của một thời nho-học tàn-tạ trong bài thơ «Ông đồ già» :

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.



Bao nhiêu người thuê viết
Tấm-tắc ngợi-khen tài
«Hoa tay thảo những nét
N như phượng múa rồng bay».



Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu ?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu.



Ông đồ vẫn ngồi đây
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.



Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?

VŨ-ĐÌNH-LIÊN

Năm 1935, Thế-Lữ trong bài « Giây phút chạnh lòng » lần đầu tiên trình-diện cái «tôi», trước thi giới nước nhà :

Anh đi đường anh, **tôi** đường **tôi**
 Tình nghĩa đôi ta có thể thôi
 Đã quyết không mong sum họp mãi
 Bận lòng chi nữa lúc chia-phôi.

THẾ-LỮ

(Mấy vần thơ 1935)

Cái tôi lúc ấy nghe thật là bỡ-ngỡ. Bởi vì lãng-mạn như tác-giả « Qua đèo ngang » cũng chỉ dám hạ bút nói đến cái « ta » :

Dừng chân ngoảnh lại: trời, non, nước
 Một mảnh tình riêng ta với ta.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Lãng-mạn và ngông nhất như Tản-Đà, nhà thơ của hai thế-kỷ (1888-1939) cũng chỉ dùng « ta »:

Ngồi buồn ta lại viết thơ chơi
 Viết bức thơ này lại trách ai
 Ai nhớ những ai, ai chẳng nhớ
 Đề ai lường nhớ những ai hoài.

TẢN-ĐÀ

Hay là **tớ** đề mĩa-mai hay cười-cợt :

Tớ muốn chơi cho thật mãn đời
 Đời chưa thật mãn, **tớ** chưa thôi
 Còn đời, còn **tớ**, còn chơi mãi
 Chơi mãi cho đời có bạn chơi.

TẢN-ĐÀ

Nhưng rồi cái tôi quen dần, không còn xa lạ trong thơ. Có thể nói ngày mà cái tôi tràn ngập trong thi-ca Việt-Nam, ngày mà cái tinh-chất « phi ngã » của thơ cổ-diễn yếu dần là ngày thơ mới toàn thắng. Chúng ta hãy nghe vài điệu đàn mới về cái tôi trong sự tương-quan với tuổi trẻ, Thượng-Đế, ái-tình, đức-tin và kỷ-niệm.

Nhà thơ và tuổi trẻ :

Tôi sung-sướng nhưng vội-vàng một nửa
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài Xuân
Xuân đương tới nghĩa là Xuân đương qua
Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già
Mà Xuân hết nghĩa là **tôi** cũng mất.

XUÂN-DIỆU (Thơ Thơ 1938)

Nhà thơ và Thượng-đế :

Tôi sẽ đến trước mặt Người, Thượng-đế
Đề kêu than khi **tôi** đã lìa đời
Khi lá rụng và hồn **tôi** đã xế
Sang bên kia thế-giới của loài người».

HUY-CẬN (Lửa thiêng 1940)

Nhà thơ và ái-tình :

Nếu biết rằng **tôi** đã lấy chồng
Trời ơi người ấy có buồn không ?

T. T. KH. (1937)

Nhà thơ và Đức tin :

Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước
 Cho tình **tôi** nguyên vẹn tợ trăng rằm
 Thơ trong trắng như một khối băng tâm
 Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu...

HÀN-MẶC-TỬ (Xuân Như-Ý 1940)

Nhà thơ và kỷ-niệm tuổi thơ :

Thuở bé, **tôi** đeo chiếc khánh vàng
 Quần đào xẻ đũng, áo hàng lam
 Chân đi hài đỏ, tay thu pháo
 Nhộn cả nhà lên tiếng hát vang.

LAN-SON

Cái «**tôi**» đã chiến-thắng. Cuộc cách-mạng trong thi-ca Việt-Nam đã thành-công. Một thời quá-khứ đặng-dặc đã lui về dĩ-vãng và chúng ta thấy hiện ra trước mắt một chân trời mới sáng-lạng và huy-hoàng.

Chúng ta có thể lấy năm 1941 làm năm ghi dấu sự chiến-thắng hoàn-toàn của thơ mới, không phải vì năm ấy đã khép lại, cùng với « Mùa cổ-diễn » của Quách-Tấn, « một thời-đại trong thi-ca » mà chính vì năm ấy, quốc-gia Việt-Nam chúng ta, trong cái trào-lưu tiến-hóa của văn-học thế-giới, đã ghi nhận « thơ mới » như là một môn học chính-thức trong văn-học-sử cùng với tác-phẩm của nhiều nhà thơ mới nổi danh và có tài.

CHƯƠNG II

NGUYÊN - NHÂN CHIẾN - THẮNG CỦA THƠ MỚI

Chúng ta có thể tìm trong cuộc chiến-thắng của thơ mới những nguyên-nhân sâu-xa và chính-yếu sau đây :

- Sự thắng thế của nền văn-học Âu-hóa.
- Sự thay đổi trong nếp sinh-hoạt tinh-thần và vật-chất của dân-tộc.
- Sự bất lực của thơ cũ để nói lên những khát-vọng của lớp người trẻ mới.

SỰ THẮNG THẾ CỦA NỀN VĂN-HỌC ÂU-HÓA

Với hòa-ước Patenôtre (1884), Việt-Nam thuộc hẳn vào tay người Pháp. Sau khi người Pháp đã ổn-định xong tình-trạng lộn-xộn chiến-tranh thì cuộc tranh-chấp khá hào-hứng lại diễn ra giữa văn-hóa Đông-phương và văn-hóa Tây-phương mà kết-quả tất nhiên hợp với lẽ tiến-hóa là sự thắng thế của văn-hóa Tây-phương. Sau khi các khoa thi-cử bằng chữ Hán bị bãi-bỏ hẳn, các nho-sĩ lặn-

lượt và âm-thầm rút lui, nhường chỗ lại có lớp người mới hấp-thụ Tây-học, khiến cho thi-sĩ Trần-tế-Xương đã phải buột mồm than :

Nào có ra gì cái chữ nho !

Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co

Chi bằng đi học làm ông Phán

Tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò.

Chỉ có bốn câu thơ mà đã nói lên được cái sự đầu hàng của nền văn-hóa cũ trước ưu-thế của nền văn-hóa mới, nền văn-hóa của kẻ mạnh chiến-thắng kẻ yếu.

Sự thành hình của nền văn-hóa Âu-học trải qua ba thời-kỳ : thời-kỳ ấu-trĩ, thời-kỳ mở-mang và thời-kỳ trưởng-thành.

Trong thời-kỳ thứ nhất (từ 1884 đến 1913), chữ quốc-ngữ được dùng để phổ-thông trong dân gian, khởi sự là ở Nam-kỳ và hai học-giả có công nhất trong công-cuộc này là Huỳnh-tịnh-Cửa và Trương-vĩnh-Ký.

Trong thời-kỳ mở-mang (từ 1913 đến 1930) các học-giả như Nguyễn-văn-Vĩnh, chủ-trương Đông-Dương tạp-chí (1913-1919) và Phạm-Quỳnh chủ-trương Nam-Phong tạp-chí (1917-1934) có công trong việc truyền - bá học-thuật và tư - tưởng phương Tây trong lớp người trẻ.

Trong thời-kỳ trưởng-thành (từ năm 1930 đến năm 1945) lớp thanh-niên đã từng được đào-luyện theo văn-hóa phương Tây chủ-trương đổi mới,

hoàn-toàn mới. Chính trong thời-kỳ này đã thành hình những khuynh-hướng lãng-mạn, tả thực và tượng-trung trong thi-ca Việt-Nam.

Nhưng trở-trêu thay, cuộc cách-mạng trong thi-ca Việt-Nam đánh dấu vào năm 1932 lại là do công đầu của Phan-Khôi, một nhà thơ có Hán-học uyên-thâm.

SỰ THAY ĐỔI TRONG NẾP SỐNG TINH-THẦN VÀ VẬT-CHẤT CỦA DÂN-TỘC

Thời-kỳ văn-hóa Âu-học trưởng-thành là một thời-kỳ gây nhiều xáo-trộn nhất trong nếp sống tinh-thần và vật-chất của dân-tộc. Lớp người mới không vui cái vui của người quân-tử ngày xưa nữa, không buồn cái buồn của Lão-Trang nữa. Sự ăn mặc cũng thay đổi, sở thích cũng không còn như cũ nữa.

Thi-ca, hình-thức cao nhất của văn-học, đã phản-ảnh đầy đủ sự thay đổi sâu đậm trong nếp sống tinh-thần và vật-chất đó.

Một thế-kỷ trước, buồn người ta uống rượu với cô đào :

Tửu với sầu như mã với ngư.

Trong lai-láng biết tránh đâu cho khỏi

Càng tài-tử càng nhiều tình trái

Mối sầu kia theo tình ấy mà ra

Mua sầu tại kẻ tài-hoa.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (1778 - 1858)

Một thế-kỷ sau, buồn người ta đi lang-thang
và mơ-mộng viễn-vông, buồn một nỗi buồn vô cớ :

Chàng Huy-Cận khi xưa hay sầu lắm
Gió trăng ơi, nay còn nhớ người chẳng
Hơn một lần chàng đã gửi cho trăng
Nỗi hieu-quạnh của hồn buồn vô cớ
Thuở chàng sống thì lòng chàng hay nhớ
Nỗi nhớ thương không biết đã tan chưa
Hay lòng chàng vẫn tủi nắng sầu mưa
Cùng đất nước và nặng buồn sông núi.

HUY-CẬN (1940)

Người ta nhớ-nhung bè-bạn, nhớ người đồng
cảnh cũng khác nhau :

Ai lên nhắn hỏi bác Châu-Cầu
Lụt-lội năm nay bác ở đâu ?
Mấy ồ lợn con rày lớn bé
Vài gian nếp cái gạo nông, sâu ?

NGUYỄN-KHUYẾN (1835-1909)

Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine
Hai chàng thi-sĩ choáng hơi men
Say thơ xa lạ mê tình bạn
Khinh-rẻ khuôn mơn bở lối quen.

XUÂN-DIỆU (1938)

Cả tâm-hồn lãng-mạn của người đàn-bà cũng
thay đổi khác nhau , một trời một vực :

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung
Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh-lùng.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG (Thế-kỷ 19)

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái-ân lạt-lẽo của chồng tôi
Mà từng thu chết, từng thu chết
Vẫn giấu trong tim bóng một người.

T. T. KH. (1937)

Và chỉ cách nhau có vài ba mươi năm thôi, cách
nhau một thế-hệ mà các cuộc trác-táng cũng mang
những màu sắc khác, những ý nghĩ khác :

Năm canh to nhỏ tình ma chuột
Sáu khắc mơ-màng chuyện nước mây
Êm-ái cung đàn chen tiếng hát
Là-dà kẻ tỉnh giắt người say.

TRẦN-TẾ-XƯƠNG (1870-1907)

Không em ạ, không còn can-đảm nữa
Không, nguồn yêu suốt lệ đã khô rồi
Em hãy đốt giùm anh trong mắt lửa
Chút tru-tư còn sót ở đời moi.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG (1940)

Chỉ cách nhau có khoảng mười năm mà cả cái
tâm-sự «anh-hùng» qua những bài thơ có tính-chất
anh-hùng-ca cũng khác nhau xa quá :

Nọ bức dư đồ thử đứng coi
 Sông sông núi núi khéo bìa cười
 Biết bao lúc mới công vờn-vẽ
 Sao đến bây giờ rách tả-toi. . .

TẢN-ĐÀ (làm khoảng 1928)

Gặm một khối căm-hờn trong cũi sắt
 Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua
 Khinh lũ người kia ngạo-mạn ngằn-ngor
 Giương mắt bé giễu oai-linh rừng thẳm
 Nay sa cơ bị nhục-nhẫn tù hãm
 Đề làm trò lạ mặt, thử đồ chơi
 Chịu ngang hàng cùng bầy gấu dở hơi
 Với cặp báo chuồng bên vô tư-lự
 Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
 Thuở tung hoành hống-hách những ngày
 xưa...
 Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả cây già
 Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét
 núi.

THẾ-LỮ (1938)

Có thể nói sự tiếp-xúc với văn-hóa phương Tây đã ghi lại trong tâm-hồn người Việt-Nam thời bấy giờ những ấn-tượng sâu-xa đến biến ra thành thơ chân-thành và mãnh-liệt.

Có thể nói sự tiếp-xúc đó là một cuộc thay đổi nội-tâm vĩ-dại nhất từ ngày tổ-tiên ta lập quốc đến nay.

Một cuộc cách-mạng vĩ-đại như vậy, ồ-ạt như vậy, lôi-cuốn cả một dân-tộc vào một trào-lưu sinh-hoạt mới như vậy, tự nhiên phải phá vỡ những khung, những nền-tảng cũ, để thiết-lập những nền-tảng mới.

Trong phạm-vi thi-ca, cuộc cách-mạng đó đã phá vỡ những thể-thức cũ, những qui-luật lưu-truyền từ Trung-Quốc thâm nhập sang từ 10 thế-kỷ trước.

SỰ BẤT LỰC CỦA CÁC THỂ THƠ ĐƯỜNG LUẬT ĐỂ NÓI LÊN NHỮNG KHÁT-VỌNG CỦA LỚP NGƯỜI MỚI

Thơ cũ với những niêm luật về số câu, số chữ, lối đối, niêm, qui-luật bố-cục của từng câu thơ : phá, thừa, thực, luận, kết, qui-luật đặt thanh, không còn thích-hợp với những tư-tưởng phóng-khoáng nữa ; khuôn-khổ chật-hẹp xưa phải rạn nứt trước cái trào-lưu ồ-ạt của tư-tưởng phương Tây. Người ta chối bỏ sự bắt chước những qui-luật được đặt ra từ đời Đường (620-905) và đã từng khống-chế trên thi-đàn Việt-Nam suốt 1000 năm qua. Người ta tránh các danh-từ hán-tự, tránh các điển-tích Trung-Hoa. Và lối thơ đó người ta gọi là lối thơ mới mà trong quyển « Luật Thơ Mới », chúng tôi đã có định-nghĩa.

Nhưng mới là mới như thế nào ? Chúng ta hãy nghe Hoàng-Đạo hiệu-triệu trong « Mười điều tâm-niệm » (1939) :

« Hỡi các bạn trẻ !

Hỡi các người đang tuổi thanh-niên hăng-hải, bổng-bột, nhiệt-thành với mọi việc.

Những người tóc bạc mà trí vẫn sáng-suốt, tâm-hồn vẫn trẻ-trung.

Những người lúc nào cũng nghĩ đến tiến, tiến hơn lên, tiến hơn lên nữa !

Cõi đời cũ, cõi đời cần.cỗi, đọng lại như nước ao-tù từ mấy ngàn năm xưa của phái thủ cựu đã đi vào nơi tiêu-diệt như đêm tối tan đi trước ánh sáng của vùng thái-dương.

Vậy cần phải có một cuộc đời mới, với một tinh-thần, một linh-hồn mới. Đó là cuộc đời của bạn, của phái trẻ chúng ta.

Trong cuộc đời mới đang đợi ta, đầy ánh sáng và chông-gai, ta lúc nào cũng phải tâm-niệm đến những ý-tưởng chính, đến nguyên-tổ nền-tảng của tinh-thần mới. Những tư-tưởng, những nguyên-tổ ấy, ta có thể gồm lại trong mười điều, mười điều tâm-niệm ».

Và để rõ-ràng hơn, Hoàng-Đạo thêm :

« Theo mới nghĩa là Âu-hóa. Âu-hóa không phải là ăn-vận cho đúng một Paris, nhảy đầm cho đúng điệu, nặn mũi cho lỗ, pha thuốc vào mắt cho xanh. Âu-hóa, là phải tìm đến những điều cốt-yếu của văn-hóa Tây-phương để áp-dụng vào đời ta.

Văn-hóa Âu-Mỹ đem sang trồng ở đất ta tự nhiên sẽ biến; những điều hợp với tinh-thần riêng của dân-tộc sẽ còn và nảy-nở ra, những điều không thích-hợp tự nhiên sẽ bị đào-thải ».

HOÀNG-ĐẠO (Mười điều tâm-niệm)

Nhận định của Hoàng-Đạo áp-dụng vào thơ mới được xác-nhận là đúng. Chúng ta hấp-thụ nền văn-hóa Pháp nhưng chúng ta chỉ thu nhận những điều thích-hợp với tinh-thần dân-tộc. Chúng ta không làm những bài thơ theo thể ode, ballade, sonnet, rondeau v.v... của Pháp mà chúng ta chỉ rút ra từ thi-luật Pháp những điểm hay như những cách gieo vần, tréo, ôm, tiếp, những lối choàng, thông trong thơ làm cho câu thơ biến-hóa thêm tiết điệu, thêm thơ.

Thí-nghiệm của các nhà thơ như Lan-Sơn, tác-giả « Bài đám ma đi » dùng lối thơ 9 tiếng đã hỏng. Thể thơ 12 tiếng và 10 tiếng bắt chước thể thơ 12 âm (alexandrins) và 10 âm (octosyllabiques) của Pháp cũng không hề tồn-tại :

Chiều thu. Sau rặng tre xa, mặt trời khuất bóng
Ánh vàng còn rải-rác trên cánh đồng xanh rộng
Đám mây chiều trắng xám đã nổi ở chân trời
Từ xa lại, gió thu làm man-mác lòng người.

NGUYỄN-VĂN-KHEN

Trong đoạn thơ mười tiếng trên, ta thấy có bao nhiêu là tiếng thừa không những không cần-thiết cho thơ mà còn làm mất cả chất thơ.

Vậy, ta có thể kết-luận rằng : nhờ sự tiếp-xúc với văn-hóa Âu-Tây, thơ mới đã chiến-thắng thơ cũ. Nhưng thơ mới của chúng ta vẫn giữ được cái sắc-thái riêng biệt. Dân-tộc Việt-Nam chúng ta chỉ nhập-cảng vào đất nước chúng ta những gì phù-hợp với tinh-thần dân-tộc. Đó chính là điều mà chúng ta có thể hãnh-diện và tự-hào, đặc-biệt và rõ-rệt hơn hết là trong thơ, một hình-thức cao nhất, có-dụng nhất của văn-học, có thể phản ảnh đầy đủ và đúng-dắn những nếp sinh-hoạt tinh-thần và vật-chất của dân-tộc chúng ta.

CHƯƠNG III

NHỮNG KHUYNH-HƯỚNG TRONG THI-CA VIỆT-NAM (1932-1962)

Ý-niệm về khuynh-hướng trong văn-học là một ý-niệm phức-tạp nhưng rất cần-thiết để hiểu văn-học-sử. Ý-niệm đó « vừa lờ-mờ, vừa rõ-rệt ». Nhưng nếu không có ý-niệm đó, thì văn-học-sử chỉ là một món « tả-pí-lù ». André Maurois trong tuần báo « văn-học Pháp » số ra ngày 8-10-53 có viết : *« Các nhà thi-văn Pháp luôn luôn có cái khiếu thích trường-phái. Luôn luôn họ thích tụ-tập chung quanh một danh-từ trừu-tượng : cổ-điển, lãng-mạn, hiện-thực, tả-chân, tượng-trưng, hiện-sinh »* (1).

Thực ra, không phải tại các nhà thi-văn thích trường-phái, mà chính tại các nhà nghiên-cứu và phê-bình văn-học luôn luôn có cái khuynh-hướng xếp các nhà thi-văn vào trường-phái, luôn luôn cố

(1) *Les écrivains français ont toujours eu le goût des écoles. Toujours ils ont aimé à se regrouper autour d'un terme abstrait : classisme, romantisme, réalisme, naturalisme, symbolisme, existentialisme.»*

tìm những điểm tương-đồng giữa các nhà văn để xếp họ vào trường-phái, dù rằng những nhà văn đó không hề có ký vào một bản tuyên-ngôn chung.

Sự thiết-lập các trường-phái trong văn-học thường không có tính-cách rõ-rệt. Trường-phái cổ-điển ở Pháp, ta thường gọi là trường-phái 1660, không có nghĩa là nó được thiết-lập năm 1660. Cũng vậy, về trường-phái lãng-mạn ở Pháp, các nhà phê-bình văn-học cũng không ai dám quả-quyết nó bắt nguồn từ đâu, từ «biển-cổ văn-học» nào, từ năm 1802 (năm Chateaubriand cho xuất-bản quyển «Génie du Christianisme»), từ năm 1810 (năm bà De Staël cho xuất-bản quyển «De l'Allemagne») hay năm 1820 (năm thi-sĩ Lamartine cho xuất-bản tập thơ «Méditations»)?

Thật không có ai dám quả-quyết một trường-phái văn-học được thiết-lập bao giờ và tan-rã bao giờ. Đó là cái khó-khăn để qui-định sự thành hình một trường-phái trong thời-gian.

Một khó-khăn khác của ý-niệm trường-phái là ngôi thứ, bởi vì ý-niệm đó luôn luôn dẫn theo với nó ý-niệm chủ-súy thi đàn. Trong trường-phái thi-sơ ở Pháp, ai là người chủ-súy?— Không thể là Théophile Gautier, mà cũng chưa hẳn là Leconte de Lisle. Cho nên ngày nay, các nhà khảo-luận văn-học thường chấp nhận ý-niệm khuynh-hướng hơn là ý-niệm trường-phái. Ý-niệm về khuynh-hướng đó rất cần-thiết cho người sáng-tác văn-học để biểu-thị thẩm-mỹ-quan của mình cũng như cần-thiết cho

người phê-bình văn-học đề quy-tụ những người cùng chung một thẩm-mỹ-quan đó, *không phân-biệt thời-gian cũng như không-gian.*



Giáo-sư Dương-Quảng-Hàm, trong «Việt-Nam Văn-học Sử-yếu» (1941) đã từ chối không chịu phân chia các nhà thơ Việt-Nam tiền thế-chiến ra làm các khuynh-hướng (điều mà ông chỉ làm ở chương: « Các văn-gia hiện-đại. Các khuynh-hướng phổ-thông của tư-tưởng. Phái Tự-Lực Văn-Đoàn »).

Hoài-Thanh, một nhà phê-bình văn-học tiền thế-chiến, sau khi đã phân chia thi-ca Việt-Nam thời-kỳ 1932-1941 ra làm ba dòng: *dòng Pháp, dòng Việt và dòng Đường*, đã nhận xét như sau về dòng Pháp: « Riêng về dòng này, thơ Việt đã diễn lại trong 10 năm cái lịch-sử một trăm năm của thơ Pháp, từ lãng-mạn đến thi-sơn (Le Parnasse), tượng-trung và những nhà thơ sau tượng-trung ».

Sự phân chia như vậy không có gì là hợp-lý. Bởi vì, sự thực trong thơ Việt dù là tiền hay hậu thế-chiến *cũng chỉ có một dòng thơ: đó là dòng thơ Việt-Nam, một hồn thơ: đó là hồn thơ Việt-Nam.* Hồn thơ đó ở nhà thơ này có thể chịu ảnh-hưởng của thơ Đường, ở nhà thơ khác thì chịu ảnh-hưởng của nhà thơ Pháp và ở nhà thơ khác nữa thì mang nhiều dấu vết của thơ cổ-diễn Việt-Nam (một thứ thơ Đường, thơ Trung-Hoa đã Việt-hóa rồi).

Một sai lầm khác nữa của nhận-định trên là ở chỗ chỉ chấp nhận cho *dòng thơ Pháp* ba khuynh-hướng lãng-mạn, thi-sơn và tượng-trung. Thực ra, nhà thơ thuần-túy Việt-Nam như Lưu-Trọng-Lư cũng lãng-mạn không kém gì Xuân-Diệu,

Huy-Cận, cũng tượng-trung không kém gì Bích-Khê, Hàn-Mặc-Tử.

Có điều ta phải nói thẳng ra là thi-ca Việt-Nam trong 30 năm qua, đã chịu ảnh-hưởng rõ-rệt của thi-ca Pháp : các nhà thơ Việt-Nam tiền và hậu thế-chiến trong khi hấp-thụ nền văn-học Pháp, đã say-mê một số nhà thơ Pháp thế-kỷ 19, mà ảnh-hưởng ta có thể tìm thấy rõ-rệt không những ở nhà thơ Việt-Nam mà còn ở các nhà thơ khác trên thế-giới hiện nay như Conrad Aiken, thi-sĩ Mỹ (từng chịu ảnh-hưởng của Valéry) như T.S Eliot, thi-sĩ Anh được giải Nobel 1948 (từng chịu ảnh-hưởng của Jules Laforgue)...

Không biết rồi đây, chịu ảnh-hưởng của những trào-lưu tư-tưởng mới, của những nền văn-học mới, thi-ca Việt-Nam ngày mai sẽ đi về đâu ? Chứ cứ xét lại quá trình tiến-triển của thi-ca Việt-Nam 30 năm qua, ta thấy hiện lên vừa rõ-rệt vừa lờ-mờ các khuynh-hướng sau đây :

- Khuynh-hướng lãng-mạn,
- Khuynh-hướng tượng-trung và
- Khuynh-hướng tả-thực

là những khuynh-hướng thành hình trong thời tiền thế-chiến và hiện nay vẫn còn đang tiếp diễn,

— Khuynh-hướng hiện-sinh là khuynh-hướng thành hình trong thời hậu thế-chiến.

Có điều khó-khăn là rất nhiều nhà thơ đi từ khuynh-hướng này sang khuynh-hướng khác.

Trong 12 năm, Hàn-Mặc-Tử đã đi từ cồ-diễn qua lãng-mạn để đến khuynh-hướng tượng-trung.

Khởi sự từ khuynh-hướng cồ-diễn, Hàn-Mặc-Tử đã từng làm những bài thơ Đường-luật :

Vội-vàng chi lắm nhận tung mây,
Chăm-chậm cho mình gửi mối giây
Về đến Thần-Kinh khoan nghĩ đã,
Ghé miền Gia-Hội tỏ tình ngây
Suốt năm canh mộng hồn mê mỗi
Chỉ một lòng son muốn giải bày
Này nhận, ta còn quên chút nữa :
Con tim non-nớt tặng nàng đây.

HÀN-MẶC-TỬ

(Họa vận bài thơ của Mộng-Châu 1928)

Tám năm sau, khuynh-hướng cồ-diễn đó đã thành khuynh-hướng lãng-mạn trong « Gái Quê » (1936), một tập thơ đầy đầy những hình-ảnh của dục-tình thâm lén :

Trăng nằm sóng soải trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả-loi
Hoa lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi-hộp chi Hăng ơi !



Trong khóm vi-lau rào-rạt mãi
 Tiếng lòng ai nói sao im đi ?
 Ô kia ! bóng nguyệt trần-trồng tắm
 Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.



Vô tình để gió hôn trên má
 Bẽn-lẽn làm sao lúc nửa đêm
 Em sợ lang-quân em biết được
 Nghi-ngờ đến cái tiết-trình em.

HÀN-MẶC-TỬ (Bẽn-lẽn)

Mười hai năm sau, trước khi qua đời, thì
 Hàn-Mặc-Tử đã đến nơi tối-tăm của khuynh-
 hướng tượng-trung trong tập thơ « Đau Thương »
 (1940) :

Thượng-thanh khí-tiết ra nguồn tinh khí
 Xa-xôi đời, trắng mọc nước huyền-vi
 Đây miên-trường, đây vĩnh-cửu tề-phi
 Cao cao vượt tới hai hàng bóng vía
 Trời nhật nguyệt, cầu vồng bắc từ phía
 Ôi Hoàng-Hoa ! Hồn phách đến nơi đây ?...

HÀN-MẶC-TỬ

(Đừng cho lòng bay xa, 1940)

Và cũng trong « Đau Thương », Hàn-Mặc-Tử
 viết :

Maria ! linh-hồn tôi ớn lạnh
 Run như run thần tử thấy long nhan
 Run như run hơi thở chạm tơ vàng
 Nhưng lòng vẫn thắm nhuần ơn triu-mến
 Lạy Bà là đấng tinh truyền thanh vẹn. . .

Ta thấy ở đây Hàn-Mặc-Tử đã áp-dụng «lý-thuyết thi-ca rất mới» của Mallarmé, tác-giả Hérodiade : thay vì nói hơi thở chạm tơ vàng, tơ vàng run, thì thi-sĩ sẽ bảo vì tơ vàng run nên kết-luận là hơi thở run. Ở đây thi-sĩ không diễn-tả sự vật mà diễn-tả ảnh-hưởng, kết-quả mà sự vật đó gây ra (peindre non la chose, mais l'effet qu'elle produit).

Cho nên ở Hàn-Mặc-Tử, khuynh-hướng chính là khuynh-hướng tượng-trung. Bích-Kê, cũng như Hàn-Mặc-Tử, khởi sự từ cổ-diễn nhưng lại bước ngay sang tượng-trung.

Trong thời tiền thế-chiến, có những nhà thơ vừa lãng-mạn, vừa tượng-trung (Xuân-Diệu, Huy Cận). Có những nhà thơ đi từ cổ-diễn đến lãng-mạn, thỉnh-thoảng ghé thăm thơ tượng-trung (Vũ-Hoàng-Chương). Có những nhà thơ đi từ cổ-diễn đến lãng-mạn (Mộng-Tuyết), thỉnh-thoảng cũng ghé thăm thơ tượng-trung (Đông-Hồ). Có những nhà thơ đi từ lãng-mạn đến tượng-trung nhưng lại quay về lãng-mạn để giữ địa-vị ưu-thế ở khuynh-hướng sau này (Đinh-Hùng v.v...)

Trong thời hậu thế-chiến, cũng có những nhà thơ đi từ cổ-diễn qua lãng-mạn để đến tượng-trung (Đoàn-Thêm). Có những nhà thơ đi từ tượng-trung đến hiện-sinh (Cung-Trầm-Tưởng, Quách-Thoại...) Có những nhà thơ đi từ lãng-mạn đến hiện-sinh (Duy-Năng, Xuân-Phụng...)

Và dĩ-nhiên, vẫn có những nhà thơ trước sau vẫn ở trong một khuynh-hướng mà thôi : cổ-diễn (Nguyễn-Giang, Quách-Tấn...), lãng-mạn (Thế-Lữ, Thu-Hồng...), hiện-sinh (Nguyễn-Sa, Trần-thy Nhã-Ca v.v...).

Như đã trình bày, ý-niệm về trường-phái và khuynh-hướng là một ý-niệm phức-tạp nhưng thực-dụng. Chúng tôi sẽ cố-gắng tìm trong mỗi khuynh-hướng «*toàn bộ những người theo một chủ-nghĩa thẩm-mỹ*» bất cứ ở thời tiền thế-chiến hay hậu thế-chiến, hữu-ý hay vô-tình có những tác-phẩm trả lời cho một số những điểm tương-đồng cùng soi sáng những tác-phẩm của họ.

PHẦN THỨ HAI

KHUYNH-HƯỚNG THÀNH HÌNH THỜI TIỀN THỂ - CHIẾN

- *Khuynh-hướng lãng-mạn.*
- *Khuynh-hướng tượng-trung.*
- *Khuynh-hướng tả-thực.*

KHUYNH - HƯỚNG LÃNG - MẠN

CHƯƠNG I

ĐI TÌM MỘT ĐỊNH-NHĨA CHO KHUYNH-HƯỚNG LĂNG-MẠN

Nhà văn Albérès trong quyển « *Tổng kê văn-học thế-kỷ 20* » (Bilan littéraire du 20^e siècle) xác-nhận văn-học lãng-mạn là cần-thiết : « . . . Cần một loại văn-học lãng-mạn trong đó vấn-đề chỉ được cảm thấy, nhưng mỗi người có thể ý-niệm một lối giải-quyết riêng ».

Thật vậy, mỗi nhà văn, nhà thơ đều có một ý-niệm riêng về văn-học lãng-mạn, cho đến các nhà phê-bình văn-học cũng có mỗi người một định-nghĩa riêng về danh-từ « lãng-mạn ».

Trong các sách giáo-khoa Pháp trước đệ-nhi thế-chiến, người ta thường định-nghĩa khuynh-hướng lãng-mạn như là một khuynh-hướng gồm có ba đặc-tính chống đối khuynh-hướng cổ-diễn.

Trước hết, đó là một khuynh-hướng tự-do. Nếu sức mạnh của văn-học cổ-diễn là ở chỗ có qui-luật thì ngược lại, khuynh-hướng lãng-mạn chủ-trương tự-do. Không chấp nhận những ràng-buộc nữa ! Đó là khẩu-hiệu tập-hợp các nhà thi-văn có

khuynh-hướng lãng-mạn. Tiếp theo, khuynh-hướng lãng-mạn chống lại văn-học cổ-diễn ở chỗ nếu văn-học cổ-diễn chủ-trương đặt lý-trí lên trên ấn-tượng, tình-cảm, tưởng-tượng thì ngược lại, văn-học lãng-mạn cho tha hồ thao-túng ấn-tượng, tình-cảm và tưởng-tượng, chấp nhận những đam mê có thể trái với đạo-đức. Cuối cùng, nếu khuynh-hướng cổ-diễn nghiên-cứu và trình-bày con người phổ-quát để người đọc có thể tìm trong con người phổ-quát đó hình-ảnh của mình thì, ngược lại, chủ-nghĩa lãng-mạn nghiên-cứu và trình-bày con người riêng biệt để người đọc có thể tìm trong đó hình-ảnh của nhiều người ; đồng thời, chủ-nghĩa lãng-mạn cũng chú-trọng đến con người ở khắp các quốc-gia chứ không riêng con người trên một quốc-gia nào (1).

P. Van Tieghem, nhà phê-bình và khảo-luận văn-học Pháp hậu thế-chiến, cho rằng không thể định-nghĩa khuynh-hướng lãng-mạn bằng cách so-sánh với khuynh-hướng cổ-diễn. Vả lại, không hề có sự chống đối giữa hai khuynh-hướng đó. Theo Tieghem, thì « khuynh-hướng lãng-mạn là sự nối tiếp và mở rộng của khuynh-hướng cổ-diễn » (2).

Marcel Aymé trong « Confort intellectuel » đã tố-cáo văn-học lãng-mạn, cho rằng văn-học lãng-mạn là một thứ văn-học ủy-mị « đề cao một thứ

(1) Maurice Morel : *Abrégé de l'histoire de la littérature française* (trang 277).

(2) Philippe Van Tieghem : *Petite histoire des grandes doctrines littéraires*, PUF : « Le romantisme, c'est la continuation et l'épanouissement du classicisme ».

nhân-sinh-quan tội-lỗi và yếu-hèn». Giraudoux định-nghĩa thời-kỳ lãng-mạn và lãng-mạn chủ-nghĩa trong văn-học như sau :

« Thời-kỳ lãng-mạn của một quốc-gia chính là thời-kỳ mà mọi sự đều lui bước trước sự đòi hỏi và nổi nhớ-nhung của trái tim. Lãng-mạn chủ-nghĩa chính là phiếm thần luận của thời-dại văn-minh vậy. Lãng-mạn chủ-nghĩa đem đặt ngay trong tay mỗi người công-dân một thần tượng và công-dân trở thành vừa là tu-sĩ vừa là tạo-hóa. Đó là thời-kỳ của bệnh-hoạn mà ngay thẳng trong tâm-hồn và cũng là thời-kỳ của bất-mãn và sáng-suốt, thời-kỳ độc-nhất mà vai trò nhà văn đưa họ lên tới mức ý-thức của thời-dại ».

Thi-ca lãng-mạn, một hình-thức cao nhất của văn-học lãng-mạn, cũng thường nhận được những định-nghĩa tương phản nhau như thế.

Năm 1935, trong tập « Mấy vần thơ », Thế-Lữ đã tả người « khách tình-si », hình-ảnh của nhà thơ lãng-mạn theo quan-niệm của mình :

Tôi chỉ là một khách tình-si
 Ham vẽ đẹp của muôn hình, muôn thể
 Mượn lấy bút nàng Ly-Tao tôi vẽ
 Và mượn cây đàn ngân phiếm tôi ca
 Vẽ đẹp u-trầm, đắm-đuối hay ngây-thơ
 Cũng như vẽ đẹp cao-siêu hay hùng-tráng
 Của non-nước, của thi-văn tư-tưởng,

.

Với nàng thơ, tôi có đàn muôn điệu
 Với nàng thơ, tôi có bút muôn màu
 Tôi muốn làm nhà nghệ-sĩ nhiệm-mầu
 Lấy thanh sắc trần-gian làm tài-liệu.

THẾ-LỮ

(Mấy vần thơ 1935)

Năm 1938, tác-giả « Thơ Thơ » định-nghĩa nhà thơ lãng-mạn như là một « người thơ tình lơ-lả », sống đúng theo qui-luật điệu-huyền của vũ-trụ :

Là thi-sĩ nghĩa là ru với gió
 Mơ theo trăng và vờ-vẩn cùng mây
 Đề linh-hồn ràng-buộc với muôn dây
 Hay chia xẻ bởi trăm tình yêu-mến...

Tôi chỉ là cây kim bé nhỏ
 Mà vạn-vật là muôn đá nam-châm
 Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm
 Sao lại trách người thơ tình lơ-lả ?

XUÂN-DIỆU

(Thơ-Thơ 1938)

Với Hàn-Mặc-Tử, nhà thơ lãng-mạn là nhà thơ ước-mơ người đẹp. Còn mơ-ước người đẹp thì còn thơ. Khi ước-mơ đó tan vỡ thì nhà thơ cũng tiêu-tan nguồn cảm-hứng :

Ngày mai anh bỏ làm thi-sĩ :
 Em đã lấy chồng, hết ước-mơ

HÀN-MẶC-TỬ

Những câu thơ trên cho ta cái ý-niệm lơ-mờ về nhà thơ lãng-mạn, về tính-chất cũng như về khả-năng của thơ lãng-mạn.

Vậy thi-ca lãng-mạn là gì ?

Thi-ca lãng-mạn không có nghĩa là thơ « than mây khóc gió », là « mơ-mộng viễn-vông ». Thi-ca lãng-mạn của thời-đại nào là cái nghệ-thuật ghi lại những cảm-xúc chân-thật nhất của nhà thơ trong thời-đại đó. Cảm-xúc đó có khi là cái cảm-xúc trước cái đẹp, trước vũ-trụ, trước cuộc sống, trước những vấn-đề xã-hội, chiến-tranh. Thi-ca lãng-mạn của thời-đại nào là cái nghệ-thuật làm cho người của thời-đại đó thích-thú nhất. Thi-ca lãng-mạn là cái gì hay nhất, mới nhất trong một thời-kỳ văn-học; có khi cái lãng-mạn của cả một thời-kỳ văn-học đồng-hóa với cái lãng-mạn trong thi-ca. Nếu cái lãng-mạn văn-học đó trường-tồn thì nó sẽ trở thành cổ-diễn : như vậy, ta thấy không hề có sự chống đối giữa khuynh-hướng cổ-diễn và khuynh-hướng lãng-mạn mà chỉ thấy trong khuynh-hướng sau này, sự nối tiếp của khuynh-hướng cổ-diễn (đã từng hay nhất trong thời-đại trước).

Ngày xưa, người Trung-Hoa chắc-chắn phải thích thơ Trương-Tịch. Qua bài « Tiết phụ ngâm », một bài thơ nói lên mối tình của người thiếu-phụ đã có chồng, ta còn có thể đọc được tâm-trạng trung-quân ái-quốc của Trương-Tịch :

Quân tri thiếp hữu phu

Tặng thiếp song minh châu

Cảm quân triền-miên ý

Hệ tại hồng-la nhu

Thiếp gia cao-lâu liên uyên khí

Lương-quân chấp kích Minh-quang lý
 Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt
 Sự phu thê nguyện đồng sinh tử
 Hoàn quân minh châu song lệ thù
 Hận bất tương-phùng vị giá thì.

TRƯƠNG-TỊCH

Chàng nghe em có chồng rồi
 Yêu em chàng tặng một đôi ngọc lành
 Vắn-vương những cảm mối tình
 Em đeo trong áo lót mình màu sen
 Nhà em vườn ngự kê bên
 Chồng em chấp kích ở đền Minh-Quang
 Như gương, vâng biết lòng chàng
 Thờ chồng quyết chẳng phụ-phàng thề xưa
 Giả ngọc chàng, lệ như mưa
 Hận không gặp-gỡ khi chưa có chồng.

NGÔ-TẤT-TỐ

(dịch)

Một thế-kỷ trước đây, tổ-tiên chúng ta chắc-chắn đã thích thơ Bà Huyện Thanh-Quan. Ngày nay, đọc «Qua đèo ngang», «Thăng-Long thành hoài cổ», ta vẫn còn thấy thơ của Bà Huyện Thanh-Quan hay vì hình-ảnh đẹp, vì ý-tưởng thanh-tao, vì lời thơ trang-nhĩa. Nhưng ngày nay, nếu ai bắt chước đề-tài, bắt chước thể thơ hoặc vay mượn ý-tử của Bà Huyện Thanh-Quan thì ta sẽ gọi đó là «cổ-diễn». Cho nên, chúng ta có thể đồng ý với nhà thơ của Anh-quốc là Shakespeare (1564-1616) khi ông viết :

«Xét cho kỹ, tất cả những đại thi-văn-hào đều là lãng-mạn trong thời-đại của họ. Chính một thế-kỷ sau khi họ mất, những kẻ nào bắt chước họ, là cồ-diễn...».

Tóm lược, khuynh-hướng lãng-mạn trong thi-ca là khuynh-hướng chủ-quan ghi lại bằng thơ những cái gì đẹp nhất, những cái gì hay nhất và những cái gì mới nhất của một thời-kỳ văn-học. Nếu cái đẹp đó, cái hay đó, cái mới đó trường-tồn với thời-gian thì nó sẽ trở thành cồ-diễn, *cồ-diễn không phải hiểu theo nghĩa bắt chước người xưa, mà hiểu theo nghĩa được ghi vào văn-học-sử của một quốc-gia và rộng hơn, của thế-giới.*

CHƯƠNG II

QUÁ - TRÌNH TIẾN - TRIỂN CỦA KHUYNH-HƯỚNG LÃNG-MẠN THỜI TIỀN THẾ-CHIẾN

Khuynh-hướng lãng-mạn, trong thơ mới khởi sự với bài thơ « Tình Già » (1932) của Phan-Khôi, một nhà nho làm thơ phá thể nói chuyện ái-tình.

Ba năm sau, Thế-Lữ cho ra đời tập « Mấy vần thơ » (1935) đánh dấu một trong những tác-phẩm đầu tiên có giá-trị của khuynh-hướng lãng-mạn. Hai bài thơ lãng-mạn của Thế-Lữ được nhiều người thích nhất là bài « Giây phút chạnh lòng » một thứ truyện thi-hóa và bài « Nhớ rừng » biểu-thị một ý-tưởng đấu-tranh.

Đồng thời, cũng vào năm ấy, Đông-Hồ cho xuất-bản tập « Cô gái xuân » ca-ngợi tình-yêu lãng-mạn với những vần thơ nhẹ-nhàng, uyển-chuyển :

— Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi
Em đâu còn áo mặc đi chơi
Bán thơ nhân dịp anh ra chợ
Đành gởi anh mua chiếc mới thôi

— Hàng bông mai biếc màu em thích
 Màu với hàng em đã dẫn rồi
 Còn thước tắc, quên ! em chưa bảo
 Kích tùng bao rộng, vạt bao dài ?

— Ô hay ! nghe hỏi mà yêu nhỉ !
 Thước tắc anh còn lựa hỏi ai ?
 Rộng hẹp tay anh bỗng ẵm đó
 Ngắn dài người mới tựa bên vai !

ĐÔNG-HỒ

(Cô gái xuân : Mùa áo)

Đã nói đến Đông-Hồ, thì phải nói ngay đến Mộng-Tuyết, bởi vì nhà thơ này là nguồn cảm-hứng của nhà thơ kia và ngược lại. Tác-giả « Phần Hương Rừng » cũng có những vần thơ yêu-đương rất duyên-dáng, viết theo lối đối-thoại :

— Anh ơi, em thích đời thi-sĩ
 Sao anh không dạy em làm thơ ?
 — Em đừng chúng chứng ! Cười anh bảo
 Thơ-thần gì em khéo ngần-ngơ . . .

— Một nàng tiên-nữ đẹp như em
 Là một bài thơ, một quả tim
 Là ánh hồng non, làn gió lướt
 Là hoa xuân thắm bóng trắng đêm.

— Thi-sĩ em ơi, đó lại là
 Người đi theo dõi bóng tiên-nga
 Ước-mơ yêu thích và ca-ngợi
 Những cái mà em đã có thừa.

— Nhưng không ! Em muốn học làm thơ
Đề trả thù anh đã hững-hờ :
Rồi phút say-sưa, anh có lại
Yêu em . . . em sẽ gỡ tay ra.

MỘNG-TUYẾT

Năm 1937, Lưu-trọng-Lư cho xuất-bản « Tiếng Thu », một tập thơ rất được hoan-ngênh, chấm một điểm son đầu tiên cho khuynh-hương lãng-mạn thuần-túy Việt-Nam :

Tiếng gà lại rộn trong thôn
Khoan đừng tơ-tưởng vợ con chuyện nhà
Giờ này còn của đôi ta
Giang-hồ rượu ấy còn pha lệ người
Ờ sao rượu chẳng kể môi
Lời đau kiêu-diễm cho người lòng chàng.

LƯU-TRỌNG-LƯ

Tháng 9 năm 1937, trên « Tiểu-Thuyết Thứ Bảy », người ta được đọc liên-tiếp bốn bài thơ ký T.T. KH., bốn bài thơ tâm-tình mà bài hay nhất là bài « Hai sắc hoa Ti-gôn » :

Một mùa thu trước mỗi hoàng-hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc
Tôi chờ người đến với yêu-đương.

Người ấy thường hay ngấm lạnh-lùng
Giải đường xa vút bóng chiều phong.
Và phương trời thăm mờ sương cát
Tay vít giấy hoa trắng chạnh lòng.



Người ấy thường hay vuốt tóc tôi
Thở dài trong lúc thấy tôi vui
Bảo rằng : « Hoa giống như tim vỡ
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi ».



Thuở đó nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan-tác của sinh-ly
Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy ».



Đâu biết lần đi một lữ-làng
Dưới trời đau-khổ chết yêu-đương,
Người xa-xăm quá, tôi buồn lắm
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường.



Từ đây thu rồi, thu lại thu
Lòng tôi còn giá đến bao giờ
Chồng tôi vẫn biết tôi thương-nhớ
Người ấy, cho nên vẫn hững-hờ.



Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái-ân lạt-lẽo của chồng tôi
Mà từng thu chết, từng thu chết
Vẫn giấu trong tim bóng một người.



Buồn quá ! Hôm nay xem tiểu-thuyết
Thấy ai cũng vì cánh hoa rơi
Nhưng hồng, tựa trái tim tan vỡ
Và đỏ như màu máu thắm pha.



Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu trước rất xa-xôi
Đến nay, tôi hiểu thì tôi đã
Làm lỡ tình-duyên cũ mất rồi.



Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ
Chiều thu, hoa đỏ rụng chiều thu
Gió về lạnh-lẽo chân mây vắng
Người ấy sang sông đứng ngóng đò.



Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng
Trời ơi người ấy có buồn không ?
Có thăm nghĩ tới loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai tựa máu hồng ?

T. T. KH.

Sau khi thơ T. T. KH. được đăng lên trên báo, nhiều nhà thơ đã tự nhận mình là « người ấy », người thứ ba trong câu chuyện lòng của T. T. KH.

Sau thế-chiến, có người cho là bốn bài thơ ấy là của một « nữ-sinh tên Trần-thị-Khánh, ở phố Sinh-tử, Hà-nội yêu một thanh-niên, hứa hôn với người này, sau vì sự ép buộc của gia-đình, phải lấy chồng là một người khác tên Nghiêm, làm việc cho một hãng buôn nọ ».

Gần đây, nhật báo « Dân-Việt » quả quyết T.T. KH. là một người đàn bà khác chứ không phải cô nữ-sinh kể trên, hiện đang sống ở Thị-Nghè, Gia-Định và đã có lần đến tòa-soạn Dân-Việt để minh-xác trước văn giới Việt-Nam.

Chung quanh mấy bài thơ nói lên nỗi lòng của một thiếu-nữ, đã có nhiều giai-thoại. Việc đó chứng-tỏ rằng thơ T. T. KH. đã làm rung-động tâm-hồn nhiều nam-nữ thanh-niên không những của thời trước mà của cả thời nay. Cái lãng-mạn của T. T. KH. vô hình chung đã trở thành cổ-diễn và ngày nay, người ta có thể đọc trên khắp các báo những bài thơ thuộc một loại tâm-tình lãng-mạn như thế. Những bài sau này, dù kỹ-thuật có điêu-luyện bao nhiêu, vẫn không rung-động tâm-hồn ta như thơ T. T. KH.

Năm 1938, Xuân-Diệu cho ra đời tập « Thơ Thơ », đưa khuynh-hướng lãng-mạn đến một khúc quanh quan-trọng, chịu ảnh-hưởng rõ-rệt nhất của thi-ca Pháp :

Hôm nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm
Anh nhớ em, em hỡi, anh nhớ em
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm
Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối...

XUÂN-DIỆU (Thơ Thơ 1938)

Bị phê-bình là « quá Tây », Xuân-Diệu không trả lời. Nhưng về sau, trong thơ Xuân-Diệu, dấu vết của những hình-ảnh và đảo-ngữ trong văn Pháp tan biến mất và chính trong lúc này, thơ Xuân-Diệu đã đến một đỉnh cao của thơ lãng-mạn :

Đôi khi ngày nhạt, tiếng chim qua
Xui ngược đầu lên để nhớ xa
Cánh biếc còn lưa đường rẽ trắng
Nghĩ buồn quan-ái, lạnh làn da

Ai trả cho tôi những mộng đầu
Nàng con gái nhỏ áo sai bầu
Đoạn tình thứ nhất trong sương ắp
Hoa cỏ đưa thơ, lá bắc cầu . . .

XUÂN-DIỆU (Lưu học-sinh 1942)

Sau khi « Thơ Thơ » ra đời, người ta ghi nhận nhiều phản-ứng liên - tiếp của khuynh-hướng cổ-diễn —, những phản-ứng cuối cùng — để chống lại khuynh-hướng lãng-mạn chịu ảnh-hưởng thi-ca Pháp ; đó là sự xuất-hiện của tập thơ Đường-luật « Một Tấm Lòng » (1939) và tiếp theo « Mùa cổ-diễn » (1941) của Quách-Tấn. Nhưng, bên cạnh những bài thơ Đường giữ đúng qui-luật, Quách-Tấn vẫn hé mở cho ta thấy khuynh-hướng

cổ-diễn của mình có chiều ngã về với thơ mới, qua các bài thơ 4 câu 3 vần, khác lối tứ-tuyệt của Đường thi vì không đối, cũng như qua việc phân đoạn (ảnh-hưởng thi-ca Pháp) bài thơ 7 tiếng ra làm nhiều thi-đoạn, mỗi thi-đoạn 4 câu thơ (1) :

Từ buổi thuyền đi khách thuận dầm,
Trông chừng bến cũ biệt mù tằm
Cảm thương chiếc lá bay theo gió
Riêng nhớ tình ai ghé đến thăm,

QUÁCH-TẤN (Tĩnh xư)

Bóng trắng lóng-lánh mặt hồ im
Thời khắc theo nhau lải-rải chìm
Đứng dựa non cao bờ suối ngọc,
Hồn say diu-dịu mộng êm-êm,



Một luồng sương bạc bỗng từ mô
Lẻn cuốn vòng trăng trắng, cuốn mặt hồ
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc :
Người lơ-lửng đứng giữa hư-vô.



— Trời đất tan-tành ra thủy-tinh
Một bàn tay ngọc dẫm hương trinh
Âm-thầm môn-trón bèn đôi má,
Hội mắt dê-mè chạy khắp mình.

QUÁCH-TẤN (Đà-lạt đêm sương)

(1) Strophe : chúng tôi dịch là thi-đoạn. Quatrain : thi-đoạn 4 câu thơ. Giáo-sư Dương-quảng-Hàm dịch là « khổ », một danh-từ kém phần thi-vị.

Năm 1940, Vũ-hoàng-Chương xuất-bản «Thơ Say» chứng-tỏ Vũ ngã hẳn về thơ mới, bởi vì ngoài những bài thơ mới, thơ Đường của Vũ chỉ là lối thơ 8 câu 7 tiếng, không có đối giữa câu 3, 4 và giữa câu 5, 6 là một điều bắt buộc phải có trong thơ Đường :

Phách ngọt, đàn say, nệm gối êm
 Tiếng ca buồn nổi giữa chừng đêm
 Canh khuya đưa khách lời reo ngọc
 Mơ gái Tầm-Dương thoảng áo xiêm
 Ai lạ nghìn thu xa tám cõi
 Sen vàng như động phía châu liềm
 Nao-nao khói biếc hải thương nữ
 Trở gối hoa lê rụng trắng thêm.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

(Thơ Say : Nghe hát)

Thành ra phản-ứng của thơ có khuynh-hướng cổ-diễn chỉ chứng-tỏ thêm một lần nữa sự thắng thế của thơ mới.

Cùng ra một năm với «Thơ Say» (1940), «Lửa thiêng» của Huy-Cận, với những bài thơ lục bát trác tuyệt, biểu-lộ một khuynh-hướng lãng-mạn mang nhiều ý-tưởng của Đông-Á thâm-trầm. Nhưng cũng ngay trong lúc này, người ta có thể nhận chân được cái tính tự cao tự phụ của thi-ca lãng-mạn Huy-Cận, một nhà thơ có nhiều tham-vọng, kể cả «tham-vọng lãnh-đạo» :

Lượng xuân trời đất vui chưa hết
Sông Nhị giòng hăng nước chảy ào
Máu đời lai-láng hồn đất đỏ
Nhịp đời vời-vợi lòng sông cao.

Nghe đời bước mạnh vằn thế núi
Nghe đời chuyển mạnh lửa trắng sao

Ta đi một mình trên đê nhỏ
Ta góp chân nhanh cùng bốn gió
Ta đi mau quá tầm chân người
Ta nhập hồn ta trong vũ-trụ

Máu xuân chốn chốn sôi nơi nơi
Đất gọi trời xanh hé mặt trời
Trời xanh hé mụn hoa tinh-khiết
Một phút bùng sôi một suối ngày

Bà lão bên đường nếp áo nâu
Xôn-xao xuân ý cũng về đâu
Về đâu thôn-nữ còng vai nặng
Quá-khứ tương-lai gánh trước sau ?

Ta đi về đâu ta chẳng biết
Chỉ thấy trời xanh là ta say
Ngồi xe nhật nguyệt cùng thiên-nhiên
Làm bạn đi đường về vô-định

Âm-dương chưa hề mệt
 Bên đường hoa nở tươi
 Biển vàng triều chữa liệt
 Sóng rửa nhau đi bát-ngát cười.

HUY-CÂN

(Xuân hành)

Hai năm sau, Huy-Cân cho xuất-bản « Kinh Cầu Tự » (1942) biểu-thị rõ-rệt cái lãng-mạn « ngạo-mạn » như « người hùng » René của Chateaubriand :

« Ta nhớ lại những bà mẹ may áo cho con, trừ hao dài rộng : « lớn lên thì vừa ».

« Kể đọc ta ơi ! (ta không muốn gọi người là người bạn đọc) đừng phiền lòng nhé ! »

« Ta đang may áo trừ hao cho người đây »

(« Kinh Cầu Tự » trang 65)

Về sau, cái lãng-mạn bao hàm tình-chất khinh người và ngạo-nghe đó còn đi xa hơn, nó biểu-thị trạng-thái của một người đến sau, tự cho mình là quan-trọng : « đủ cả rồi duy đợi một mình ta ». Như trong mọi lễ-nghi, mọi buổi họp, kẻ quan-trọng nhất luôn-luôn là kẻ đến sau cùng :

Khi ta đến, các người đã đến cả
 Có thiên-nhiên suốt chị với rừng anh
 Cổ vạ đại đã quen chiều óng-ả
 Liễu thiên-thu từng thuộc lối buông mình

.

Hoa ẩn-hiện mùa **quanh** ngày tháng biếc
 Ca-ngợi bốn mùa, công-chúa nguy-nga
 Và tất cả đều vẹn màu yến tiệc
Đủ cả rồi, duy đợi một mình ta.

Ta đến vậy khoan thai vào dự cuộc
 Góp vui chung bằng máu của lòng say
 Dầu đi đến trên đời hơi chậm bước
 Thấy thiên-nhiên ngỡ gặp bạn lâu ngày . . .

HUY-CẬN (1945)

Xét lại quá-trình tiến-triển của thi-ca lãng-mạn trong thời tiền thế-chiến, chúng ta có thể ghi nhận những nhà thơ tên tuổi như :

— Vũ-hoàng-Chương, Đông-Hồ, Mộng-Tuyệt, Tương-Phổ, Phan-văn-Dật . . . (chịu ảnh-hưởng Đường-thi).

— Lưu-trọng-Lư, Nguyễn-Bính, Hồ-Dzếnh, J. Leiba, Khổng-Dương, Thu-Hồng, Trần-huyền-Trần, Thâm-Tâm, Phan-khắc-Khoan, Thao-Thao, Thúc-Tề... (chịu ảnh-hưởng thơ cổ-diễn Việt-Nam, nhất là thơ Nguyễn-Du và phong dao).

— Thế-Lữ, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Huy-Thông, Tế-Hanh, Nguyễn-nhược-Pháp, Lan-Sơn, T.T.KH., Thanh-Tĩnh... (chịu ảnh-hưởng thi-ca Pháp).

Biến-cố 1945 ghi một dấu chấm phết trong khuynh-hướng thi-ca lãng-mạn. Từ đây, suốt trong cuộc chiến-tranh kéo dài 9 năm, thi-ca lãng-mạn Việt-Nam, tiếp-tục thi-ca lãng-mạn thời-kỳ thái-bình tiền thế-chiến, sẽ cố-gắng trình-bày với chúng ta những hình-ảnh đẹp, những khía cạnh đẹp của một thời-kỳ khói lửa.

CHƯƠNG III

QUÁ-TRÌNH TIẾN-TRIỂN CỦA KHUYNH-HƯỚNG LÃNG-MẠN THỜI HẬU THẾ-CHIẾN

THỜI-KỲ 1945-1954

Những năm đầu của cuộc chiến-tranh 1945-1954 có tính-cách ác-liệt và dữ-dội, các nhà thơ chưa kịp để hồn mình lắng xuống để có thể sáng-tác. Trong những năm từ 1945 đến 1950, chúng ta chỉ thấy những bài thơ ngắn hơi, cố-gắng nói lên những cảm-xúc của nhà thơ trước cuộc đấu-tranh của dân-tộc. Thường những bài thơ lãng-mạn đó mang dấu vết của những bài thơ có luận-đề chính-trị trong thi-ca Pháp (những lời kêu gọi lên đường xuất-chinh hoặc những lời khuyên-nhủ của mẹ già) :

Mẹ bịn-rịn, con yếu lòng tin-tưởng
Thành ra mình có tội với giang-san,
THANH-PHONG (1945)

Cũng có những bài thơ mang nhiều dấu vết của tiểu-thuyết kiếm-hiệp Trung-Hoa trong đó có hình-ảnh người tráng-sĩ rút kiếm soạt mạnh bào đề từ giã người yêu lên đường đấu-tranh (cho cái gì ?

thi-sĩ sẽ không nói ra). Những bài thơ như thế thường có những lời thơ đẹp như bài « Vọng trùng-dương » sau đây, nó là tiếng gọi của một thanh-niên đang chiến-đấu gửi người bạn cùng chí-hướng đang bôn-ba ở hải-ngoại :

Trùng-dương mù khơi

Người xa vời

Muôn năm sóng vỗ mồn biên khồn

Sâm Thương tàn hiện biệt đôi nơi

Tinh-vệ phương nào về nghỉ cánh

Oan cừ điệp khúc nhịp quyền ca

Trùng-dương có vọng hồn vong-quốc

Mà bạn mãi gươm ánh nguyệt tà ?

Trăng hỡi, ngã đông đoài xứ bạn

Nổi đuốc canh trường bạc tóc xanh

Con nước canh gà sao rớt lệ

Quốc thù trang trắng nợ công khanh

Hải-dăng men chát say cuồng nộ

Bao lớp hưng-vong lớp sóng dồn

Chết điếng làn môi ly rượu tiễn

Manh bào, kiểm soát Hạnh-Hoa-Thôn

Ta chong trắng đây, chờ người về

Đường nhiều ải thép lắm sơn-khê

Gót rồ sông hồ bão cát bụi

Gươm thét hồn cầm ứa máu thề

Về đi người ! Về đi !
Nam-Hải xương đùn trắng khi
Trường-Sơn máu cuộn tham-tàn
Về đi người ! Về đi !
Ta ngóng bên này bờ Nam-Hải
Ta ngóng bên này Trường-Sơn.

PHẠM-VĂN-KỶ (1947)

Từ năm 1950 đến năm 1954, chúng ta thấy xuất-hiện nhiều tập thơ ghi lại những hình-ảnh chiến-tranh vay mượn ở «Chinh-phụ ngâm» hoặc vay mượn ở phong dao.

Năm 1951, Ái-Lan cho xuất-bản tập thơ «Trên Đường» có khuynh-hướng «lãng-mạn cách-mạng» bao hàm một tinh-thần tranh-đấu cho quốc-gia, xã-hội. Tuy không có nhiều văn, ý mới lạ, thơ Ái-Lan cũng đã khơi dậy trong lòng người đọc mỗi tình yêu nước sâu-xa, bởi vì, nhân danh phụ-nữ, thi-sĩ đã chân thành phát-biểu những cảm nghĩ của mình trước cuộc đấu-tranh to lớn của dân-tộc chống ngoại-xâm. Những cảm nghĩ đó có khi là những lời kêu gọi thiết-tha :

Trải bao nhiêu lượt chống cường lân
Phụ-nữ luôn luôn góp một phần
Trung, Triệu hai bà gương sáng rõ
Má đào chi dễ thẹn non sông

Nổi bước người xưa mãi chẳng thôi
Nước non em chị quyết vun bồi
Kể sau tiếp-tục theo người trước
Hoặc lúc âm-thầm lúc nổi sôi

. Nguyễn-thị-Giang
Đã đem xương máu đổi giang-san
Dưới cờ tranh-đấu không lùi bước
Muôn vạn chông gai cũng đạp bằng

Nước non từ độ nổi phong yên
Tung cửa phòng khuê mạnh đứng lên
Cởi lớp phấn son thay kiếm mã
Sa-trường hăng-hái bước đua chen

Oằn-oại non sông những vết thương
Máu đào tràn ngập cả biên-cương
Mà trong xây đắp non sông ấy
Nhi-nữ từng phen góp máu xương

Lửa binh nổi dậy bốn bề
Quyết đem son phấn mà thề phong yên
Nước nhà trong buổi đảo-diên
Đào tơ liễu với truân-chuyên quảng gi

Quyết đem gan óc đua thi
Xưa nay khăn yếm kém chi râu mày
Giang-sơn nào phải riêng ai
Chị em há để phần trai nặng-nề
Lửa hình nổi dậy bốn bề
Quyết đem son phấn mà thề phong yên.

ÁI-LAN

(Trên đường : Phụ-nữ Việt-Nam)

Khuynh-hương lãng-mạn cách-mạng đó chúng ta còn tìm thấy trong nhiều nhà thơ khác như Hồ-hán-Sơn chẳng hạn :

Nhớ thuở
Anh cây thuê
Em chăn trâu
Bóng mát dưới cầu
Quen nhau . . .

Bao giờ
Giặc chết trên ngàn . . .

Em vui nước nhà độc-lập
Đường quê tấp nập
Trai-tráng về làng
Hai mùa lúa chín ngô vàng hơn xưa.

HỒ-HÁN-SƠN

(Tinh nghèo)

Năm 1952, Huyền-Chi cho in « Cởi Mở » trình-bày cái nhân sinh quan lãng-mạn của một thiếu-nữ vừa mới bước chân đến ngưỡng cửa cuộc đời đã gặp « mấy mùa ly-loạn ». Chúng ta hãy hình dung

một cô gái sống bơ-vơ giữa đô-thị Saigon trong một thời-kỳ chiến-tranh thì sẽ hiểu rõ cái tâm-trạng của Huyền-Chi. Tâm-trạng buồn-bã đó cũng là tâm-trạng của một số thanh-niên nam-nữ lúc bấy giờ :

Bơ-vơ quá giữa kinh-thành
Có ai may áo viễn-hành nữa đâu
Lạc-loài từ độ xa nhau
Đường phai dấu cũ nhạt màu thời-gian
Ở đây nhung lụa bạc vàng
Trăm ngàn xa mã, muôn ngàn phồn hoa
Giá băng cạn chén quan hà
Giang-hồ chỉ có mình ta với người
Bụi đời mờ nẻo ngược xuôi
Năm năm tháng tháng ngậm lời thơ diên
Sang ngang lỗ một mái thuyền
Đề về đây sống giữa miền hoang-vu
Mấy mùa khói lửa âm-u
Mấy mùa ly-loạn mịt-mù muôn nơi
Đêm đêm ra đứng nhìn trời
Đêm đêm nghe gió vọng lời muôn phương
Có trăm cánh gió diên cuồng
Về đây giữa lúc phố-phường tối đen
Dập-dìu ong bướm đua chen
Riêng mình ta chẳng người quen, lạ nhà
Lạc-loài giữa xứ tha-ma
Sống bơ-vơ quá nghĩa là thế thôi !

HUYỀN-CHI

(Cởi mở 1952)

Cùng trong năm 1952, Phạm-đình-Tân cho xuất bản « Tiếng Thầm », một tập thơ gồm có những bài thơ làm từ năm 1942, gởi lại những hình-ảnh một thời thanh-bình mười năm trước, đồng thời cũng mở ra viễn-ảnh một thời thanh-bình mới :

Tràng an ngâm ánh trăng cười
Kim-Lăng dịu dặt muôn lời yêu-đương
Êm êm uốn khúc nhịp-nhàng
Trường-giang ngọt chảy dịu-dàng trong mơ
Sông êm như một trang thơ . . .

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

(Tiếng Thầm : Đẹp Xưa)

Một năm trước khi chiến-tranh chấm dứt, Hoàng-Phụng-Ty muốn làm sống lại cả một thời khởi lửa ở Việt-Nam trong « Hương thơ mùa loạn ». Nhưng, qua những đề-tài cũ, qua những hình-ảnh như « ngựa vượt đại kiều », « cò Nam lên ải Bắc », chúng ta thấy rõ thơ Hoàng-Phụng-Ty chịu ảnh-hưởng của cổ-thi Trung-Hoa (1).

Có một linh-hồn khát viễn-phương
Gót bụi phồn hoa lấm nẻo đường
Tâm-tư nặng mái đầu chưa bạc
Ngơ-ngẩn chân đi lạc phố-phương.

(1) Bỏ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tì bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cồ lai chinh-chiến kỷ nhân hồi.

Dừng bước thành phong rêu lịch-sử
 Hoang tàn ít gạch đá tro-vơ
 Ai biết giữa đời dang nhộn-nhip
 Dội vang mùa chiến loạn ngàn xưa ?

Ai nghĩ thịt xương ngàn tử-sĩ
 Gươm đao cùn rỉ, dưới thân giày
 Tiêu nát ? Ai nghe loa thét trận
 Voi lồng ngựa hí rạt trời mây...

HOÀNG-PHỤNG-TY

(Hương thơ mùa loạn. 1953)

Khuyết-diểm kể trên của thi-ca lãng-mạn trong thời-kỳ chiến-tranh, chúng ta có thể gặp ở hầu hết các nhà thơ lãng-mạn rút đề-tài trong cuộc chiến-tranh. Chiến-tranh đối với họ xa lạ quá, hoặc vì họ không trực-tiếp tham-dự vào cuộc chiến-tranh, hoặc dù có tham-dự vào chiến-tranh thì hầu hết các nhà thơ đều mang nặng một ý-niệm sai-lầm về chiến-tranh. Nếu chiến-tranh đối với người phương Tây chỉ là một hiện-tượng xã-hội thông thường và có chu-kỳ, thì đối với các nhà thơ Việt-Nam nó lại là những truyện có màu sắc «phong-thần» của một thời xa xưa, nặng-nề, khó thở. Do ý-niệm sai lầm đó nên khi họ ghi lại các khía cạnh của chiến-tranh, họ chỉ gây thêm bi-quan và chán-nản cho lòng người.

Cùng với « Hương thơ mùa loạn » khép lại một thời-kỳ chiến-tranh u-ám kéo dài suốt 9 năm để mở ra một thời-kỳ thanh-bình, thích hợp với sự tiến-triển của thi-ca lãng-mạn hơn.

Thật vậy, sau năm 1953, thi-ca lãng-mạn lại vươn mình chỗi dậy để ghi lại cái đẹp cũ hay khám-phá thêm cái đẹp mới, bởi vì cái đẹp luôn luôn là cái huyền-bí và nhà thơ phải dày công để tìm kiếm những khía cạnh đẹp luôn luôn đổi mới và sống thực. Diderot có lý khi ông nói ; « Lúc nào, người ta thấy xuất-hiện những thi-tài ? Chính là lúc sau những thời-kỳ tàn-phá hay đại đau-khổ, lúc mà những dân-tộc đã mệt-nhọc quá sức, khởi sự thở. . . »

THỜI-KỲ 1954-1962

Năm 1954, Vũ-hoàng-Chương cho xuất-bản «Rừng Phong», gợi lại cái buồn chán-nản, nặng nề và cô-kinh cũ như ta đã từng gặp trong hai tập thơ đầu hay nhất của Vũ là «Thơ Say» (1940) và «Mây» (1943), cái buồn chán-nản của một kẻ còn sống sót sau mấy năm chiến-tranh lúc nào cũng tưởng như là ngày tận-thế sắp đến nơi :

Giây khắc trăm tư loạn dáng mầu
 Trời ơi ! Hồn cả ghen thương đau
 Thế-gian đương tự tay đào huyệt
 Địa-phủ gần kia lửa vạc dầu



Bốn phương bề héo non nhàu
 Đông tan đoài vỡ, tinh cầu ngửa nghiêng
 Năm đây u-uất dài thiêng
 Âm ba gợn đặng niềm riêng một người.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG
 (Rừng Phong : Duyên mùa tận-thế)

Cùng trong năm ấy, Đinh-Hùng cho in «Mê-Hồn Ca», đánh dấu một điểm son cho khuynh-hướng lãng-mạn hưởng-thụ khoái-lạc.

Cái đẹp lãng-mạn của «Mê-Hồn Ca» mang nhiều dấu vết tượng-trung, hung-bạo và buồn-bã như trong thơ Baudelaire :

Lòng đã khác ta trở về đô-thị
 Bỏ thiên-nhiên huyền-bí của ta xưa
 Bóng ta đi tràn khắp lối hoang sơ
 Và chân bước nghe chuyền rung đời suốt

.

Ta lão-đảo vùng đứng lên cười ngất
 Ghi chặt nằng cho chết giữa mê-ly
 Rồi dầy xéo lên sông núi kình kỳ
 Bền thành quách ta ra tay tàn-phá
 Giữa hoang loạn của lâu-đài, đình tạ
 Ta thần-nhiên đi trở lại núi rừng
 Một mặt trời đầm máu xuống sau lưng.

ĐINH-HÙNG

(Mê-Hồn Ca : Bài ca man rợ)

Với « Mê-Hồn Ca », Đinh-Hùng đã dẫn chúng ta đi từ lâu-đài thái cổ này đến vườn hoang tiền-sử khác, từ « Nguyên-Thủy » đến « Thần-Tượng », từ « Chiêu-Niệm » đến « Mê-Hồn Ca » và nhà thơ giải-thích với chúng ta : « *Cái khát vọng đau-đớn và bao-la một non nước trường sinh như không bao giờ người được. Dãy hành lang cô liêu vẫn ngăn cách nhà thơ với cõi đời thực tại* ».

Từ 1954 đến nay chỉ trong vòng 8 năm mà chúng ta thấy xuất-bản trên 100 thi-tập mà thi-tập nào

cũng mang ít nhiều dấu vết của khuynh-hướng lãng-mạn. Có một đôi tập thơ lãng-mạn thành công, còn thì rất nhiều tập thơ không gây được một ý nghĩ gì trong văn giới, *vì không sáng tạo thêm được một điều gì mới-mẻ*, chỉ nói lại những điều đã được nói rồi.



Trong cái cảnh phức-tạp của thi-ca lãng-mạn thời hậu thế-chiến, chúng ta có thể tìm thấy trong khuynh-hướng lãng-mạn ba ý hướng rõ-rệt : ý hướng hưởng-thụ, ý hướng đấu-tranh và ý hướng đạo-lý. Mỗi ý hướng có một thẩm-mỹ quan riêng biệt.

Đại-diện cho ý hướng hưởng - thụ là Vũ-hoàng-Chương chịu ảnh-hưởng lẫn lộn của tư-tưởng Lão-Trang và thuyết luân hồi của Phật-giáo. Chúng ta hãy nghe nhà thơ họ Vũ trình-bày quan-niệm của mình về thơ, về cái đẹp « ái-ân », cái đẹp « tình phong nhụy », cái đẹp đó từng bị chiến-tranh tàn-phá, sẽ nhờ nhà thơ lại được sáng chói « hào-quang tỏa khắp chín mươi phương » :

Non sông một buổi nằm tanh máu
 Lửa khét oan cừu đỏ bốn phương
 Đối-diện khóc trên mùa hợp-tấu
 Trời thanh-bình cũ đất hiền-lương

Có bao giờ nữa trăng là ngọc
 Mây lại là tơ như trước kia
 Hoa lại vàng son rừng lại vóc
 Cỏ là nhung giải lối thôn-quê !

Bao giờ ? Biết có bao giờ nữa ?
Ngọc nát tơ rời, chấp được đâu !
Nhân-loại từ phen gây khói lửa
Thôn hung rừng vốc mồi phai màu.

Trăng hết là trăng của Ái-Ân
Mây thôi ràng buộc ý xa gần
Hoa còn đâu nữa tình phong nhụy
Cỏ mất mùi hương tóc gái tân !

Có ai đau nỗi đau trời đất,
Buồn nỗi buồn thiêng của núi sông ?
Ta nhớ thương hồn hoa cỏ mất
Theo làn mây nhẹ ánh trăng trong.

Núi phía Nam hè, sông phía Bắc !
Trời phương Đông hỡi, đất phương Tây !
Mặc cho những kẻ mài gươm sắc
Ta chỉ mài riêng ngọn bút này . . .

Sao cho cái đẹp từng nhớ-nhuốc
Vị lữ diên rồ, lại thắm tươi !
Bàn tay nghệ-thuật nêu cao đức
Thieu sạch lòng tham hộ Giống Người.

Năm tháng rồi đây sẽ Thuần-Nghiêu
Đầy xuân đầy nhạc đắm tình yêu
Non sông trời đất khô nguồn lệ
Hoa cỏ mây trăng lại diễm-kiêu.

Xứ Bụi Hồng kia bưng chồi lỏi
Hào-quang tỏa khắp chín mươi phương
Ngôi Thơ một sớm cao vọi-vọi
Nhân-loại châu quanh ngát khói hương.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

(Hoa Đăng: Đuốc Thơ)

Ý hướng đấu-tranh là ý hướng qui-tụ chung quanh nhiều nhà thơ trẻ, những nhà thơ này tìm cái đẹp trong cuộc đấu-tranh, bởi vì «người ta nhận thấy ở hầu hết các dân-tộc rằng : chiến-tranh luôn luôn có một khía cạnh thẩm-mỹ».

Khía cạnh thẩm-mỹ đó có khi là hình-ảnh người mẹ già thương nhớ đàn con đang chiến-đấu ngoài mặt trận :

Chiều nay sương tỏa trên lầu
Hồn thiêng đất Việt động sâu núi non
Mảnh thân da bọc xương mòn
Mẹ già thương nhớ đàn con lạc-loài . . .

QUỐC-TOÀN

Khía cạnh thẩm-mỹ đó có khi là những hành-động anh-hùng của những người con đất nước dám xả thân vì đại-nghĩa, đẹp và mạnh như những Hercule trong thần-thoại Hy-Lạp :

Ngực nở căng phồng gió lộng
Mắt hùng tỏa nhạt thái-dương
Bình-minh đi về ngự-trị
Chặt then mở cửa thiên-đường.

SONG-HỒ

(Hai cánh hoa tim)

Đại-diện cho khuynh-hướng lãng-mạn có ý-hướng đạo-lý, chúng ta có thể kể Đoàn-Thêm, nhà thơ chủ-trương cái đẹp theo đạo-lý Khổng-Mạnh, cái đẹp thiên-nhiên có qui-luật diệu-huyền, khác với cái đẹp phóng-túng, tình-dục « làm đảo-diễn nghệ-thuật » :

« Cây sớm khai hoa. Mạch bùn ngẫu vắn, nhờ
thiên-tính mầm non chọn-lọc, gạn nước đục thành
nguồn nhựa sạch, thân tuy nhem-nhuốc, lòng vẫn
trắng trong, nầy búp nụ xanh và nở bông tươi, huệ,
mai, trà, ngọc-lan băng tuyết, hoặc nhuộm ánh
dương long-lanh bảy sắc, biến hóa ra hồng tia
trăm màu.

Non nước một vùng diễm-lệ. Cúc vàng đại đoá,
sen lụa bạch, hồng nhung, hoa nào chẳng đẹp ?
Ưa hay không, tùy thích riêng mặc-khách tao-nhân.

Lan sao nữ ché đào thắm đậm ? Hồng lả-loi
dừng trách huệ băng trinh. Cúc vốn giống dòng
vương-giả, có chi Mai chế-giễu huy-hoàng ? Trăm
cánh xinh xinh, xòe đều một cụm, Trang rực-rỡ
bông tròn phước hậu, Cầm chương rung-rinh nhẵn-
nhủ : nên tránh nở đều, hãy mặc cho cao thấp
tự-nhiên. . .

Tự-nhiên, phải chăng theo bản-chất do thiên-
tu và hoàn-cảnh tạo thành : tùy loài cây cỏ, mạch
đất, khi trời, cũng tùy cả tay người vun xới ? Đã
như vậy, tự-nhiên của Mai là tuyết diễm cảnh khô,
của Huệ là thân mềm hương ngát, của Hồng, Đào là
kiểu-diễm phong-lưu . . Nếu của Liễu là phất-phơ
buông thả, của Trúc là trực-tiết hư-tâm, của Tùng
Bách là cao-thanh quắc thước. . .

Mỗi chủng-loại tùy theo căn-bản, trải sương gió vờn mình hướng thượng, thuận thiên-lương đạt mệnh phát toàn-năng. Dẫu tự-do, vẫn phải giữ thăng-bằng, gốc không vững, trầm thăng vô độ ; thân nghiêng ngả yếu mềm, cây dễ đổ, hương sắc chóng tàn. Muốn tuyết-trần, cần ánh sáng, phải lên cao, ủy-mị trong hang tối âm-u, chẳng thấy hoa nào rực-rỡ.

Đẹp vô song, chắc đâu không xảo-kỹ ? Mỗi đoá thiên-nhiên toàn-mỹ, bao công-phu ngày đêm chế-hóa, từng tế-bào thảo-mộc kết tinh, nắng pha màu, sương tắm năm canh, không tô-điểm sao thành kiệt-tác ? Hoa như ngọc, bảo-ngọc nào bất-trắc ? Nếu chịu khó suy nguyên phân tích, nhận thức ra những hoạt-động vô-hình trong dây lòng hay mạch đất sâu, đâu dám quyết : buông tuồng hơn nỗ-lực ?

Cả vũ-trụ là trường sáng-tạo, có chủ-trương và quy-luật diệu-huyền. Bởi dễ lầm phóng-túng với thiên-nhiên, thả tình-dục, e đảo-diên nghệ-thuật ».

ĐOÀN-THÊM

(Nhạc Dé : Sống và Đẹp)



Bàn về thẩm-mỹ quan trong thi-ca thì thường mỗi nhà thơ đều có một lý-thuyết riêng, hoặc phát-biểu ra, hoặc không.

Theo Diderot thì thi-ca phải là cái gì vĩ-đại, hung-bạo. Alain thì cho rằng : «*Nhà thơ chân-chính là nhà thơ tìm thấy ý trong khi sáng-tác câu thơ . . . Văn đẹp nhất là văn đem lại hình ảnh vui tươi mà không có gì giảng-giải được, mà cũng không có gì minh-chứng được*» (Preliminaires à l'Esthétique).

Lamartine, trong bài tựa tập thơ «Méditations» nói rằng : *«Tôi không bắt chước ai cả, tôi tự diễn-tả tôi cho chính tôi. Đó không phải là nghệ-thuật, đó là một sự xoa dịu trái tim của chính tôi đang tự ru bằng những thồn-thức của chính nó. Tôi không nghĩ đến ai khác hơn tôi khi tôi làm những câu thơ đó, nơi này hay nơi khác. Những câu thơ đó là một tiếng rên-rỉ hay là một tiếng kêu của hồn. Tôi nhịp tiếng rên-rỉ, tiếng kêu đó trong vắng lặng, trong rừng, trên biển, chỉ có thể thôi».*

W. Stevens, một nhà thơ Mỹ hiện-đại viết : *«Bài thơ là một sự khám-phá của cái thỏa vọng và có thể có đề-tài là một người đàn ông đang quay-cuồng, một người đàn bà đang khiêu-vũ, một người đàn bà đang chải tóc. Thơ là của hành-động tinh-thần»* (On Modern Poetry) (1).

Những người đọc thơ và yêu thơ có thể chấp nhận mọi quan-niệm về cái đẹp của khuynh-hướng lãng-mạn, miễn đó là cái cảm-xúc chân thành, cái đẹp rung-động tâm-hồn thời-đại và, nếu có thể, tâm-hồn của những thời-đại nối tiếp. Thực ra, không có cái đẹp tuyệt-đối, chỉ có cái đẹp tương-đối, mà cái đẹp, cái hay tương-đối đó nếu được ca-tụng trong thời-đại này thì có thể sẽ bị thời-đại khác «chối bỏ». Cho nên, chúng ta sẽ không lấy làm lạ mà thấy trong thời chiến-tranh người ta thường ca-tụng các bài thơ lãng-mạn có tính-chất anh-hùng-ca,

(1) *It (the poem) must be the finding of a satisfaction, and may be of a man skating, a woman dancing, a woman combing. The poem of the act of the mind' (Transport to Summer. A. Knopf Ed. New York).*

các vở kịch thơ bi hùng tráng để rồi tìm trở về, trong thời bình, với các bài thơ hoặc «ướt-át», hoặc «dài hơi» hoặc có ý-nghị sâu-xa. Nói cách khác, cái đẹp còn tùy thuộc ở sự thay đổi của lòng người.



Xét chung quá-trình hoặc tiến-triển thi-ca lãng-mạn thời hậu thế-chiến 1945-1962, chúng ta có thể ghi nhận những nhà thơ có tiếng sau đây :

Ái-Lan, Anh-Huy, Bùi-Giáng, Cao-tam-Nương, Cao-Tiên, Chế-Vũ, Diên-Nghị, Duy-Năng, Đinh-Hùng, Đoàn-Thêm, Đỗ-Tấn, Định-Giang, Hà-liên-Tử, Hoàng-ngọc-Liên, Hoàng-phụng-Tý, Hoàng-Trinh, Hoành-song-Liêm, Hồ-dinh-Phương, Hồ-hán-Son, Hữu-Phương, Huyền-Chi, Kiên-Giang, Kim-Tuấn, Nghiêm-huy-Giao, Nguyễn-huyền-Không, Nhất-Tuấn, Phan-minh-Hồng, Phạm-dinh-Tân, Phạm-mạnh-Viện, Quốc-Dân, Song-Hồ, Tạ-Ký, Thanh-Tuyền, Thái-Trử, Tô-kiều-Ngân, Tổ-Như, Tuấn-Giang, Tường-Linh, Văn-Quang, Vũ-dức-Trinh, Xuân-Huyền... (những nhà thơ kể trên hoặc đã có thi-tập xuất-bản hoặc đã từng có thơ đăng trong các tạp-chí văn-học).

Nếu phải biểu - thị khuynh - hướng thi - ca lãng - mạn ở Việt - Nam trong vòng 30 năm qua bằng một đường parabol, thật khó lòng mà định đâu là đỉnh cao nhất, bởi vì khuynh-hướng lãng-mạn vẫn đang tiếp-tục tiến - triển. Cho nên chúng ta có thể chờ đợi với tin-tưởng rằng

trong một ngày gần đây, chúng ta sẽ được thấy những thi-tài lỗi-lạc, vì chúng ta, ghi lại những cái đẹp mới, những yêu-đương, những khát-vọng của con người phức-tạp trong mối tương-quan với vũ-trụ, với cộng-đồng, trong một thời-đại mà người ta đang cố tình chôn lấp tinh-thần dưới hố sâu của vật-chất.

CHƯƠNG IV

NHỮNG BÀI THƠ HAY CÓ KHUYNH-HƯỚNG LÃNG-MẠN

Những bài thơ hay có khuynh-hướng lãng-mạn thời tiền thế-chiến, đã có sách trích tuyển. Ở đây, chúng tôi chỉ chọn-lọc những bài thơ được làm từ 1945 đến nay. Ngoài những đề-tài tâm-tình, thiên-nhiên và lịch-sử là những đề-tài của các nhà thơ lãng-mạn tiền thế-chiến, cuộc chiến-tranh đã làm giàu thêm cho thi-ca lãng-mạn Việt-Nam một số tác-phẩm có đề-tài xã-hội, chiến-tranh,

Cái hay của các bài thơ sau đây là ở chỗ chân thực. Có những bài thơ ngắn vẫn nói lên được đầy đủ những điều muốn nói, vì nó gợi cảm, chứng tỏ những trạng-thái của tâm-hồn.

BÙI - GIÁNG

« Xuân Thôn-Nữ » có cái không-khí khác lạ hơn những vần thơ cùng một thể-tài của Nguyễn-Bình.

Toàn thể bài thơ được bao trùm một vẻ huyền-diệu của « chiêm bao kỳ mộng ».

Hãy chú-ý đến tiết điệu và hình ảnh lạ-lùng của câu thơ này (1).

Thơ lãng-mạn của Bùi-Giáng gần với thơ tượng-trưng pha chất siêu thực.

1.— XUÂN THÔN-NỮ

Gò mô mấp mé bãi cồn
 Lá lơ-thơ xuống bên tồn sinh bay
 Mép rìa vòm cỏ hoa phai
 Con chim mùa cũ hện ngày giờ sang
 Từ phen mắt lệ ám đàn
 Trúc hiu-hắt đợi lau vàng vô mong
 Chiêm bao kỳ mộng vô cùng
 Đầy băng tuyết lại mấy vùng lang-thang
 Hai tay vốc nước suối ngàn
 Rắc lên cành đại giọt gần như sương
 Em người thôn-nữ bờ mương
 Ngồi nhìn cá nhảy lên vườn như chim
 Ta người viễn khách đưa tin
 Bỗng dờ-dẫn đứng chợt nhìn nhận ra (1).

BÙI-GIÁNG

DIÊN - NGHỊ

Tôi đã gặp nhà thơ Diên-Nghị tại Huế.

Không biết có phải nhờ ảnh-hưởng của sông Hương, núi Ngự không mà thơ Diên-Nghị phẳng-phất cái không-khí đẹp và mộng của đẽ-dò cũ trong thơ Hàn-mặc-Tử :

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp lối nay ?*

*Mơ khách đường, xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà*

«Vương Vương» là một thành công nhờ ở âm-điệu khác lạ ở mỗi câu thứ tư của mỗi thi-đoạn, âm-điệu tạo ra do những điệp ngữ êm êm, buồn buồn.

2.— VƯƠNG VƯƠNG

Đêm lên đường, vàng vổ trăng non,
Trăng sao buồn lạnh, lối sao mòn !
Đèn hiu-hắt dọi qua phen mỏng.
Lệ tủi mắt em, hồn xót hồn. . .



Súng đạn quân mang nặng vai gầy,
Ngựa mỏi, đồi cao, núi tiếp mây.
Rung rúc chim ngàn ca nhịp bước,
Rộn-rực tình sâu, đầy vui đầy.

Bóng em lấp-lánh bên dòng suối,
Theo mãi anh đi suốt dặm trường.
Chạnh nhớ hôm nào mình mới cưới,
Trầu xanh, cau ngọt, thương càng thương!



Vội gửi lời về thôn xóm ấy,
Bảo rằng chiến trận dù chưa thôi!
Nắng mưa dù lỡ ngấn sông núi,
Gối phượng, phòng loan, đôi chung đôi.



Trăng ngả chênh đầu, đêm rung rung,
Thì thầm tiếng lá rụng bên lưng.
Tưởng em đang nói câu đưa tiễn,
Gió động, cành lay, rừng lại rừng. . .

DIÊN-NGHỊ
(Bách-Khoa)

DUY - NĂNG

« Trường-Sơn » là một bài thơ có đề-tài chiến-tranh. Lời thơ hiền hậu, gọi cảm nhờ ở âm-điệu dỗi-dào, nhờ ở hình-ảnh hoặc to rộng, hoặc mới lạ.

Duy-Năng là nhà thơ trẻ đang đi từ lãng-mạn đến hiện-sinh. Thơ Duy-Năng có những rung-động chân thực.

Ở đây, người ta tìm một nhà thơ chiến-sĩ thì lại gặp một tâm-hồn dễ mến.

3. — TRƯỜNG-SƠN

Tìm ngã hoàng-hôn rừng núi xanh
Còn nghe hùng-tráng điệu quân hành
Ô hay tiếng hát phương nào đó
Mộng nở hồn tôi trên súng anh



Sừng sững trời cao non nước thiêng
Mầu xuân chim đậu áo chinh yên
Gươm xưa ngời lạnh đêm tròn nguyệt
Mười vạn tàn-binh Minh ngửa nghiêng



Sông rộng màu tươi máu chẳng phai
Đuốc hoa dựng khắp cửa ô ngoài
Nghe tin thắng trận khuya vào Tết
Thiên hạ mười phương ngưỡng vọng người

Tất cả đường qua thế-kỷ xưa
Cờ dăng uy dũng tuổi sông hồ
Tháng năm ngạo-nghe lòng trai đỏ
Đã mấy lần câu tráng-sĩ hề

*

Là giữa ngày đi chỉ một lời
Thù còn, không trở lại người ơi
Buổi sau mười vạn quân trời Bắc
Nhục rửa bao giờ sạch biển khơi

*

Tôi ghé chiều nay lững cuối đèo
Áo còn đỏ cả bụi đường theo
Súng đem làm gối hờn nghe chuyện
Thiên khi Trường-Sơn kẻ ngọt-ngào

*

Thầm khắc vào tim một nguyện thề
Mai kia hùng tráng bước quân về
Máu trai rửa sạch thù phương Bắc
Vui dậy thành-đô xuống nẻo quê

*

Mai, giã từ đây quân lên đường
Một lần lịch-sử nữa, quê-hương !
Những trang sách cũ huy-hoàng đỏ
Tiếng hát nghìn thu chuyện gió sương.

DUY-NĂNG

ĐÌNH - HÙNG

Trong «Mê-Hồn Ca» (1954), chúng ta đã gặp những mối tình đẹp một cách kinh-dị :

*Em dài-các lòng cũng tỏ son-phấn
Hai bàn chân kiêu ngạo dẫm lên thơ
Ồi ! vô lương trong một phút không ngờ
Ta đã muốn trở nên người vô đạo*

ĐÌNH-HÙNG

(Kỳ-nữ)

Bảy năm sau, các mối tình của Đình-Hùng trong «Đường vào tình sử » (1961) có một không-khi trong sáng hơn.

Bài thơ sau đây đánh dấu sự chuyển hướng đó.

4.— HƯƠNG

*Hai người có buổi băng-khuảng quá
Kể chuyện mưa xuân với nắng hè
Chắc hẳn đôi lòng lơ-dãng cả
Vì chung cùng nói chẳng cùng nghe*

*Tôi nhìn cặp mắt trong xanh ấy
Đề thấy hồn tôi trong mắt xanh
Thuyền mộng lênh-dênh vào xứ lạ
Chèo đưa nét nhạc lượn mong-manh*

Ôi ! nếu đời ta ngừng lại đó
Một giờ, một buổi, một mùa thu
Lòng tôi hóa bướm tình si mất
Cánh nóng u-hoài lả giắc mơ

Tôi nghe em nói bằng im lặng
Bằng dáng nghiêng nghiêng động nét mày
Bằng cả mệnh-mang chiều lẳng động
Nụ cười em gởi gió thu bay

Tóc quện mây choàng vai mộng nhỏ
Chìm chìm hơi nằng, bước thu đi
Hồn như khói tỏa say tà lụa
Chợt tỉnh, còn như truyện ngủ mê

Thoảng cánh hoa rơi, nhòa giấc mộng
Giật mình, tay nắm ngại rời tay
Lên trong nếp áo, mùi hương thẹn
Nắng sưởi bàn chân, gót chuyển mây

Vai ngã gần vai bát-ngát trời
Rừng thương, núi nhớ lẫn vành môi
Mùa thu lọt giữa vòng tay khép
Bổ-ngỡ nhìn nhau trọn cuộc đời.

ĐINH-HÙNG
(Đường vào tình sử)

ĐOÀN - THÊM

« *Tình phương Đông* » có cái cốt cách nho-phong của thơ ngũ ngôn bát cú đờng-luật, nhưng nội-dung không có liên-hệ nào với thơ cổ-diễn.

Những vần thơ sau đây nói lên được một tâm-hồn chân thực.

Vả lại, tâm-trạng của nhà thơ cũng chính là tâm-trạng của nhiều người đang sống giữa xã-hội cuồng-nhiệt ngày nay với ước-vọng làm tự-diểm giữa quá khứ đạo-lý và hiện tại đầy quấy-rũ.

5.— TÌNH PHƯƠNG ĐÔNG

Em có nụ hồng non,
Ấp-ủ trong lòng son.
Âm-u càng chóng nở,
Giấu-giếm nồng yêu hơn.

Anh sớm đã dăm con,
Vàng đá tình chưa mòn.
Lỡ vương tơ chốc lát ?
Bất quá một cung đàn.

ĐOÀN-THÊM

(Nhạc đế)

HỮU - PHƯƠNG

« *Tình Biển* » là bài thơ đầu trong « *Luống Biển* » 1962, một tập thơ có được sự nhất trí về tư-tưởng, hình-ảnh. Nhà thơ của trùng-dương biển cả đã có lần tâm sự :

*Bóng tôi nhỏ lên trời
Thu ngắn đường viễn khơi
Năm canh sầu ai biết ?
Độc hành một kiếp thôi !*

HỮU-PHƯƠNG
(Độc-hành)

Trong bài thơ, biển đã được nhân-cách hóa thành người tình của thi-sĩ. Có vài câu thơ đẹp linh-dộng, gợi nhiều hình-ảnh. Như trong câu thơ (1): nếu ngắt hơi 5, 3 thì hình-ảnh sẽ khác với cách ngắt hơi 4, 4.

6. - TÌNH BIỂN

Chưa đến với em, môi sóng đã cười
Anh bờ-ngõ đường Em : người yêu cũ
Khí thơm thoảng như mời anh tình-tự
Gió ngăn khơi giao động biển tâm can.

*

Anh đến với em, mây trắng lên ngàn
Điệp khúc xa rồi, dần nghe trở lại
Như lúc già từ, tiếng chân lui mãi
Cũng nhịp này, anh quày quã về Em

Gió Tây-Nam còn thổi bạc một miền
 Anh cứ tưởng mùa hoa đã thôi nở
 Thế về đây, công-viên xưa còn đó
 Hoa đang mùa rục-rỡ dưới trời mai
 Em vui mừng run-rẩy cả bờ vai
 Tóc bỏ xõa lưng chừng nghe âu-yếm (1)
 Rừng lan trắng một mình em kiều-diễm
 Chính vì Em : chúa-tể các loài hoa.

*

 Có Em tôi, chiều không biết nhớ nhà
 Em là mến thương rồi, còn đâu nữa ?
 Đèn Thủ-Đô sao bằng đêm sao tỏ
 Hoa Kinh-thành nào sánh sóng ngàn khơi
 Gió Lãng-Tô có khóc cũng ghen lời
 Nước Đồng-Nai có dâng rồi cũng cạn . . .

*

 Quê Em tôi lắm khi buồn lai-láng
 Mỗi lần xa, tôi nhớ nước cùng mây
 Mỗi lần xa, tôi nhớ dáng em gầy
 Em là sóng, nụ cười lên hoa trắng.

HỮU-PHƯƠNG
(Luống Biền)

LÝ - QUỐC - SINH

Tác-giả « Độc Hành Ca » (1962) là một hồn thơ phong-phú, rung động thiết-tha. Tập thơ là tâm sự của một người thanh-niên trước những biến-chuyển của thời-cuộc, của cái đẹp, có khi là cái đẹp cổ điển, có khi là cái đẹp mới mẻ.

« Nhớ » là sự phối hợp của hai cái đẹp đó : đẹp cũ (1) đẹp mới (2).

7.— NHỚ

Em ta giờ ở phương nao
 Hồi làn mây trắng bay vào núi xanh ?
 Từ ta tắc nẻo kinh-thành,
 Âm cồng chinh-chiến, mong-manh trùng-phùng (1).
 Hồn say vọt ngọn cầu vồng,
 Tìm trên nắng đọng tia hồng má môi.
 Khói lam chiều mắt xa xôi,
 Có còn ngầu vẩn bão trời tâm-linh ?
 Ngấn cười môi có rung-rinh,
 Hay đà tắt ngấm theo tình hoa niên ?
 Nhớ em như dóa mộng huyền,
 Mỗi răng nhai khối tru-phiên địa-phương (2).
 Trông vời ngút rừng thùy-dương,
 Bằng bằng nắng quái bụi đường vàng hoe.

LÝ-QUỐC-SINH

(Độc hành ca)

MỘNG - TUYẾT

Tôi đã gặp hai câu thơ đầu của bài « Chữ Thập Hồng » (ở dưới có chưa tên tác-giả Mộng-Tuyết) trong bài luận-văn của một nữ-sinh. (1) Về sau đọc trọn bài thơ, tôi thấy Mộng-Tuyết đã thành công trong thi-de rất phụ-nữ và xã-hội này. Cũng như Mộng-Tuyết đã từng thành công trong những bài thơ ái-tình khác như « Trả thù » chẳng hạn.

8.— CHỮ THẬP HỒNG

(Gửi người em gái có bàn tay đẹp)

Có những bàn tay đẹp dịu-dàng
Bàn tay không vương nét kiêu sang (1)
Cũng không tô chuốt màu hồng-hạnh,
Mà vẫn hồng tươi, vẫn nhẹ-nhàng.

Bao nỗi niềm riêng đành phải bỏ
Những bàn tay ấy quyết đeo mang
Đem bao êm dịu cho Đau-đớn
Hàn vá lành cho những vết thương.

Là ngọc ngà đem giữa Chiến-tràng
Là ngà ngọc điểm khi hiên ngang
Là ngà ngọc kết nên đôi nét
Chữ thập hồng tươi ánh nắng vàng.

Đây một trời Thương phủ chiến công,
Nơi đây ve-vuốt chí anh-hùng.
Nơi đây an-ủi hồn chinh khách,
Trên cánh tay in chữ thập hồng.

MỘNG-TUYẾT

NGUYỄN - HUYỀN - KHÔNG

« Tình Cồ-Loa » rút đề-tài trong lịch sử Việt-Nam kể lại mối tình thần-thoại về Trọng-Thủy và My-Châu.

Nhà thơ đã khéo thi hóa một câu chuyện tình vương-giả có kết cuộc đau buồn bằng những câu thơ êm dịu từ lời cho đến ý.

9.— TÌNH CỒ-LOA

Thành Loa chiếm, tìm My-Châu không thấy,
My-Châu tình trong mắt ngọc mi xanh,
Ngựa bốn ba từ giã Cồ-Loa thành,
Chàng Trọng-Thủy đi theo chiều liễu nạn.



Hoàng-tử biết người yêu chưa lỗi hẹn :
Tay ngà gieo lòng ngỗng trắng đầy đường,
Lòng ngỗng tình theo vó ngựa vương vương,
Lòng hướng đạo sẽ đuổi chàng tới đích.



Nơi xa kia sầu lẫn trên mi lịch
Rời than ôi ! đỏ loáng bên bờ sông
Máu ! My-Châu đã thác dưới gươm rồng
Bên ngựa hí và dương ngàn kẻ lẻ.

Lông ngỗng trắng như mắt chàng đắm lệ
Trắng âu-sầu ủ-rũ trắng khăn tang
Quấn lối đường và quấn cả lòng chàng
Trời đất trắng theo nẻo tình trắng xóa. . .



Trở về Cồ-Loa thành, chàng buồn-bã
Còn thiết chi đến non nước vinh-quang :
Xa hoa yến tiệc, lộng-lẫy ngai vàng,
Cồ-Loa thành với cây xanh gấm vóc,
Cồ-Loa thành với trắng thanh lâu ngọc,
Với nữ thần đã chiếm Cồ-Loa thành
Cũng không bằng nàng Công-chúa mi xanh
Đã chết trên nẻo đường lông ngỗng trắng.



Rồi một hôm, trong Loa-thành vắng lặng
Bên giếng vàng, chàng ảo-não nghiêng đầu
— Hãy chờ ta, Trọng-Thủy của My-Châu
Rồi lặng-lẽ gieo mình trong giếng ngọc.

NGUYỄN-HUYỀN-KHÔNG

NHẤT - TUẤN

« Truyện chúng mình » là bài thơ được dùng làm đầu đề cho hai tập thơ của Nhất-Tuấn. Lời thơ bình-dị như mỗi tình đầu tiên của Nhất-Tuấn.

Yêu nhau mà không lấy được nhau, những mối tình lỡ-làng như thế thường được kể lại rất nhiều trong thi-ca.

Bài thơ sau kể lại một mối tình thuộc loại ngang-trái đó.

10.— TRUYỆN CHÚNG MÌNH

Còn nhớ những thơ người trước gửi
Sài-gòn Đà-lạt mới năm nào
Từng chiều thứ bảy anh mong đợi
Mẫu chữ xanh yêu đến ngọt-ngào.

*

Hồn có nguyên trinh màu trắng cũ
Môi hồng vẫn thắm thuở ban đầu
Không dung lòng rộn niềm ao-ước
Những biết ai còn nhớ đến nhau.

*

Hai cánh chuối khô em gửi đến
Tặng người đang học ở trong trường
Mở thư, vừa thấy anh xao-xuyến
Tràn ngập hồn anh những mẩn thương.

Lòng vẫn ngại-ngần không dám ngỏ
Ai đi toan tính chuyện vàng son
Em ơi ! chắc hẳn em không rõ
Ngày của ngày xưa lặng-lẽ buồn.



Tình đời đen bạc biển dâu nhiều
Em có còn nguyên dáng diễm-kiều
Nét bút ngàn xưa anh vẫn nhớ
Xa nhau dễ khổ. . . biết bao nhiêu ?



Lại nghe tin mới thêm xao-xuyến
Lòng hỏi lòng hay mộng ảo-huyền
Anh nguyện cầu thơ anh chẳng đến
Để nguyên vẹn mãi truyện thần-tiên.

NHẤT-TUẤN

(Truyện Chứng Minh)

TÔ - KIỀU - NGÂN

Kỷ-niệm là một đề-tài được hầu hết các nhà thơ lãng-mạn đề cập đến. «Về Kỷ-Niệm» của Tô-Kiều-Ngân thành công nhờ ở nhạc-điệu khác lạ với các bài thơ khác, nhạc-điệu tạo ra do chỗ ngắt hơi và cách gieo vần. Kỷ-niệm ở đây chua-chát «người gặp người cúi mặt» chứ không lâm-lý như kỷ-niệm của Lamartine trong «Le lac» hay đau-dớn mà êm-dềm như kỷ-niệm của Arvers :

*Lòng ta chôn một khối tình
Tình trong giấy lát mà thành thiên-thu.*

*KHÁI - HUNG
(dịch Sonnet d'Arvers)*

11.— VỀ KỶ-NIỆM

Vẫn biết chừ yêu nhau
Mai rồi không yêu nữa
Tình hôm nay đang nồng
Mai đã tàn hương lửa

Những bàn tay rời nhau
Mắt thôi nhìn một hướng
Bản tình ca buổi đầu
Nay chỉ còn dư hưởng

Tình yêu như nắng chiều
Thoáng hiện rồi thoáng tắt
Đời vẫn qua hững-hờ
Người gặp người cúi mặt

Em đã hết yêu anh
Không còn chờ bên cửa
Không nhìn mưa một mình
Tim mềm thôi nức-nở

Anh vẫn đợi em hoài
Đề rồi em chẳng đến
Tìm chi trong ngày qua ?
Quên rồi câu ước hẹn

Ôi ! tình như bóng mây
Tan dần theo ánh nắng
Một tháng rồi một năm
Rồi những ngày trống vắng

Nhưng sao anh vẫn buồn
Phải chăng còn kỷ-niệm
Kỷ-niệm thì tràn đầy
Bao ảnh hình thương mến

Này đây em còn đường
Này đây em đồng cỏ
Này đây ánh tà dương
Đây vùng trăng mới nở

Này đây tiếng hồ-cầm
Này đây hương suối tóc
Này đây tiếng em cười
Này đây lời em khóc

Màu áo em tím buồn
Bài thơ em vẫn thích
Ôi ! đây những con đường
Chiều thu mưa rả-rích

Thôi... rồi thôi, rồi thôi...
Anh trở về kỷ-niệm
Ngồi đợi tháng năm tàn
Xác phôi tình thương mẩn

Chờ cho phai kỷ-niệm
Biết bao giờ em ơi !
Mà khi chiều mới xuống
Đã thấy tương-tư rồi !

TÔ-KIỀU-NGÂN

TƯỜNG - LINH

«Vị người đi chiến-chinh» có cái không-khí của thơ ngũ ngôn cổ phong. Bài thơ hay nhờ ở nhạc-điệu khác lạ do vần tiếp và do lối đối rất thành công từ câu thơ thứ 7 đến câu thơ thứ 14 và ở nhiều câu khác nữa.

Tường-Linh tỏ ra xuất sắc trong các bài thơ có đề-tài chiến-tranh.

Bài thơ sau cho ta sống lại cái không khí Đông-Phương của thơ Đỗ-Phủ :

Quốc phá sơn-hà tại
 Thành xuân thảo mộc thâm
 Cảm thời hoa tiễn lệ
 Hạn biệt điều kinh tâm . . .

ĐỖ-PHỦ

(Xuân-Vọng)

12.— VỊ NGƯỜI ĐI CHIẾN-CHINH

Thủa người đi chiến-chinh
 Lá ngò đồng chưa rụng
 Hờn cầm nung thép sừng
 Hành khúc rộn đêm trăng
 Người có nhủ em rằng :
 — Giặc tan, anh trở lại.
 Rồi người đi, đi mãi
 Quên tiếng hát đêm thanh
 Quên những buổi chiều xanh

Quên người yêu tuổi nhỏ.

Tay nào gây sóng gió ?

Tay nào thả chìm câu ?

Ai khóa mộng ban đầu

Thủa tình em mới nhuộm

Ai nữ suy tuổi bướm

Thành tuổi đá tuổi vàng

Ai khơi sầu ly-tan

Cho đôi tim nức-nở ?

Chưa tròn lời than-thở

Người dứt áo ra đi

Một hồn vọng kinh-kỳ

Một hồn nương trận-tuyển

Chờ tin, tin chẳng đến

Gửi thư, thư lại về

Bến thu buồn chân đê

Mưa thu sầu cỏ nội

Tương-tư nhầu tóc rối

Mỏi dằng lẹ mong chờ

Gửi giọt máu trong thơ

Phổ lời than trong nhạc.

Từ quân thù tan-tác
Non sông lặng súng rồi
Đường về nào xa xôi
Sao người chưa trở lại ?
Em từng chờ trên bãi :
Đò sang, không thấy người.
Em từng chờ trên đồi :
Mẫu hoa sim hoang dại !
Em hỏi người quan tái :
Người... lặng-lẽ cúi đầu
Trời loạng-thoảng mưa ngâu
Gió tàn thu hiu-hắt.

Mộng ngày xanh đã tắt
Lửa ân tình chưa phai
Hôm nay, rồi ngày mai
Năm qua, rồi năm tới
Người ta vui như hội
Người ta hát như chim
Vò-vỗ chỉ riêng em
Ôm sầu thương hóa đá
Đề giữa ngàn hoa lá
Lá hoa ủ hận tình . . .

Vì người đi chiến-chinh
Vì ... người đi ... chiến-chinh.

TƯỜNG-LINH
(Bách-khoa)

VĂN - QUANG

«Thương nhớ» là tâm-trạng của một chiến-sĩ xa nhà, xa người yêu «phấn hương».

Bài thơ có phần vững chắc về kỹ-thuật với những vần ba tiếng bình nghèo nhưng nhiều âm-diệu. Đây là một cảm-xúc của một nhà văn còn trẻ, viết văn nhiều hơn làm thơ.

13. — THƯƠNG-NHỚ

Em ạ, đêm nay gió ngập phòng
Khuya rồi trăng lạnh gác ngang song
Anh ngồi xếp lại thư mùa cũ
Cho đợi đêm dài đỡ ngóng trông.

Những cánh thư xanh từ thuở xưa
Những dòng tâm sự nét dong-đưa
Tình em đã lắng trong lòng giấy
Anh ấp trong tim để đợi chờ.

Nhưng đợi chờ em mỗi mắt rồi
Thư em chẳng đến với lòng tôi
Từ lâu vắng tiếng tâm-tình ấy
Bút động thơ đau nói ghen lời.

Em ở ngàn xa vui phấn hương
Đêm nay gió ấm giấc mơ vàng
Có sầu đôi chút tình chinh khách
Nghe gió mùa sang có nhớ thương ?

Biền biệt anh đi vạn nẻo đời
Từng say ngàn vạn chén ly-bôi
Từng đêm đông lạnh, từng đêm lạnh
Anh sợ tình ta dễ lạt phai.

VĂN-QUANG

VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

*Ngày trước, chúng ta thường xem những bài thơ chưa
đựng mối tình «hoài Tổ» của Vũ, như là những bài thơ tình
hay nhất vì điệu-luyện, tha-thiết và hàm-xúc :*

Là thể, là thói, là thể đó !

Mười năm thôi thể mộng tan tành !

Mười năm trăng cũ, ai nguyên ước

Tổ của Hoàng xưa, Tổ của anh. . .

*Thời hậu thể-chiến, tác-giả «Rừng Phong» (1954) vẫn còn
được rất nhiều người yêu thơ và cảm mến.*

*Trong bài «Tuổi xanh» sau đây, chúng ta thấy cái văn-
hóa Đông-Phương vẫn lẫn át cái văn-hóa Tây-Phương : đó là
một đặc điểm của trường thơ họ Vũ, đẹp như một lầu-đài cổ
trong ấy thi-sĩ vẫn hằng tin ở giá-trị gọi cảm của thơ tiên
giáng bút (1)*

14.— TUỔI XANH

Trăng dịu từ phen gặp gió lành,

Sông lam từ buổi gặp non xanh.

Từ hương quen bướm, trời quen đất,

Em đã yêu rồi, đã của anh.

Thuở ấy tuổi Vàng hay tuổi Đá ?

Yêu nhau ai tính tuổi bao giờ !

Gối xuân chỉ biết từ nghiêng sóng,

Vần điệu trôi dài mãi tuổi thơ.

Tuổi dẫu Vàng hay dẫu Đá qua,
Vàng chưa ai nhặt, đá ai nhòa ?
Trái tim vẫn tuổi Đồng trinh bạch.
Thì sắc hương còn vẹn tuổi Hoa.

Thời gian có mỗi cánh chim bằng ?
Vũ-trụ sang mùa tận-thế chẳng ?
Anh vẫn còn Thơ về giáng bút, (1)
Em còn Hoa đề kết hoa đăng.

Hoa gieo ánh sáng ngập tinh cầu,
Bút vẽ thành Thơ giấc mộng đầu.
Nắng rộng mưa dài thu một nét,
Không gian còn lại có bề sâu.

Lửa đôi tái thế vẫn tương-phùng,
Nguyên thủy nào đâu khác Cực Chung ?
Anh muốn diu Em giờ Hiện Tại,
Nghe trăng hòa điệu, nước lên cung.

Hòa điệu lên cung trăng nước dậy,
Xuyên ngang gió trận, dọc mây thành.
Tuổi Thơ này với Hoa Niên ấy,
Muôn trước ngàn sau thăm thẳm xanh ?

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

(Hoa Đăng)

KHUYNH-HƯỚNG TƯỞNG-TRUNG

CHƯƠNG I

HAI NHÀ THƠ LÝ-THUYẾT : HÀN-MẶC-TỬ VÀ BÍCH-KHÊ

Năm 1939, đề tựa tập thơ tượng-trưng đầu tiên trong thi-ca Việt-Nam, tập «Tinh Huyết» của Bích-Khê, Hàn-Mặc-Tử viết : «Vội những cảnh trí, sự vật rất tầm thường, hơn nữa, tội-lỗi nhuốc-nhơ, rùng-rợn, mà thi-nhân trái lại thấy ở những chỗ ấy là cao-siêu, là nhân-đức, là thơm-tho, khoái-lạc...

Thí-dụ cái sợ người. Ta không kịp rùng-rợn với mảnh óc trắng trợn, với hàm răng trắng như tinh, thì thi-sĩ đã vội bảo ta đấy là bình vàng, chén ngọc, chứa bao chất ngào-ngạt, say đại, uống đến ngất người đi cả tủy thơm, cả não mát. . . Cái sợ người không còn là cái sợ người nữa. Mất hết cả sự ghê rợn của sự chết, sự hãi-hùng tàn-phá của thời-gian đối với sự vật. Để còn lại hình-ảnh của « khối mộng », của « buồng xuân », của « hồ nguyệt ». Trước kia thối-tha nhơ-nớp bao nhiêu, thì bây giờ lại thơm-tho, sạch-sẽ, đến muốn cắn vào hàm răng trắng dễ, đến muốn rút hết chất gì ngon-ngọt ở miệng, chất gì mát-mẻ ở mắt, ở hai lỗ hũng, ở cái hố sâu hoắm».

Những giọng chữ trên trình-bày một thẩm-mỹ quan hoàn-toàn khác với cái thẩm-mỹ quan của Thế-Lữ trong «Mấy Văn Thơ» (1935) và của Xuân-Diệu trong «Thơ Thơ» (1938).

Nghệ-thuật ở đây không còn là sự phô-diễn liên-miên của cái tôi «bề ngoài», cái anh anh, em em như trong thi-ca lãng-mạn. Nghệ-thuật ở đây tìm đến lãnh vực siêu hình, nó đi tìm «bề sâu» của cái tôi, «bề cao» của sự vật; nó là nghệ-thuật «luyện kim thi-ca» (alchimie poétique) như Baudelaire đã nói: «người cho tôi bùn của người, tôi sẽ làm bùn đó thành vàng».

Nghệ-thuật thi-ca theo Hàn-mặc-Tử, sẽ làm cho những cái thối-tha, nhơ-nớp nhất thành thơm tho, ngon ngọt; nghệ-thuật ở đây sẽ làm cho cái tầm thường thành cao-siêu. Người ta tưởng như nghe lời ca vẻ đẹp (Hymne à la beauté) của Baudelaire trong «Les fleurs du mal»:

*Hỡi cái đẹp! Hỡi con quái vật vĩ - đại,
khủng-khiếp và chất-phác!*

*Dầu ngươi đến từ trời hay từ địa-ngục đến,
điều đó có hề chi,*

*Miền sao con mắt, nụ cười và bàn chân của
ngươi mở ra cho ta chiếc cửa*

*Của vô tận mà ta mến yêu và chưa hề biết
đến (1).*

(1) *Que tu viennes du ciel ou de l'enfer, qu'importe,
O Beauté! monstre énorme, effrayant, ingénu!
Si ton œil, ton souris, ton pied m'ouvrent la porte,
D'un infini que j'aime et n'ai jamais connu?*

Ba năm trước khi đề tựa « *Tình Huyết* », Hàn-mặc-Tử đã báo hiệu khuynh-hương tượng-trung với bài thơ « *Tình quê* » (1936), một bài thơ ghi lại các sự vật chung quanh một cách mờ ảo như để đưa ta vào giấc mơ buồn một cách đẹp-đẽ, thần tiên :

*Trước sân anh thơ-thần
Đăm-đăm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang-thang trên đời quê
Gió chiều quên ngừng lại
Giòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh dường đê-mê
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trắng thề
Dù ai không mong đợi
Dù ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hờn trong lũy tre
Dưới trời thu man-mác
Bàng bạc khắp sơn-khé
Dù ai trên bờ liễu
Dù ai dưới cành lê*

Vời ngày xanh hờ-hững
 Cổ quên tình phu-thê
 Trong khi nhìn mây nước
 Lòng xuân cũng nảo-nề.

HÀN - MẶC - TỬ
 (Gái quê : Tỉnh quê)

Nhưng phải đợi đến khi Bài Tựa «Tinh Huyết» và tập «Tinh Huyết» ra đời thì cái thẩm-mỹ quan của khuynh-hương tượng-trưng trong thi-ca Việt-Nam mới thành hình rõ-rệt. Bài tựa «Tinh-Huyết», như vậy, có thể xem là một «biến-cổ» trong văn-học Việt-Nam.



Bích-Khê chú-ý rất nhiều đến sự thay đổi của hình-thức trong thơ. Ở điểm này, Bích-Khê gần với Verlaine, nhà thơ tượng-trưng chủ-trương trong thơ nhạc là trên hết ; mà muốn có nhạc thì nên chọn các thể thơ có số âm lẻ như 5, 7, 9, 11 ; đồng thời Verlaine cũng chủ-trương thơ không hùng-bien (1).

Đường kiến-trúc nhịp-nhàng theo điệu mới
 Cửa lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong
 Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng (2)
 Trần âm hưởng như chiều thu sóng nắng

(1) *De la Musique avant toute chose*
Pour cela préfère l'Impair. . .
Prends l'Éloquence et tords-lui son cou.

Verlaine.

(2) Hãy chú ý đến điệp ngữ và vần trong (rime intérieure) của câu thơ này : vẫn gieo giữa tiếng thứ ba (trong) in tiếng thứ 8 (lòng)

*Trong vòm xanh. Màu cười màu bình lặng
Gây phương phi : chiều sáng ngả sang mơ
Vì hình dung những sắc mát, non, tơ
Như mặt trời lọc qua khóm liễu. Một
Hoàng hôn. Ôi đàn môi, chim báu tốt :
Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngăm
Chữ điêu-khắc, tả nghệ-thuật sâu cam
Đầy thăm-mỹ như một pho thần tượng.*

BÍCH-KHÊ

(Duy-Tân)

Bích-Khê quan-niệm điệu mới phải nhịp-nhàng đầy âm-nhạc, cho nên thơ Bích-Khê có một nhạc-diệu khác hẳn với thơ cổ-diễn và thơ lãng-mạn. Ta thấy trong thơ Bích-Khê nhiều chỗ ngắt hơi khác thường và cách choàng, cách thông khác lạ làm cho câu thơ có một tiết-diệu luôn luôn thay đổi.

Quan-niệm thơ là «hạt châu trong» (1) chỉ là quan-niệm của nhà thơ tiền tượng-trung Pháp Vigny. Còn quan-niệm thơ là họa điệu của âm hưởng, của màu sắc và hương thơm là quan-niệm của Baudelaire trong « Correspondances ». Tuy-nhiên, đúng như tên của bài thơ, Duy-Tân đối với thi-ca Việt-Nam là một cuộc duy-tân thực sự, có đường

(1) *Poésie ! Ô Trésor, perle de la pensée !*

Vigny.

lối, có lý-thuyết và (điều quan-hệ hơn hết) sự áp-dụng của lý-thuyết đó vào thi-ca. Chúng ta có thể lấy bài thơ « Xuân Trượng-trung » của Bích-Khê để minh-chứng cho cuộc duy-tân đó trong thi-ca Việt-Nam :

*Hỡi lời ca man dại
 Điệu nhạc thổi hơi rừng
 — Đêm nay xuân đã lại
 Thuần-túy và tượng-trung
 Nàng lên núp vú đồi
 Sữa trắng nhi-nhỉ giọt
 Bay qua cụm liễu phơi
 Những cườm tay diềm hột
 Sương. Phất-phơ lau-lách
 Khe uốn mình giai-nhân
 Đường non khéo điêu-khắc
 Những dáng hình khỏa thân
 Lựa mây này vàng chạm
 Tia ngọc bén màu ngân*

*

Chủ Xuân đương triển-lãm !

*

*Lời ca như hạc theo
 Gió lên. (Tình mùa reo
 Những điệu vàng Châu báu.
 Đường có con chim báu*

*Rỉa cánh trên ngai lòng)
Xòe-xòe màu lông công
Vườn thơm khua sắc mát
Rồng uốn vóc từng cong
Áo bạch mai khoát-khoát
Môi đào chờ khoái-lạc. . .
Hồn tôi như đỉnh hương
Bốc lên mình thánh giá !
Ý xuân mát đến xương
Ngậm tuyết phun lỗ-chũ.*

BÍCH-KHÊ

(Xuân tượng trung)

Nghệ-thuật « điều-khắc những dáng hình khỏa thân » của Bích-Khê xui ta nhớ đến nghệ-thuật của tạo hình trong thi-ca Pháp chịu ảnh-hưởng của Hy-Lạp, đặc biệt hơn hết là ở Chénier, một nhà thơ rất giỏi tạo hình và tạo nhạc của thế-kỷ 18.

Trong «Duy-Tân», Bích-Khê kết-luận :

Thơ lỏa-thề ! Giai-nhân tuần trăng mặt

Nữ thần ơi ! Ta ! nô-lệ bên người !

BÍCH-KHÊ

(Duy-Tân)

Và trong bài « *Tranh lửa-thẻ* » :

Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?

Đến triền-lãm cả tấm thân kiều-diễm

Nàng là tuyết hay da nàng tuyết diễm ?

Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?

Bên vực cho lối « *thơ lửa-thẻ* » đó, Hàn-mặc-Tử viết :

« Ở đây, sự trần-truồng dâm-dăng đã nhường lại cho ý-vị nên thơ của hương, của nhạc, của trắng, của tuyết. Quả nhiên là một sự không khen thanh tao đến ngọt lịm cả người và cả thơ » (Tựa *Tinh Huyết*).



Cùng trong năm 1939, trước khi tập « *Tinh Huyết* » ra đời, đề tựa tập « *Thơ diễm* » của mình, Hàn-mặc-Tử đã giải-thích ý-nghĩa của thơ tượng-trung : « một cung đàn », « một làn ánh sáng », chứa đựng của thơ là « vui, buồn, hờn, giận đến gần đứt sự sống ». Chưa bao giờ trong thi-ca Việt-Nam lại có một lối giải thích khác thường như thế. Nhà thơ mời ta và người bạn gái vào vườn thơ của người và từ « *Thơ diễm* » (gồm có ba tập *Hương thơm*, *Mặt đăng*, *Máu cuồng và hồn điên*) đến « *Xuân Như ý* », « *Thượng Thanh khí* », « *Duyên kỳ Ngộ* » và « *Quần tiên Hội* », ta nhận thấy đúng như lời Hàn-mặc-Tử đã nói : « Vườn thơ của người rộng-rinh không bờ-bến, càng đi xa càng ớn lạnh ». Ta rùng mình khi nghe nhà thơ giải nghĩa :

«Tôi làm thơ ?

Nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung-rinh một làn ánh sáng.

Anh sẽ thấy hơi đàn lả-lướt theo hơi thở của môi tôi và chìm theo những sóng điệu nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyển-chuyển.

Anh sẽ rung theo khúc ngân-ngã của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai-âm rền-rĩ mãi không ngừng.

Và anh sẽ cảm-giác lạ, nhìn không chớp mắt khi một tia sáng xôn-xao tại có vì sao vỡ. Những thứ ấy là âm-điệu của thơ tôi, âm-điệu thiêng-liêng tạo ra trong khi máu cuồng rền vang dưới ngòi bút.

Tôi làm thơ ?

Nghĩa là tôi yếu-đuối quá ! Tôi bị cảm dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí-mật. Và nghĩa là tôi đã mất trí, tôi phát điên, Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng gào, tiếng rú. . . Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi ?



Tôi đã sống mãnh-liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát-triển hết cả cảm-giác của tình yêu. Tôi đã vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống.



Thời mời cô cứ vào

Ánh sáng lạ trong thơ tôi sẽ làm cho gò má cô đỏ gấc. Và một khi cô đã vào là cô sẽ lạc, vì vườn thơ tôi rộng-rinh không bờ-bến. Càng đi xa, càng ớn lạnh... »

HÀN-MẶC-TỬ

Hàn-mặc-Tử còn có những ý muốn lạ-lùng :
mỗi lời thơ phải là máu vọt, là cân não của nhà thơ :

« Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút

Mỗi lời thơ đều dính não cân ta

Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt

Như mê-man chết điếng cả làn da ».

Xét trên bình diện thế-giới, thi-ca cổ kim chưa bao giờ có một quan-niệm quái dị như thế, và ghê-gớm như thế. Edgar Poë cũng chỉ đến vậy là cùng. Thơ, theo Hàn-mặc-Tử, chỉ là âm-thanh, tiếp nối nhau, khi thì lả-lướt khi thì quay cuồng chết điếng cả thân xác và linh hồn.

Ở Việt-Nam trước Hàn-mặc-Tử, từ 1932 cho đến khi tập « Đau Thương » (1939) của Hàn-mặc-Tử ra đời, (nhưng đến năm 1943 mới in thành tập) chưa bao giờ thi-ca Việt-Nam lại được quan-niệm một cách khác thường và mới lạ như vậy. Đây là một thế-giới đầy âm-nhạc, riêng biệt, mung-lung, mờ ảo.

Lạc vào trong thế-giới kỳ lạ đó của vườn

thơ Hàn-mặc-Tử, người đọc sẽ chỉ gặp toàn là những cảm-xúc ghê-gớm do nhạc và hình-ảnh gây nên lạ-lùng, mãnh-liệt.

« *Làm thơ nghĩa là yếu-đuối quá* », nhà thơ cảm thấy như bao nhiêu sức mạnh của mình, sức mạnh tinh-thần và thể-xác đều phung-phí, đều dồn vào trong nhạc của thơ. Một nhà tâm bịnh học hay phân tâm học có thể giải-nghĩa thơ Hàn-mặc-Tử hơn một nhà khảo-luận văn-học, bởi vì Hàn-mặc-Tử là một nhà thơ bịnh-hoạn, một nhà thơ có cái nhìn khác lạ « *nhìn vào thực-tế thì sự thực sẽ trở thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô sang địa-hạt huyền-bí* » vô cùng quái đản :

*Nhớ khi xưa, ta là chim Phượng-hoàng
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất,
Bay từ Đào-Lý đến thời Đâu-Suất,
Và lùa theo không biết mấy là hương.
Lúc đằng-vân, gặp ánh sáng chặn đường,
Chạm tiếng nhạc, va nhằm thơ thiên-cổ,
Ta lói-đình, thấy trăng sao liền mờ,
Sao tan-tành rơi xuống vũng chiêm bao,
Trăng tan-tành rơi xuống một cù-lao,*

*Hóa đài-diện đã rất nên tráng-lệ,
 Ở ngói cao ngược mắt ra ngoài bề,
 Phong-lưu ghé, sang-trọng chẳng vừa chi !
 Ta đắm say như đến chốn Phượng Trì...*

HÀN-MẶC-TỬ

(Phan-Thiết)



Hai nhà lý-thuyết của khuynh - hướng thơ tượng-trưng thời tiền - chiến gặp nhau ở nhiều điểm : trong thơ nhạc là trên hết, muốn có nhạc thì tiết-diệu phải nhịp-nhàng, lời thơ phải gợi ảnh; phải tạo hình và gợi cảm. Điều nên ghi nhận là cả hai cùng xuất thân ở trường thơ Đường (xem bài « Gõ bồn » dưới đây của Bích-Khê) trước khi tiến đến tượng-trưng.

Điểm khác nhau giữa Hàn-mặc-Tử và Bích-Khê là đức tin : Hàn-mặc-Tử tìm nguồn thơ trong đức tin Thiên-Chúa giáo thì Bích-Khê gần Phật và Lão-Trang. Tuy nhiên, họ vẫn là hai bạn thân nhau thấm-thiết và ảnh-hưởng lẫn nhau một cách rõ-rệt.

Bích-Khê trong bài « Gõ bồn », nói đến *tao khách, hạc, phù-vân* :

*Liêu Trai trở lại, lánh vòng trần
 Ma Phật mơ hồ mộng vơi thân
 Mặt ngọc bên trời tàn bóng nguyệt
 Minh ta trước cửa thưởng hoa xuân*

*Gõ bồn chẳng thấy ai tao khách
 Cách núi khôn tìm bóng cố-nhân
 Một tiếng trên không trong ác-lặn
 Hạc kêu bay lẫn đám phù vân*

BÍCH-KHÊ

Trong «Ave Maria», Hàn-mặc-Tử cho thơ là mẫu-nhiệm, thơ là linh-giác, «kiến thần» và «thấu thị», một sáng tạo « huyền - bí », không cần thời-gian và không-gian, thi-sĩ nói đến *phép lạ, sứ thần Thiên-Chúa*, nhưng giọng thơ vẫn vương-vấn một chút gì của văn-chương Phật giáo :

*Bút tôi reo như châu ngọc đèn vua
 Trí tôi hợp bao nhiêu là khí vị
 Và trong miệng ngậm câu ca huyền bí
 Và trong tay nắm một nắm hào-quang
 Tôi no rồi ơn vũ lộ hòa chan ;
 Tấu lạy Bà, lạy Bà nhiều phép lạ
 Ngọc như ý vô-tri còn biết cả
 Huống chi tôi là thánh thể kết tinh
 Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình-minh
 Chiều cùng hết khắp ba ngàn thế-giới
 Sáng nhiều quá cho thanh-âm vời-vời
 Thơm nhường bao cho miệng lưỡi không
 khen*

*Hỡi sứ thần Thiên-Chúa Gabriel
 Khi người xuống truyền tin cho thánh-nữ
 Người có nghe xôn-xao muôn linh-tú
 Người có nghe náo-động cả muôn trời
 Người có nghe thơ mẫu-nhiệm ra đời, . .*

HÀN-MẶC-TỬ
 (Ave Maria)

Có khi Hàn-mặc-Tử cầu nguyện cho thơ được cao sang và trọng vọng :

« Lạy Chúa Trời tôi ! Hãy ban cho tôi hăng hà sa số là ơn lành, ơn cả ! Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng-vọng như tài-hoa, cao sang như nhân đức, chói chan vô vàn phước lộc ».

Điểm khác nhau giữa hai nhà thơ là hình-thức .

Bích-Khê quan-niệm điệu mới phải nhịp-nhàng cho nên thơ Bích-Khê có những tiết-diệu mới, có những chỗ ngắt hơi khác thường khi dài, khi ngắn, có những vần thật nghèo nhưng nhiều âm-diệu :

*« Người họa điệu với thiên-nhiên, ân-ái
 Buồn, và Xanh trời Tôi trôi với bờ
 Êm biếc — khóc với thu : lời ủa ngô
 Vàng. . . khi cách biệt — giữa hồn xây mộ
 Tình hôm qua — dài hôm nay thương nhớ
 Im-lặng nhìn bóng ý lặng-lờ lên*

*Những dáng hình thanh khí. . .) Giữa mông-
mênh*

*Đường nhiếp-ảnh, sắc khua màu — Tiếng thở
Hồi Hồi Họa, đến muôn đời nức-nở*

Ta nhịp-nhàng ý-nhị nhịp theo Ta. . .»

BÍCH-KHÊ
(Duy-Tân)

Riêng Hàn-mặc-Tử không hề đi quá xa để trở thành « quá tây ». Thơ Hàn-mặc-Tử, bắt nguồn trong Thiên-Chúa giáo, vẫn giữ được cái bản-chất Đông-phương và nhờ đó đến được đỉnh của thơ tượng-trung với màu sắc thật dân-tộc :

*Đây phút thiêng-liêng đã khởi đầu,
Trời mơ trong cảnh thật huyền mơ
Trăng sao đắm-đuối trong sương nhạt,
Như đón từ xa một ý thơ.*

*

*Ai hãy làm thỉnh chớ nói nhiều,
Đề nghe dưới đáy nước hồ reo ;
Đề nghe tơ liễu run trong gió,
Và đề xem trời giải-nghĩa yêu.*

*

*Hàng thông lấp-loáng đứng trong im
Cánh lá in như đã lặng chìm.
Hư thực làm sao phân biệt được ?
Sóng Ngân-hà nổi giữa màn đêm.*

*Cả trời say nhuộm một màu trắng
 Và cả lòng tôi chẳng nói rằng,
 Không một tiếng gì nghe động chạm
 Dầu là tiếng vỡ của sao băng !*

HÀN-MẶC-TỬ
 (Đò-lạt trắng mờ)

Chúng ta thấy trong những lúc tâm-hồn tỉnh-táo, nhà thơ rung-động chúng ta nhiều hơn trong những lúc điên cuồng rùng-rợn, trong những lúc kêu gào thống thiết :

*Cả miệng ta trắng là trắng
 Cả lòng ta vô số gái hồng nhan
 Ta nhả ra đây một nàng. . .*

Có lần chính Hàn-mặc-Tử cũng đã viết : « Vẫn biết nghệ-thuật chuộng ở sự tiến-bộ, ở sự hoàn-toàn từ hình-thức đến tinh-thần của một bài thơ. Song le ta không nên quên rằng thơ ta là thơ quốc âm, ta phải giữ cái tinh-thần Việt-Nam của ta, hơn nữa, cái tinh-thần Đông-Phương mà sự rung-cảm tâm-hồn người ta là nhờ ở cái đẹp kín-đáo, cái tình sâu sắc, cái buồn thăm-thía. . . »

Chính « cái đẹp kín-đáo, cái tình sâu-sắc, cái buồn thăm-thía » làm cho tượng-trưng của Hàn-

mặc-Tử thành bất tử, chứ không phải cái điên cuồng đáng tởm làm cho ta ghê người, mệt-nhọc.

Có một điều nên ghi nhận nữa ở Hàn-mặc-Tử là thi-ca tiên-tri. Nhà thơ vượt lên trên thời-đại đương thời, đứng trên cao nhìn xuống nhân-loại trong đó chúng ta đang sống để mà truyền cảm với chúng ta qua những vần thơ «tiên kiến», qua những tưởng-tượng mà ngày nay đang sắp thành sự thực :

Ta bay lên ! Ta bay lên

Gió tiễn đưa ta đến nguyệt thềm

Ta ở trên cao nhìn trở xuống

Lâng-lâng mây khói huyện hương đêm.

HÀN-MẶC-TỬ

Với Hàn-mặc-Tử và Bích-Kê, thi-ca tượng-trung Việt-Nam đã đến một cao độ thật tuyệt vời, đến một nơi thật cao siêu và khả kính, mà cho đến ngày nay chưa một nhà thơ tượng-trung tiền và hậu thế-chiến nào có thể vượt đến được.

CHƯƠNG II

NHỮNG NHÀ THƠ TƯỢNG-TRƯNG

Trong thời tiền thế-chiến, ngoài hai nhà lý-thuyết của thơ tượng-trưng là Hàn-mặc-Tử và Bích-Khê, chúng ta có thể ghi nhận các nhà thơ Bình-Định là những nhà thơ luôn luôn bị mùa thu và trăng vàng ám-ảnh : Yến-Lan, Chế-lan-Viên và những nhà thơ khác không cùng một quê-hương : Phạm-Hầu, Đoàn-phú-Tử.

Với bài thơ « Vọng-hải đài », Phạm-Hầu đã tỏ rõ khuynh-hướng tượng-trưng của mình. Đây là sự hòa điệu của âm-thanh (thêm son từng dọi gót vân hải) của màu sắc (một sắc không bờ trên biển xa) và của hương thơm (lòng xiêu-xiêu hồn nước hương mai).

Chẳng biết trong lòng ghé những ai ?

Thêm son từng dọi gót vân hải

Hỡi ôi ! người chỉ là du-khách

Giây phút dừng chân vọng-hải đài.



Cơn gió nào lên có một chiều
 Ai ngờ thời tạt mối tình kiều
 Tháng ngày đi rước tương-tư lại
 Làm rã chân thành sắp sửa xiêu



Trống-trải trên đài du-khách qua
 Mây ngày vơ-vẩn, gió đêm là
 Muôn đời e hầy còn vương-vấn
 Một sắc không bờ trên biển xa



Lòng xiêu-xiêu, hồn nức hương mai
 Rạng đông về thức giấc hoa nhài
 Đưa tay ta vẫy ngoài vô tận
 Chẳng biết xa lòng có những ai ?

PHẠM-HẦU

Thơ Đoàn-phú-Tứ mang nhiều dấu vết của
 khuynh-hương tượng-trung trong bài « Mầu thời-
 gian » :

Trăm năm tình cũ lìa không hận
 Thà nép máy hoa thiếp phụ chàng
 Duyên trăm năm đứt đoạn
 Tình một thuở còn hương
 Hương thời-gian thanh-thanh
 Mầu thời-gian tím ngát

ĐOÀN-PHÚ-TỨ

Nhóm « Xuân-Thu Nhã-Tập » gồm có Đoàn-phú-Tử, Phạm-văn-Hạnh, Xuân-Sanh, tuy làm được nhiều chuyện nhưng không còn để gì lại trong tâm-trí của những người yêu thơ tượng-trưng ngoài một vài câu thơ đẹp như :

«Đáy đĩa mùa đi nhịp hải-hà»

Muốn có nhiều nhạc và nhiều tiết-điệu, thơ tượng-trưng thường là hai lối thơ có số tiếng lẻ, thơ 5 tiếng và thơ 7 tiếng. Với Yến-Lan thì hình-thức thơ tượng-trưng thường là thơ 8 tiếng. Văn tréo của thơ 8 tiếng làm cho câu thơ 8 tiếng có nhạc-điệu êm-dềm :

*Thành Bình-Định nương mây và cây nguyệt
Đường chờ xe, sông nước ước mong thuyền
Tịch dương-liều không biết mình dương biể
Tương-tư trời, tương-tự nhạc triền-miên. . .*

YẾN-LAN

Tác-giả « Điêu-tàn » (1937) không có bệnh mà rên-rỉ, không phải họ Chế mà dựng lại « non nước giống dân Hời » nên tuy thơ có tạo hình nhưng nặng-nề, u-uất không thành thật và không gọi cảm như thơ của Bích-Khé :

*Ô ! hay buồn vương cây ngó đồng
Vàng rơi ! vàng rơi ! Thu mệnh-mông.*

BÍCH-KHÉ

*Thù đến đây chừ, mới nói rằng ?
 Chừ đây, buồn giận biết sao ngăn ?
 Tìm cho những cánh hoa đang rụng,
 Tôi kiếm trong hoa chút sắc tàn !*

CHẾ-LAN-VIÊN
 (Thu)

Thơ Chế-lan-Viên không hẳn là tượng-trưng mà là một lối thơ lãng-mạn có khi tầm thường, vắn đục.

Người ta tưởng phải sắp Xuân-Diệu thời tiền thế-chiến vào danh-sách những nhà thơ tượng-trưng, bởi vì Xuân-Diệu đã say-mê các nhà thơ tượng-trưng Pháp :

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine
 Hai chàng thi-sĩ choáng hơi men,
 Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
 Khinh-rẻ khuôn mơn bỏ lối quen.*

*Những bước song-song xéo dẫm trường,
 Đôi hồn tươi đậm ngát hoa hương,
 Họ đi, tay yếu trong tay mạnh,
 Nghe hát ân-tình giữa gió sương.*

*Kể chi chuyện trước với ngày sau ;
 Quên ngó môi son với áo màu ;
 Thấy kẻ thiên-đường và địa-ngục !
 Không hề mặc cả, họ yêu nhau.*

XUÂN-DIỆU

Nhưng vì :

*« Nỗi đời cơ-cực đang giờ vuốt
Cơm áo không đùa với khách thơ »*

nên thơ Xuân-Diệu chỉ có thoáng không-khí tượng-trung của Verlaine và Rimbaud mà thôi. Huy-Cận cũng vậy. Nguyễn-Vỹ tuy viết : « Nhà văn An-nam khổ như chó » và tuy đã nói lên với khá nhiều chán nản và mỉa-mai về cuộc đời của nhà văn, nhà báo thời tiền thế-chiến :

*Chứ như bây giờ là trò chơi,
Làm báo làm bung chán mớ đời !
Anh đi che tàng một lũ ngốc,
Triết-lý con tiêu, văn-chương cóc !
Còn tôi bung thúng theo đàn bà,
Ra chợ bán văn, ngày tháng qua !*

NGUYỄN-VỸ

nhưng Nguyễn-Vỹ lại gần với tác-giả của « Jadis et Naguère » trong bài thơ hai tiếng « Sương Rơi » :

*Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cảnh
Dương-liều. . .
Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh-lùng
Hiu-hắt*

*Thấm vào
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương ! . . .*

NGUYỄN-VỸ

Thơ là nhạc. Lời thơ là lời nhạc, cố tranh với nhạc, chấp-chờn mờ ảo.

Về nội-dung, thơ tượng-trưng không đề-cập đến đề-tài xã-hội, chính-trị (1) mà chỉ chấp nhận những đề-tài tâm-tinh và nhiều nhất là đề-tài thiên-nhiên :

«Người họa điệu với thiên-nhiên ân-ái »

Nhà thơ có khuynh-hướng lãng-mạn là Lưu-trọng-Lư đã sáng-tác một bài thơ tượng-trưng rất nổi tiếng vừa diễn-tả thiên-nhiên, vừa diễn-tả nỗi lòng băng-khuàng của người cô-phụ :

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thôn-thức ?*

*Em không nghe rạo-rực
Hình ảnh kẻ chinh-phu
Trong lòng người cô-phụ ?*

(1) «Một số người nghĩ rằng mục-dịch của thơ là giáo-dục một điều gì đó, khi thì nó phải tăng-cường lương-tri, khi thì nó phải hoàn-mỹ phong-tục, khi thì nó phải chứng-minh một điều gì hữu-ích. Thơ . . không có mục-dịch gì khác hơn là chính nó» (Baudelaire).

*Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào-xạc,
Con nai vàng ngơ-ngác
Đạp trên lá vàng khô ?*

LƯU-TRỌNG-LƯ

(Tiếng Thu 1937)



Trong thời hậu thế-chiến, thi-ca tượng-trung đã trải qua hai thời-kỳ : thời-kỳ bế-tắc (1945-1954) và thời-kỳ phục-hưng (từ 1954 đến nay).

Trong suốt 9 năm chiến-tranh, thi-ca tượng-trung cơ hồ như bị bóp nghẹt vì mọi cuộc chiến-tranh đều phản lại với tinh-thần thi-ca thuần-túy. Tuy-nhiên thỉnh-thoảng người ta cũng được đọc một vài câu thơ tượng-trung khá hay chẳng hạn như đoạn thơ sau đây (mà chúng tôi quên mất tên tác-giả) :

*Thâm khuê ý-thức chong đèn lạnh
Mặt nguyệt tâm-tư tròn vện gương
Chiếc én thành son chưa đầy cánh
Nét đau xanh liễu chữa buống tường.*

Từ sau 1954, cùng với thái-bình, người ta thấy xuất-hiện nhiều nhà thơ tượng-trung có tiếng như Quách-Thoại, Cung-trầm-Tưởng chịu ảnh-hưởng của Verlaine và Rimbaud, Đông - Hồ,

Mặc-Thu, Lý-quốc-Sĩnh, Nguyễn-huyền-Không chịu ảnh-hưởng của Tỳ-bà-Hành (1) và thơ Đường (2), Đoàn-Thêm, Xuân-Phụng chịu ảnh-hưởng của Mallarmé, Valéry...

Quách-Thoại từng đóng vai nhà lý-thuyết về thơ tượng-trưng. Lý-thuyết này chung-quì cũng đề ra sự « hợp-tấu » của màu sắc, âm-thanh và mùi hương trong một hình-thức mới-mẻ :

*Ái-tình giao tay làm khối lượng
Nghệ-thuật nằm trong kiến-trúc
Phảng-phất lời lẽ một làn hương
Tâm linh bỗng nhiên thành vũ-trụ vô lường
Thực tại bao trùm bởi ảo tưởng
Đâu biết màu xanh hay chính ấy âm-thanh.*

QUÁCH-THOẠI

(Hợp-Tấu)

« Một làn hương . . . đâu biết màu xanh hay chính ấy âm-thanh » Ta tưởng nghe lại lời « hợp-tấu » của Baudelaire (3).

Không lý-luận, thơ Cung-trầm-Tướng chính là nhạc của thơ tượng-trưng, mặc dù những ý-tưởng trong thơ Cung-trầm-Tướng mang nhiều dấu vết của thi-ca hiện-sinh :

(1) *Lệ ai chan-chứa hơn người ?*

Giang Châu Tư-Mã dượm mùi áo xanh (T. B.H.)

(2) *Thơ đường cũng rất tượng-trưng như « Hoàng-Hạc-Lâu » của Thôi-Hiệu, nhiều bài đường-thi của Lý-Bạch, Đỗ-Phủ. (Xem « Đường-thi và khuynh-hướng cổ-diễn ». Sắp in).*

(3) *Les parfums, les couleurs et les sons se répondent.*

*Lên xe tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa đông Paris
Suốt đời làm chia-ly.*

CUNG-TRẦM-TƯỜNG

Thơ tượng-trung của Nguyễn-huyền-Không là thi-ca tình yêu đượm vẻ thiêng-liêng, siêu hình của Phật giáo. Nhà thơ định tìm sự yên tĩnh trong tâm-hồn sau khi đã yêu-đương tha-thiết nhưng...

*Những tưởng hiền thiềng im tiếng khóc
Thôi xưa ngỏ hẹn chẳng trắng ngần
Lần đầu ngày tháng theo đầu ngọn
Giăng vương, than ôi, mái tóc huyền.*

NGUYỄN-HUYỀN-KHÔNG

Những « điên-đảo cũ » đã hiện lên, khói lửa « cảnh yêu tà » đã dựng dậy, nhà thơ đành trở về với phù thế của chúng ta :

*Lòng dưới sự quì van lạy Phật
Xin về nẻo trước bước điêu-linh
Tơ-duyên còn rối trong tơ-tóc
Kiếp trước chưa thấu trọn lời tình.*

NGUYỄN-HUYỀN-KHÔNG

Đến « Vườn Mây » (1961) của Đoàn-Thêm thì thơ tượng-trung Việt-Nam tiến đến một thời-kỳ mà ta

có thể so sánh với thời-kỳ Mallarmé trong thi-ca Pháp. Nhà thơ cố gợi cho được cái mùi hương trong thi-ca, làm cho người đọc thơ như cảm thấy mùi hương ấy (1) :

Khoác áo màu thu biếc

Đi về lối ẩm sương

Trao xuân tùy gió lộng

Cho cỏ bén mùi hương

ĐOÀN-THÊM

(Giác Mơ Bồng Đảo)

Nửa giấc đời khuya lay bóng sử

Tắt mơ buống ý lạng giờ xanh

Đêm nay hương ngát, đồng ngân điệu

Nghĩa sống rung mây nở mộng lành.

ĐOÀN-THÊM

(Chung Linh)

Thơ Đoàn-Thêm có «hậu» : kết cuộc bao giờ cũng tốt đẹp, cũng êm-dềm. Đó là một đặc điểm của các nhà thơ cổ-diễn thuần-túy.

— «Tôi còn đi xa nữa», đó là tâm sự của nhà thơ. Chúng ta vui mừng mà gặp được một hồn thơ «dài hơi» có thể góp phần to lớn để đưa thi-ca tượng-trung đến một nơi cao đẹp.

(1) Thơ Mallarmé cố gắng tạo mùi hương :

«D'une essence ravie aux vieillesse des roses».

Vả chẳng các nhà thơ lỗi-lạc nhất của thế-giới hiện nay hầu hết há chẳng từng chịu ảnh-hưởng rất nhiều của thi-ca sau tượng-trưng Pháp sao ?

Chúng ta có quyền lạc-quan về sự tiến-triển của thi-ca tượng-trưng Việt-Nam. Sau 9 năm im hơi lặng tiếng, thi-ca tượng-trưng đang vươn mình chỗi dậy. Chúng ta chào mừng sự hồi-sinh của khuynh-hướng «thi-ca thuần-túy», một khuynh-hướng gồm có nhiều thi-tài mà *«thơ diễn-tả bằng tiếng như là một sáng-tạo của cái đẹp do tiết-diệu : quyền tối thượng để phê-phán nó là thẩm-mỹ quan. Thi-ca chỉ có với tri-giác và ý-nghĩa đạo-đức những tương-quan gián-tiếp... Nó không có một tương-quan gì với bốn phận và sự thật»* (Edgar Poë, Principe de la poésie 1850). Quan-điểm sáng-tác thi-ca nói trên của Poë hình như cũng chính là quan-điểm sáng-tác của các nhà thơ tượng-trưng Việt-Nam.

CHƯƠNG III

NHỮNG BÀI THƠ HAY CÓ KHUYNH-HƯỚNG TƯỢNG-TRUNG

Thơ tượng-trung là một nghệ-thuật thuần-túy, không đề-cập đến các vấn-đề chính-trị, xã-hội nên không hùng-biện ; thơ ở đây là thẩm-mỹ phẩm, đề thưởng-thức như nhạc và tranh.

Cái hay của các bài thơ chọn-lọc sau đây là sự biểu-thị không phải những ý-tưởng rõ-ràng, mà sự mờ ảo, sự tranh tối tranh sáng (clair-obscur), sự ngập ngừng của những tâm-hồn «siêu-nghiệm» sự thực. Nếu những vần thơ đó có khơi những sự vật cũng là để đưa ta vào một cõi huyền-bí hay vào một giấc mơ thanh-thoát.

CUNG - TRẦM - TƯỜNG

Cung-trầm-Tường mới bước vào làng thơ thời hậu-chiến đã nổi tiếng. Đọc thơ Cung-trầm-Tường, ta thấy lẫn lộn hai khuynh-hướng hiện-sinh và tượng-trung.

Bài « Mùa thu Paris » sau đây rất gần với thơ Verlaine ở chỗ nhạc-điệu có thể tìm thấy ở các « vần trong » gieo giữa câu thơ (rimes intérieures)

1.— MÙA THU PARIS

I

Mùa thu Paris

Hẹn em quán nhỏ

Rưng-rưng rượu đỏ tràn ly



Mùa thu đêm mưa

Phố cũ hè xưa

Công-trường lá đỏ

Ngóng em kiên khổ phút giờ



Mùa thu âm-thầm

Bên vườn Lục-Xâm

Ngồi quen ghế đá

Không em bước giá từ lâu



Mùa thu nơi đâu
Người em mắt nâu
Tóc vàng sợi nhỏ
Không em chín đỏ trái sầu

II

Mùa thu Paris
Trần dâng đôi mi
Người em gác trọ
Sang anh gót nhỏ thăm-thì



Mùa thu không lời
Son nhạt đôi môi
Em buồn trở lại
Hồn quên hối-cải cuộc đời



Mùa thu mùa thu
Mây trời âm-u
Yêu em độ lượng
Trong em tâm tưởng giam tù
Mùa thu, . . trời ơi tình thu,

CUNG-TRẦM-TƯỜNG

ĐOÀN - THÊM

Chúng tôi chọn « Bước Đá » trong tập Vườn Mây (1961) vì tập thơ đánh dấu một sự chuyển hướng rõ-rệt của thi-sĩ Đoàn-Thêm. Ở đây, ta thấy nhà thơ tôn thờ cái đẹp của âm-thanh, tư-tưởng và tình-cảm như Mallarmé.

Nếu « Từ-Thức », « Taj Mahal » và « Nhạc đế » là cổ-diễn và lãng-mạn thì « Vườn Mây » là sự phối-hợp của hai khuynh-hướng : cổ-diễn và tượng-trung.

Bài « Bước Đá » xui ta đọc đi đọc lại để khám-phá, để thưởng-thức cái đẹp, cái âm-điệu, cái thích-thú gây ra bởi sự cấu-tạo những hình-ảnh mới.

2.— BƯỚC ĐÁ

Vượt dốc tìm trong sáng

Người qua tưởng hái mây

Leo cao ngờ vực thăm

E ngại lúc mềm say

Vết chân mòn dẫm đá

Chỉ thấy những tà-dương

Lạc hướng nghe lằm gió

Trăng sao dọi nẻo đường

Thời xa tan giấc khói
Ngã héo lạng mùa thương
Dãi nắng màu thơ sạm
Chờ xuân tóc ngậm sương

Chợt bóng rừng rung tối
Buồn vui bão cuốn bay
Nhẹ mình quăng thắc-mắc
Vững bước, mặt trời lay.

ĐOÀN-THÊM
(Vườn Mây)

ĐÔNG - HỒ

Đông-Hồ đã di từ cổ-diễn đến lãng-mạn và thảnh-thoảng cũng làm thơ tượng-trưng.

Trong bài « Thanh-Minh » sau đây, cảnh vật mùa xuân thái-hòa đã được nhà thơ gọi lại một cách nhẹ-nhàng, chứng-tỏ một tâm-hồn yêu-chuộng cái đẹp hình-thể mơ-màng, cái đẹp tượng-trưng cổ-diễn như ta đã từng gặp trong « Hoàng-hạc-Lâu » của Thôi-Hiệu :

Yên ba giang thượng sử nhân sầu

hay trong thơ của Vương-Xương-Linh :

Hốt kiến mạch đầu dương-liều sắc.

3.— THANH - MINH

Giai tiết Thanh-minh đào lý tiếu

(HOÀNG-ĐÌNH-KIÊN)

Vui lắm thời xưa thuở thái-hòa,
 Chim rừng dang dẫy nhạc âu-ca ;
 Sương đem bụi ngọc rảy lên cỏ,
 Rêu mượt mình nhung đá nồn-nà ;
 Róch-rách suối tuôn tràn mặt ngọc,
 Màn căng the mỏng núi xa... xa ;
 Khí lành thơm ngát nghìn hương lá,
 Bóng rủ về đây mây thướt tha ;

Đường uốn ven rừng từng biếc phủ
Hoang-vu ngờ gặp bóng yêu ma ;
Mái tranh nhè-nhẹ vương tơ khói,
Nàng động Cô-liêu vắng tiếng gà.

Muôn cánh mai vàng muôn cánh bướm
Tung-bùng yến-tiệc náo làng hoa.

Mái đầu giữ lại hồn Xuân rưng,
Giọt lệ rơi theo nhịp ngón ngà,
Chòm tóc tơ huyền trầm cuộn sóng,
Hàng mi, thanh-liễu gió la-đà.

Mẫu đơn say nắng hây-hây đỏ ;
Hồng ánh lây sang tấm áo là.

Gợn lụa in màu hoa tưởng nhớ,
Đây mùa đào chín ửng làn da,
Bên nàng tiên-nữ thơm như mộng.
Ngọc dịch hương vẩy chén tử hà.

ĐÔNG-HỒ
(Trinh-Trắng)

ĐÔNG-XUYỀN

Bài thơ « Gánh nước đêm » có những hình ảnh đẹp mơ-màng như trăng nước.

Giữa đời sống rộn-rịp ngày nay, thật là một thú-vị khi dùng giấy lát để thưởng-thức một bức tranh quê-hương dịu-dàng và linh-dộng.

4.— GÁNH NƯỚC ĐÊM

Đỉnh đầu, một bóng trăng
Trên vai, một gánh nước
Đường khuya xóm Bàn-Cờ
Một cô cao thấp bước

Một thùng nước có trăng
Cô gánh đi thung-thắng
Lầu cao trông ấp-ánh
Một gánh hai chị Hằng !!

Trăng lồng cây xóm vắng
Nước dơ... Chân người trắng
Nhẹ bước trên đường vắng.
Cô quên mình gánh nặng !

Cô bé con nhà ai ?
Nước gánh bao nhiêu rồi ?
Đêm sâu, người đã giấc
Thôi gánh trăng về ngơi !! ...

ĐÔNG-XUYỀN

ĐINH - HÙNG

Đinh-Hùng đã từng làm tuyên-ngôn cho khughn-hương tượng-trung thời tiền thế-chiến.

Từ tượng-trung trong « Mê-Hồn Ca » (1954), thi-sĩ đã trở về với lãng-mạn trong « Đường vào tình sử » (1961).

Tuy nhiên, trong tập thơ sau này, cũng có những bài thơ mang nhiều tính-chất siêu hình và trừu-tượng như bài « Hoài Niệm » sau đây.

Đọc « Hoài Niệm » tôi bỗng nhớ đến bài thơ « Tiếc than cho sự lãng quên những người đã mất » của Laforgue.

Bài thơ có những câu thơ hay vào bậc nhất trong thi-ca tượng-trung được thi-sĩ sáng-tác để tưởng-niệm « những người sẽ có mặt mãi mãi trong cuộc sống tinh-thần của dân-tộc. »

5.— HOÀI - NIỆM

Gửi Người Bạn ở bên kia trần lụy.

Chiều mùa đông
Đốt ngọn lửa hồng,
Ta đọc tập thơ sâu, cười với bóng
Khói thuốc xanh bay về hư không.
Trăng lên đầu phố vắng,
Ồ bóng ta say !
Bóng với ta cùng im lặng,
Cốc rượu ngọt uống cay nồng.

Bạn là người bạn chung-tình,
Gần nhau không hẹn,
Lòng giữ nguyên hương hoa bình-minh.
Bên đèn tâm-sự,

Bạn với tôi như đôi hồn viễn xứ,
Đôi bóng phù-du,
Không dừng mà thương nhớ,
Không đau mà ngẩn-ngơ.
Rủ bướm chim theo vào giấc ngủ,
Thả sầu trên con thuyền mây đưa.

Trời giăng sao tỏ,
Đêm mùa thu,
Cửa lòng tôi bỏ ngõ,
Giấc mộng tôi hững-hờ.
Ta biết giăng buồn ngày ta còn nhỏ,
Ai biết ta buồn vì lòng ngây-thơ ?
Nhìn cuộc đời,
Tin rằng hạnh-ngộ,
Bạn yêu trăng và tôi yêu gió,
Cười nụ cười đơn-sơ.

Bạn với tôi xưa
Đứng bên hồ,
Năm chung mộng,
Ân-ái cùng Thơ

Đêm hoa, cảnh nguyệt,
Gió trắng xao-động ngoài màn.
Bạn hát bài ca phóng dăng
Cười lên trắng xanh, tôi dạo đàn.
Xuân đến giấc mơ đầy thiếu-nữ,
Ta nằm ta ngủ,
Lệ đa tình chứa-chan.
Ôi thời-gian ! thời-gian tình-tự !
Mặc nổi lòng người bi-hoan.

Mộng cung tần
Xoay nghiêng mặt gối.
Ai cười ? ai nói ? ai xênh ca ?
Lênh-đênh nước biển trắng nhòa,
Những vì sao lạ đã sa xuống gần.
Trời buồn dáng-diệu giai-nhân,
Trái đất xoay vần — đứng lặng mà nghe :
Rạt-rào sóng nhạc pha-lê,
Đêm tàn, núi đổ . . . Ra đi một mình !
Ra đi ! Ra đi ! Đòi ngủ cả,
Vào cuộc luân-chuyển ân-cần của các hành-
tinh.
Ôi những trời sao mùa hạ !

Về đâu ? Về đâu ? Những mảnh sao sa ?
Về đâu nữa cả bóng hai ta
Lạc vào tục phở
Nhịp bước giang-hồ ca ?
Ánh hoa đêm hay tàn đèn rụng
Trong những ca-lâu đầy huyền ảnh với
đàn bà ?

Lòng đã đi qua
Biết bao quán trọ là nhà,
Ta tiếc thương gì quê-hương đã mất ?
Giang-sơn đây
Trong buổi chiều tà
Gọi hồn ta về cười ngây-ngất,
Rung sắc hồng pha,
Xây Đô-Kỳ Nghệ-thuật
Ôi những phố trường sầu đi mất về đâu ?

Ngày tàn, gió thổi,
Tôi mất tình yêu,
Tôi mất người yêu.

Bên sông hoa rụng từng chiều

Lòng tôi không nói,

Thương vì trái đất cô liêu.

Tôi nói làm chi ?

Anh nói làm chi ?

Lòng tôi đây và lòng anh đó

Nghe câu chuyện sầu dài sao chẳng diên mê ?

Một buổi anh về

Trúc gầy liễu rũ.

Ôi câu chuyện huyền-vi

Trong lòng nắm mộ

Tôi muốn nghe,

Và anh muốn nghe !

Ôi những bước u hồn về ảo phố !

Anh đã đi,

Anh và tôi sẽ đi !

ĐÌNH-HÙNG

(Đường vào tình-sử)

MẶC - THU

Bài « Vườn nhà ai » có thể xem là một tác-phẩm có giá-trị của khuynh-hướng tượng-trưng thời hậu thế-chiến. Bài thơ vừa là nhạc, vừa là tranh.

Tôi yêu các vần thơ sau đây vì nó làm cho sự vật hiện lên từ từ với màu sắc nhạt-nhạt, gợi trong hồn tôi những cảm-giác mập-mờ, êm-dịu . . .

6. — VƯỜN NHÀ AI

vườn nhà ai nhỏ nhỏ

hoa trắng ngát hương trinh

bờ xanh ôm dậu cỏ

lá mát đượm ân tình



phơ-phất lá rung-rung

đôi thân cau lả-lả

mây vài đám lằng-lằng

bóng chiều bay ngả-ngả

vườn ai tường ngõ đổ
hoa yếu rụng đầy thềm
xanh um bờ rậm cỏ
mái rạ lạnh hương nguyên



mưa nhẹ gió hiu-hiu
lá vàng rơi lả-tả
thênh-thênh qua dập-dìu
nắng nhạt chiều nghiêng ngả

MẶC-THU

NGUYỄN-HUYỀN-KHÔNG

Mối tình cậu học trò xứ Quảng và cô gái Huế qua câu ca-dao :

Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không dành

được Nguyễn-huyền-Không gọi lại với những vần thơ rất êm đẹp.

Với lối thơ tám tiếng vần tréo, với những hình-ảnh mơ màng, bài « Thuận-Thành » đưa ta đến những nơi đẹp nhất của đê-dô cũ từ núi Ngự, sông Hương đến bến đá bạc « xuống tầng-tầng xuống mũi tình thuyền. . » Tất cả các cảnh ấy được lồng trong một mối tình thư-sinh thơ-mộng.

7. — THUẬN-THÀNH

Ôi Thuận-Thành ! tự ngàn xưa ắp mộng
Giữa núi cây trùng điệp nhịp-nhàng xanh
Sông riu-riú xe buồn ra phá rộng
Giòng lung-linh ủ bóng cố-đô thành

*

Thuyền chở ngập một khuya hò bát-ngát
Thả lững-lờ giữa trời nước tương-tư
Tàu đôi hương đưa tình về dào-dạt
Tìm Kim-lăng hái mộng gái lệ-kiều !

*

Chiều ngả nón chào nhau trên đỉnh Ngự
Đem Hương-giang hò-hẹn khúc huyền-trân
Khách hồ-hải bỗng gặp hồn thương-nữ
Điện đàn xưa rung-động ánh trăng ngân.

*

Bến đá bạc long-lanh viền nước bích
Xuống tầng-tầng mở đón mũi tình thuyền
Lan-can trắng dịu tay người thanh-lịch
Buổi chiều xuân tha-thướt dạo hoa-viên

*

Vườn mượt quá chỉ thoáng tà xiêm trắng
Lòng cung-tần trướng rủ gió mơn xao
Là lá ngọc trên ngành xưa e-thẹn
Chỉ môi trắng được ướp má đào

*

Trời tình thế nên xưa kia tôi đến
Quen đơn-sơ đâu muốn chuyện ly-kỳ
Nhưng, phượng đỏ và lầu cao em hiện
Ôi sao vàng, ôi đôi mắt lưu-ly !

*

Mùa phượng thắm và lòng tôi cũng thắm
Thơ ra đời thuở ấy ngợi-ca em
Em là mộng mà tình tôi quá đắm
Nên ảo-huyền, em lẫn biển sau rèm.

NGUYỄN-HUYỀN-KHÔNG

QUÁCH - THOẠI

Bài «Tĩnh Mộng» của Quách-Thoại là sự áp-dụng quan-niệm thi-ca tượng-trưng của thi-sĩ vào thơ. Bài thơ có cái không-khí dài-các, trang-nhã : người ta như đang đứng trước một người đẹp có cái vẻ đẹp đông-phương, huyền-bí.

Về hình-thức, đây là bài thơ độc vận, vần tiếp và trong 11 tiếng, vần tiếp không hề có một tiếng nào lặp lại.

8.— TĨNH MỘNG

Mắt lệ sầu thu xanh tóc mây
 Dáng đi liễu yếu đông-phương gầy
 Kinh-thành xiêm áo phấn hương bay
 Mắt ngọc mơ-màng mộng ảo xây
 Dung-nhan màu đượm bóng âu-tây
 Quý-phái tình dang sắc hây-hây
 Ngắt ngáy lòng gặp mến yêu ngay
 Thơ viết đầy trắng sau buổi say
 Thà sao lệ nhỏ giữa đêm nay
 Cô-độc đời thêm vương đắng cay
 Tĩnh mộng sầu riêng nghiêng gối tay.

QUÁCH-THOẠI

(Thế - kỷ 20)

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Có nhiều nhà thơ tiền và hậu thế-chiến rất dễ-dàng bị cạn nguồn cảm hứng vì không theo kịp những cảm hứng mới của thời đại. Vũ-hoàng-Chương thuộc các nhà thơ này trong khi viết kịch thơ, bởi vì kịch thơ của Vũ « lạc tâm-lý và lằm địa-dư » nên thất bại, bị sa vào quên lãng. Trước Vũ rất lâu, một thi-sĩ Anh là T. S. Eliot đã sáng-tác những vở kịch thơ đưa lên sân khấu những nhân-vật của thời-đại chúng ta một cách thành công, dù rằng những nhà thơ này mặc áo-phục mà ngâm thơ, và dĩ-nhiên là thơ Anh.

Với tập thơ « Trời Một Phương » (1962), Vũ-hoàng-Chương đang cố-gắng để giữ vững vai trò tiền-phong giữa lớp người mới. Sự cố-gắng đó hiện ra trong hình-thức của bài « Tiếng gọi Mẹ », một bài thơ phá thể có những hình ảnh vĩ-đại, tượng-trưng trừu-tượng, như trong thơ của Saint-John-Perse.

9.— TIẾNG GỌI MẸ

Kính dâng linh-hồn Mẹ bài thơ này viết từ buổi Nguyên-Đán, và lên khuôn chữ hôm nay, một ngày trước ngày Tiều tường 22-4-62.

V. H. C.

Ngôn-Ngữ trần-gian, túi rách

Đựng sao đầy hai tiếng Mẹ ơi !

Văn Tự, chiếc xe mồn xọc-xạch

Đường sang cõi Mẹ ngàn trùng xa khơi !

Gọi lên bằng máu,

Tìm ră-rơi,

Chép ra bằng nước mắt
Lửa thiêu hố trứng lệ tan thành hơi.
Nơi đâu sâu thăm gặp cao vời?
Mẹ còn hay đã mất?
Cao sâu đâu là nơi?
Tin hoa một sớm thơm đầy đất
Lòng cỏ ba xuân nát tới trời. . .
Nước có nguồn nên sâu chẳng tắt
Mây không bến gió mưa càng dẫn vật
Con còn nhớ Mẹ, có bao giờ bao giờ người!
Chuyến tàu chở Mẹ, làm sao, làm sao không
phản hồi?

Nhưng bánh xe quay, đường chỉ một chiều
thời
Mẹ đang đi cũng là đang trở về
Ngàn năm ức triệu năm sau nữa
Thời-gian tròn một chu-kỳ. . .
Con nguyện nằm đây làm khối Vô-Vi
Giữa sáu mặt giá băng, hàng vạn độ dưới độ
hàn chết chóc!

Liều thí-nghiệm giắc trường miên khoa-học
Chút hơi tàn may sẽ kéo dài tơ
Đề mạch sống luồn qua sợi tóc

Con chờ...

Son sắt con chờ !

Bước Mẹ về như đũa thần chạm tới
Luồng điện ngủ phá tung dây quặt khỏi

Mẹ sẽ cùng con

Tay sắt lòng son

Bẻ ngược máy huyền-vi, cái Mất đổi ra Còn.

Òi Cỏ Vong Ưu, hãy kết Khải-Hoàn Môn !

Và Chữ Viết, ta phong ngươi Xe Bắc Đẩu !

Và Tiếng Nói, ta phong ngươi Túi Càn Khôn !

Chở hết về đây cả ngàn phương Mẫu tự,

Chứa hết về đây cả ngàn phương Sinh-ngữ

Đề ta đủ chữ

Viết giòng vui mừng,

Đề ta đủ tiếng

Nói lời rung-rung.

Giòng này dài hơn độ dài nối liền trong thân
người muôn mạch máu.

Lời này vang như âm vang hòa điệu trong
một người hai trái tim.

Trở vòng hoa tang, chợt Mẹ bảo :

« Kia xuân lượn bướm ca chim

Hoa đã nở thành vòng Quỹ-đạo

Ngát mùi hương cổ kim ! »

Trông ra vũ-trụ im-lìm,

Con ngoảnh lại : khói bàn thờ rã cánh

Choãi dần vòng hương nhòa dần nụ cười

Bóng Mẹ chìm sâu bức ảnh

Không-gian mờ loãng chơi-vơi. . .

Con thét lên, không còn phải giọng người !

Con khóc lên, không còn phải lệ rơi !

Hôm nay mừng một Tết

Con đập vỡ Đất Trời

Hồn lạnh xương khô hai đáy huyết

Mẹ có nghe tròn tiếng gọi của con không ?

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

(Trời một Phương)

XUÂN - PHỤNG

Trong «Đà-Giang Hoa dạ nguyệt», ta thấy «tơ xanh êm rơi», ta ngửi «mùi hoa dại» và ta nghe «mơ hồ tiếng ca xang » Phật-giáo phải đi đến chỗ sâu sắc nhất trong tâm-hồn mới có thể giúp nhà thơ sáng-lúc được những vần thơ hợp-lưu nhịp-nhàng và hàm-xúc như thế.

Ta cảm thương nhà thơ đứng một mình dưới trăng trên bến sông Đà, một đêm khuya mờ ảo, mơ giấc mơ luân-hồi của Phật-giáo.

10.— ĐÀ-GIANG HOA DẠ NGUYỆT

Sông trôi bao la mười phương trời
Tơ xanh êm rơi ngoài xa khơi
Đêm ôi ! thơm phức mùi hoa dại
Không-gian dường có nhạc lên lời

Ta chở hồn qua giòng Đà-Giang,
Tâm-dương mơ hồ tiếng ca xang
Thời-gian trắng muốt màu sương đục
Một tiếng chuông khua nước rợn vàng.

Ai chất khổ đau đầy định mệnh,
Đến đây mà ngắm nước sông tuôn.
Chín kiếp luân-hồi vùi đáy cát
Riêng mình ta đứng giữa trăng suông

XUÂN-PHỤNG

KHUYNH - HƯỚNG TẢ - THỰC

CHƯƠNG I

KHUYNH - HƯỚNG TẢ - THỰC THỜI TIỀN THẾ-CHIẾN

Tập thơ «Ngày Xưa» (1935) của Nguyễn-nhược-Pháp có thể xem như là khởi điểm của khuynh-hướng tả-thực trong thơ mới Việt-Nam.

Trong «Ngày Xưa», bên cạnh những người câu thơ tình-tứ và lãng-mạn đáng yêu như :

Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ

hoặc những câu thơ diễn - tả đáng-điệu và lời nói mơ-màng của My-Nương trước khi theo chồng :

Nhìn quanh khói tỏa buồn man-mác

Nàng kêu : «Phụ-Vương ôi ! Phong-Châu ! »

NGUYỄN-NHƯỢC-PHÁP

ta có thể tìm thấy vô số những câu thơ tả-thực, chịu ảnh-hưởng của khuynh-hướng tả-thực thi - sơn (réalisme parnassien) trong thi-ca Pháp. Nhà thơ nổi tiếng nhất của khuynh-hướng này là Leconte de

Lisle chuyên tả voi, chim, beo và được mệnh danh là «nhà thơ chuyên tả thú vật» (grand animalier de la poésie).

Đây là cảnh chàng rề Thủy-Tinh mang lễ vật đến đề xin cưới My-Nương trong thơ Nguyễn-nhưc-Pháp :

*Theo sau cua đỏ và tôm cá
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai
Kháp-khiêng bò lê trên đất lạ
Trước thành tập-tễnh đi hàng hai.*

NGUYỄN-NHƯC-PHÁP

Nhưng Sơn-Tinh đã đến trước, chàng rề hựt Thủy-Tinh ra lệnh cho môn đệ thị oai :

*Cá voi quác mồm to muốn đớp
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng
Càng cua lồm chồm giờ như mác
Tôm kènh chạy quắp đuổi xôn-xao*

NGUYỄN-NHƯC-PHÁP

Ở đây, chúng ta cũng có thể ghi nhận ảnh-hưởng của thân-phụ Nguyễn-nhưc-Pháp, nhà văn Nguyễn-văn-Vĩnh, người đã từng dịch thơ ngụ-ngôn La Fontaine, những bài thơ ngụ-ngôn mà trong đó vai chủ-động phần nhiều là thú vật.

Xuyên qua các cảnh linh-dộng trên, ta còn có thể thấy nụ cười hóm-hỉnh của nhà thơ chế giễu « cua đỏ » và « tôm cá tập-tễnh đi hàng hai ».

Đặc-biệt hơn hết là trong « Chùa Hương » mà Nguyễn-nhược-Pháp gọi là « Thiên ký sự của cô bé ngày xưa », chúng ta có thể gặp vô số những câu thơ tả-thực rất hay; những câu thơ tả-thực đó vụ cái đẹp chứ không vụ cái lợi, bởi vì nhà thơ quan-niệm khi một sự vật trở thành lợi ích, nó không còn đẹp nữa mà nó đi vào đời sống thực-tiễn; nghệ-thuật thi-ca chính là ở chỗ giúp cho tâm-hồn chúng ta nẩy-nở tự nhiên trong những khi nhàn-hạ, giúp tâm-hồn chúng ta thanh-thú mà thưởng-thức cái đẹp, cái tinh hoa của nghệ-thuật văn-học.

« Chùa Hương », một trong những bài thơ hay nhất của thi-ca Việt-Nam, một bài thơ vừa diễn-tả vừa kể-lễ, đã khéo dung-hòa được hai tính-chất đẹp và thực. (1) Cái đẹp trong Chùa Hương đi song-song với cái thực, nó không hề rời khỏi cái thực. Mà ngộ thay ! Nhà thơ không hề dùng những lời văn sáo, những mỹ từ pháp khác thường. Lời thơ trong « Chùa Hương » cứ tự nhiên mà nhẹ-nhàng. Ý thơ cứ trôi theo cái nhịp điệu thích ứng. Bài thơ tuy có dài, so với các bài thơ khác, nhưng không hề mất cái tính-chất cô đọng của thơ và người đọc thơ cảm thấy như với 34 thi đoạn mỗi thi đoạn bốn câu thơ, thi sĩ vẫn dành cho người đọc rất nhiều nơi để mơ-mộng thêm ra.

(1) Bài thơ này đã được nhạc-sĩ Trần-văn-Khê phổ nhạc.

Đây là hình-ảnh cô bé mới lớn lên trong không-khí Khổng-Mạnh ngày xưa :

Khăn nhỏ, đuôi gà cao

Em đeo dải yếm đào

Quần lĩnh áo the mới

Tay cầm nón quai thao

NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP

Một hôm, đi lễ chùa Hương cùng với thầy me, cô bé tả :

Em đi cùng với me

Me em ngồi cáng tre

Thầy theo sau cưỡi ngựa

Thắt lưng dài đỏ hoe

NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP

Dọc đường, cô bé gặp một văn-nhân thanh-nhã. Họ cùng đi thuyền qua bến Đục và cô bé đã tả cảnh-vật thơ-mộng chung quanh một cách thật là linh-động :

Réo rất suối đưa quanh

Ven bờ ngọn núi xanh

Dịp cầu xa nhỏ nhỏ

Cảnh đẹp gần như tranh

NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP

Đến đây, khuynh-hướng tả-thực của Nguyễn-nhược-Pháp đã hiển hiện : cảnh-vật là tranh. Nhà thơ phải ghi lại những cảnh-vật đó với những nhận xét tinh-tế. Thẩm-mỹ-quan của nhà thơ sẽ giúp cho người đọc; ngoài việc tưởng-tượng lại được phong-cảnh, còn có thể sống cái vui buồn của nhà thơ. Nói cách khác, thẩm-mỹ-quan đó sẽ biểu-thị cái nhân-sinh-quan của nhà thơ.

Ở Nguyễn-nhược-Pháp, cái nhân-sinh-quan đó là của một kẻ yêu đời tha-thiết, yêu đời và ham sống, cố tìm trong mọi cảnh-vật một nụ cười, hay đúng hơn một cái mỉm cười tinh nghịch rất hay lây. Yêu đời, nên kết cuộc nhà thơ đã cho cô bé được lấy chàng văn-nhân « lưng dài trán rộng », « hỏi ai nhìn không thương? » Vừa là tranh và vừa là nhạc nên thơ tả-thực của Nguyễn-nhược-Pháp vừa làm êm mắt vừa làm vui tai.

Ngoài Nguyễn-nhược-Pháp, khuynh-hướng tả-thực thiên-nhiên trong thời tiền thế-chiến còn tìm thấy ở các nhà thơ sau : Bàng-bá-Lân, Đoàn-văn-Cừ và nữ thi-sĩ Anh-Thơ.



Năm 1934, Bàng-bá-Lân cho xuất-bản « Tiếng Thông Reo » mà Nguyễn - nhược - Pháp viết trong báo An - nam Nouveau số ra ngày 11 - 4 - 1935 đã phê-bình như sau « *Bàng-bá-Lân có thể tự hào là nhà thơ Việt-Nam thứ nhất biết hưởng những vẻ đẹp của đồng quê Bắc-Việt* » ... câu này nguyên văn bằng tiếng Pháp có trích đăng lại trong tập « Thơ Bàng-bá-Lân » (1957).

Thật vậy, chỉ có Bàng-bá-Lân mới biết hưởng những vẻ đẹp của « Trăng quê », nhờ ở một tâm-hồn yêu quê-hương tha-thiết :

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi ?

BÀNG-BÁ-LÂN

Ta thấy, như Nguyễn-nhược-Pháp đã nhận xét, trong giai đoạn này Bàng-bá-Lân đã tìm hưởng những vẻ đẹp của đồng quê Bắc-Việt chứ chưa ghi lại, chưa diễn-tả những « vẻ đẹp » đó.

Tuy nhiên, đây đó ta cũng gặp những câu thơ tả cảnh và tả tình khá hay :

Trời cao, mây bạc, trăng tròn

Đề than hieu quạnh, tre buồn nỉ-non

BÀNG-BÁ-LÂN

(Trăng Quê)

chịu ảnh-hưởng của phong-dao làm theo thể phú và hứng :

Trên trời có đám mây xanh

Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng

Ước gì anh lấy được nàng

Thì anh mua gạch bát tràng về xây

(Phong-dao)

Qua thời kỳ thụ-hưởng và quan-sát phong-cảnh đồng quê, trong vòng 6 năm, từ năm 1939 đến năm 1945, Bàng-bá-Lân sáng-tác « Tiếng Sáo Diều » có nhiều bài thơ tả-thực đúng với nghĩa của danh-từ này. Tập « Tiếng Sáo Diều », mãi đến năm 1957, thi-sĩ mới cho ấn-hành trong « Thơ Bàng-bá-Lân » cũng một lần với tập thơ « Tiếng Vỗng Đưa » là tập thơ gồm có nhiều bài thơ tả-thực rất thành công như những bài « Xóm chợ chiều Đông », « Mưa Sông ». Bài sau này, chúng tôi có trích trong chương « những bài thơ hay có khuynh-hướng tả-thực ».

Vào năm 1939, Nam-Trân cho xuất-bản « Huế Đẹp và Thơ », một tập thơ có khuynh-hướng tả-thực với nhiều vần thơ sống động, nhiều màu sắc như cảnh « nắng thu » sau đây :

Hát bài hát ngô-nghe và êm-ái

Bên sườn non mục tử cỡi trâu về

Nắng chiều rây vàng bột xuống dân quê

Lúa chín đổ theo gió nồm sắp mái.

Trên suối nhỏ, chiếc cầu tre hẻo lánh

Tổp người qua lầy bầy vịn thanh ngang

Lũ trẻ con sùng-sướng nở cười vang

Đùa với bóng chảy theo giòng nước lạnh

*Dãy núi tím bỗng thay màu xanh ngắt
 Rồi ố dần trong giấy khắc nhá nhem
 Âm-thầm cảnh vật vào Đêm :
 Vết rắng đỏ tiếng còi xa cùng tắt*

NAM-TRÂN

(Huế, Đẹp và Thơ)

Trong bài thơ «Mùa Đông», Nam-Trân so-sánh :

*Thần tượng tượng
 Như đàn cò đôi lượn
 Đồng không*

Vì nghèo tưởng-tượng cho nên Nam-Trân chỉ diễn-tả những cái gì có giới-hạn, có thời-gian và không-gian và cũng vì nghèo tưởng-tượng, cho nên trong «Huế, Đẹp và Thơ», nhà thơ đôi lúc đã xuống đến mức thấp của khuynh-hướng tả-thực (réalisme trivial) :

*Hai tay xách hai vệm
 Một vại mụ le te
 Tiếng non rao lãnh lối :
 Chốc chốc : « ai ăn chè ! »*

NAM-TRÂN

(Huế, ngày hè)

Chúng ta làm sao có thể hình-dung được cảnh Huế đẹp và thơ-mộng với những cụ già xách «vị» chè, rao lạnh lỏi với «tiếng non» giả tạo được? Ở đây, thơ Nam-Trân không còn là tinh-túy nữa, nó như vẩn xuôi chú trọng đến việc nói hết. Thơ dù là thơ tả-thực cũng phải như giọt nước hoa nguyên chất. «Đừng nên đem giọt nguyên chất tinh-túy ấy mà pha vào một vũng nước. Thơ không chủ-trương nói hết tất cả mọi điều. Nó chủ-trương làm cho người ta mơ-mộng đến tất cả. . . »

Khuyết-diểm của khuynh-hướng tả-thực của Nam-Trân cũng là khuyết-diểm của một số nhà thơ tả-thực thời bấy giờ như Anh-Thơ đôi khi đã từng lầm-lẫn cái thực và cái đẹp trong thơ.

Khuynh-hướng tả-thực ngoại cảnh đến Đoàn-văn-Cừ thì tìm thấy một hướng đi lên thật huyhoàng và rộng-rãi. Đoàn-văn-Cừ đã khéo gọi lại những hình-ảnh sống động, vui tươi của đồng quê một cách rất bình-tĩnh mà lại làm cho người đọc phải lây cái sống động và vui tươi đó. Đó là bí-quyết thành công của những bài thơ tả-thực của Đoàn-văn-Cừ (những bài thơ này được đăng trên «Ngày Nay» rải-rác từ năm 1940 đến năm 1941).

Đây là cảnh «Chợ Tết» vui tươi với đầy đủ màu sắc: *mây trắng, sương hồng lam, mép đồi xanh, cỏ biếc, áo đỏ.v.v...* với đầy đủ người và vật «lẫn lộn: *thằng cu, cụ già, cô yếm thắm, người gánh lợn, con bò vàng.v.v... và v.v...*

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh
Người các ấp tung-bưng ra chợ Tết
Họ vui-vẻ kéo hàng trên cỏ biếc
Những thằng cu áo đỏ chạy lon-xon
Vài cụ già chống gậy bước lom-khom
Cô yếm thắm che môi cười lặng-lẽ
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu
Con bò vàng ngộ-nghĩnh đuổi theo sau
Sương trắng đỏ đầu cành như giọt sữa
Tia nắng tia nháy hoài trên ruộng lúa
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.

Người mua bán ra vào đầy cổng chợ
Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ
Đề lắng nghe người khách nói bỏ bỏ
Anh hàng tranh kiu kịt quẩy đôi bò

*Tìm đến chỗ đông người ngồi dờ bán
Một thầy khóa gò lưng trên cánh phản
Tay mài nghiền hi hoái viết thơ xuân
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm
Miệng nhăm đọc vài hàng câu đối đỏ
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau . . .*

ĐOÀN-VĂN-CỪ

(Chợ Tết)

Tôi chỉ có ý định trích 5 hoặc nhiều nhất là 10 câu thơ trong bài thơ trên, nhưng khi chép thì tay cứ theo đà của thơ mà đi. Lẽ ra phải chép thêm nhiều câu nữa ! Bởi vì thơ Đoàn-văn-Cừ đã đọc câu đầu thì phải đọc câu tiếp theo. Đã đọc một bài thì phải đọc thêm bài nữa cho đến hết. Thật chưa bao giờ thơ tả-thực hấp-dẫn và lôi cuốn người đọc đến như thế. Sở dĩ thơ Đoàn-văn-Cừ hấp-dẫn vì nó làm chúng ta khoan-khoái khi đọc; nó là màu sắc, là âm-thanh rộn-ràng. Nó biểu-thị được những chuyển-biến bên ngoài và làm cho những chuyển-biến đó hòa-hợp với nhịp chuyển-biến trong lòng người đọc.

Chúng ta cũng hiểu là Đoàn-văn-Cừ đã phải chứng-kiến các cảnh đó nên mới diễn-tả được hay ho và hấp-dẫn như thế. Ngày nay, người ta thường trách các nhà thơ thuộc phái thi-sơn Pháp là có

khi đã diễn-tả người xưa theo các tượng điêu-khắc cổ («Niobé» của Leconte de Lisle) và có lần đã diễn-tả các trận thủy-chiến xưa theo một huy-chương có ghi cảnh chiến thuyền (J.M. de Hérédia). Đoàn-văn-Cừ đã hơn phái thi-sơn ở điểm này. Thơ Đoàn-văn-Cừ « nóng hổi », chứng tỏ một bản năng ham động, không lạnh-lùng ; nó biểu-thị rộn-ràng, nó chính là cuộc sống xô bồ. Nhưng trong cái xô bồ và rộn-ràng đó, nó vẫn sáng-sủa, không mang dấu vết của sự gò bó, mài giũa, chấp tiếng và chấp vần.



Năm 1941, Anh-Thơ cho xuất-bản « Bức tranh quê ». Anh-Thơ tùy hợp-tác với Bằng-bá-Lân trong tập thơ « Xưa » (Nhóm Sông Thương 1941) nhưng hai nhà thơ là hai sự « mâu-thuẫn » rõ-rệt. Anh-Thơ chỉ học đến lớp ba trường làng mà thơ thì lại mang dấu vết của thơ 8 âm vần chéo (octosyllabiques à rimes croisées) của thi-ca Pháp, trong khi đó thì Bằng-bá-Lân, một nhà thơ có tây học, lại tìm về với phong-dao, với Nguyễn-Du qua các lối thơ lục bát, song thất lục bát.

Với một lối hành-văn giản-dị và sáng-sủa, Anh-Thơ thành công rất nhiều trong những bài thơ tả-thực như « Chiều Xuân », « Bến đò ngày xưa ».

*Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi
Quán tranh đứng im-lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời. . .*

ANH-THƠ

(Bức tranh quê : Chiều xuân)

*Tre rũ-rượi ven bờ chen ướt-át
Chuối bơ-phờ đầu bến đứng dầm mưa
Và dầm mưa dòng sông trôi rào-rạt
Mặc con thuyền cắm lái đậu trơ-vơ*

ANH-THƠ

(Bức tranh quê : Bến đò ngày xưa)

Nếu Đoàn-văn-Cừ thành công trong những cảnh linh-hoạt thì Anh-Thơ thành công trong những cảnh êm-đềm buồn-bã của đồng quê.

Chính lúc tác-giả « Bức tranh quê » cổ tả những cảnh linh-động là lúc nhà thơ rơi vào chỗ tầm thường của tả-thực.

Đây là cảnh chợ đông-đúc:

*Trời lóa nắng chợ vào đầy những nắng
Đầy những người chen-chúc hợp... mờ-hối.
Các mẹt bún bày ruồi không hờ trắng
Các sàng dừa bám nhặng kín xanh tươi.*



*Đây, góc quán bà già ngồi rũ nóng
Kìa, cửa lều ông lão quạt khăn tay,
Chó lè lười ngồi thờ nhìn cũi đóng
Lợn trói nằm hồng-học thở căng dây...*

ANH-THƠ

(Bức tranh quê)

Ở đây, ta thấy nhà thơ cố tận dụng ngòi bút để diễn-tả cảnh linh-hoạt của người và vật, nhưng vì lời thơ không ăn với hình ảnh, hình ảnh không ăn với thể thơ khiến cho người đọc cảm thấy như « lộn giọng ».

Thơ tả-thực của Anh-Thơ không khóc, không than, nó diễn-tả ngoại cảnh thiên-nhiên một cảnh bình-tĩnh đôi khi đến lạnh-lùng.

CHƯƠNG II

KHUYNH-HƯỚNG TẢ-THỰC THỜI HẬU THẾ-CHIẾN

Sau biến-cổ 1945, trong vòng mấy năm liên tiếp khuynh-hướng tả-thực thiên-nhiên không sản-xuất được gì. Khuynh-hướng này và khuynh-hướng tượng-trưng đều nhường chỗ hoạt-động cho khuynh-hướng lãng-mạn có ý hướng đấu-tranh với những bài thơ có luận-đề chính-trị hay chiến-tranh.

Năm 1950, Hồ-văn-Hảo cho xuất-bản « Thơ ý » gồm có nhiều bài thơ làm từ năm 1943 vừa tả-thực vừa lãng-mạn. Nhưng ở Hồ-văn-Hảo, khuynh-hướng tả-thực rõ-rệt hơn khuynh-hướng lãng-mạn.

Đây là nhà thơ đầu tiên của miền Nam gia-nhập khuynh-hướng tả-thực.

Phong-cảnh miền Nam đã được Hồ-văn-Hảo tả phớt qua bằng những nét êm-địu, đáng yêu.

Đây là cảnh tạnh mưa chiều ở một miền Hậu-giang phì-nhiều, tươi tốt :

*Đàn vịt ra sân rửa nắng chiều
 Lũ gà e ngại bước chân theo
 Hạt mưa đơm nắng nghiêng tàu chuối
 Người đẹp bên ao vuốt áo điều. . .*

HỒ-VĂN-HẢO

(Tạnh mưa chiều)

và đây cảnh chiều buồn trên một khúc Cửu-Long giang bao-la và có những hình ảnh đặc-biệt miền Nam :

*Mặt trời đã khuất ven sông
 Con thuyền gác mái xuôi dòng lững-lờ
 Cánh bướm bạt gió bơ-phờ
 Hàng bần ủ-rũ đứng chờ nước dâng
 Bãi vàng nhớ nắng bâng-khuâng
 Máy cò cò trắng thả chân ngại-ngùng.*

HỒ-VĂN-HẢO

(Điêu hiu)

*

Năm 1952, «Tiếng Thầm» ra đời (gồm có những bài thơ được làm từ 10 năm trước) nói lên những «*tiếng u trầm của người và vật mà tác-giả, trong yên lặng, đã ghi được bằng ngòi bút chưa quen trên*

hai mươi năm nay. Đây là những bông hoa đầu mùa của một đời văn tự» (Phạm-đình-Tân, Hà-Nội 11-1952).

«Những bông hoa đầu mùa của một đời văn-tự» đó đã được đón tiếp với khá nhiều nồng hậu.

«Tiếng Thầm» là sự lẫn-lộn của hai khuynh-hướng lãng-mạn và tả-thực. Nhưng lãng-mạn có phần trội hơn. Sau «Tiếng Thầm» là tập thơ «Lời Thiêng» cũng mang dấu vết của khuynh-hướng lãng-mạn với tinh-thần Thiên-Chúa giáo. Hai tập trên này cùng in trong «Thơ Phạm-đình-Tân» (1960).

Hãy nghe Phạm-đình-Tân tả cảnh yên lặng trong một hoàng hôn mà bóng đêm lan tràn, thay cho nắng yếu, bao phủ lên vạn-vật :

Nắng yếu nằm dài giữa lối đi

Bóng cây mỗi-một ngả sườn đê

Cánh cò loáng soáng, trời u-ám

Trâu thả không ăn lững-thững về

Giòng nước uốn mình chân khóm lau

Buồm căng theo gió biết trôi đâu ?

Mênh-mông sương dặt vào nơi lạ :

Chim chữu cánh tre mấy nhịp cầu

Nhưng trong cảnh yên lặng của đồng quê đó, sương mênh-mông đã dắt nhà thơ vào một giấc mơ thần tiên yên lặng :

Lòng đắm say chìm trong mắt em

Bâng-khuâng gối tựa phút êm-đềm

Này nghe yên lặng đi trong gió

Đừng nói, em ơi, động bóng đêm !

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

(Tiếng Thăm : Yên Lặng)

Nghệ-thuật tả-thực ở Phạm-đình-Tân là một nghệ-thuật tả-thực ngoại cảnh pha nhiều tính-chất lãng-mạn diễm tình. Chính cái tính-chất tả-cảnh và diễm-tình đó làm cho thơ Phạm-đình-Tân có được cái đẹp gợi cảm.



Năm 1957, như đã nói trong chương trước, Bàng-bá-Lân cho xuất-bản « Thơ Bàng-bá-Lân » gồm có những bài thơ chọn-lọc trong ba tác-phẩm « Tiếng Thông Reo » (1934), « Xưa » (1941) và « Tiếng Sáo Diều » (1939-1945). « Tiếng Sáo Diều », là tập thơ tả-thực trội nhất của Bàng-bá-Lân, gồm có nhiều bài thơ rất hay và rất được nhiều người ưa thích.

Tả cảnh « Cổng làng » một buổi chiều ở miền Bắc, Bàng-bá-Lân đã có những vần thơ đẹp man-mác cả tình lẫn cảnh :

*Chiều hôm đón mát cổng làng,
Gió hiu-hiu đầy mây vàng êm trời ;
Đồng quê vờn lượn chân trời,
Đường quê quanh-quất bao người về thôn.*

BÀNG-BÁ-LÂN

(Tiếng Sáo Diều : Cổng làng)

Và đây là cảnh «trưa hè», trong đó vật và người đều nghỉ-ngơi trong một không-khí thiu-thiu êm-dềm và lặng-lẽ :

*Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
Bà hàng thừa khách ngủ thiu-thiu ;
Nghe mờ-hôi chảy đầm như tắm. . .
Đứng lặng trong mây một cánh diều.*

BÀNG-BÁ-LÂN

(Tiếng Sáo diều : Trưa hè)

Ta thấy đến đây thơ tả-thực của Bàng-bá-Lân đã đi qua khỏi ảnh-hưởng của phong-dao mà chịu ảnh-hưởng của thơ tả cảnh súc-tích, cô đọng và hàm-xúc của Nguyễn-Du, khi thi-hào họ Nguyễn tả tình và cảnh biệt-ly :

*Người lên ngựa, kẻ chia bào
 Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan-san
 Dặm hồng bụi cuốn chinh an
 Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.*

NGUYỄN-DU

(Kiều)

và ảnh-hưởng của thơ Đường trong sáng của Nguyễn-Khuyên, khi nhà thơ Yên-Đỗ tả cảnh áo thu một mình ngồi câu cá :

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
 Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
 Từng máy lơ-lửng trời xanh ngắt
 Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

NGUYỄN-KHUYẾN

(Thu điếu)

« Cồng làng » và « Trưa hè » là hai bài thơ tả-thực hay nhất là của Bằng-bá-Lân. Ở hai bài đó, ta thấy như hồn thơ của thi-sĩ tự nhiên mà nhẹ-nhàng rung-cảm. Trong các bài thơ khác, ta thấy ở đôi nơi có sự gọt giũa ít nhiều.

Đáp lời phỏng-vấn văn-ngệ của báo « Bách-Khoa », nhà thơ có nói : « Thơ tôi làm xong, thường chỉ phải sửa đổi, gọt giũa rất ít. Có khi sửa xong ngay, nhưng thỉnh-thoảng cũng gặp phải những chữ chưa ưng ý mà nghĩ mãi không đổi được, nếu không có sự may-mắn tình-cờ . . . »

Là đại-biểu có nhiều uy-tín của khuynh-hương tả-thực từ thời tiền thế-chiến phải chăng Bằng-bá-Lân đang có ý định rời bỏ khuynh-hương tả-thực thiên-nhiên để làm những bài thơ có khuynh-hướng « lãng-mạn cách-mạng » ? Như bài « Đói » :

*Năm Ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi
Giống Lạc-Hồng cực trải lắm đau thương !
Những thấy ma thất-thiều đầy đường
Rồi ngã gục không đứng lên vì đói
Đói tự Bắc-Giang đói từ Hà-Nội
Đói ở Thái-Bình đói tới Gia-Lâm . . .*

BÀNG-BÁ-LÂN
(Tiếng võng đưa)

và như bài « Kiếp sau vì lại gặp mình » :

*Nhưng cái bệnh làm thơ đeo đẳng
Ngày càng thêm trầm-trọng. Ôi buồn !
Mãi mê vui thú ruộng vườn
Ngược xuôi chán ngắt con đường lợi danh*

BÀNG-BÁ-LÂN
(Tiếng võng đưa)

Gần đây, qua một bài thơ mới làm của Bàng-bá-Lân, bài thơ « Bao giờ được gặp tri-âm » chúng ta thấy nhà thơ đã đi quá xa khuynh-hướng tả-thực từng chủ-trương « dù cho phải đắm chìm trong sự vĩnh-viễn đen tối, trong năm mờ không vinh-quang, nhà thơ cũng không hề nói lên với công-chúng nỗi say-sưa và sự đau-khổ của riêng mình » ;

*Khó thay hạnh ngộ trong đời,
Ta Lưu-Huyền-Đức : ai người Quan Trương
Truyện đời trăm giận ngàn thương
Bất bình nhan-nhãn mà gương mắt buồn.
Nghĩen răng nén cái căm hờn
Sầu dằng ngùn-ngụt cho hồn thương đau
Trông về đâu ? Nhớ về đâu ?
Bốn trời u-uất, mây sầu dằng-dặng*

*Bốn phương đẹp hết bất bằng
Đạp Ngưu với Đầu ta hằng ước mơ
Tiếc thay tài-nghe có thừa
Đời không tri-kỷ lâu ngà bó chân
Bao giờ gặp được tri-âm ?
Di-Ngô không bạn đồng tâm cũng... rồi*

BÀNG-BÁ-LÂN (1961)

Mỗi ngày mỗi xa rời khuynh-hướng tả-thực, không biết Bàng-bá-Lân sẽ đi về đâu ? Điều chúng ta thiết-tha mong mỗi là một nhà thơ dù ở khuynh-hướng nào cũng đừng tự để cho «sa mù», nói cách khác, nhà thơ cần thường xuyên lý-luận đề dùng những lý-luận đó hướng-dẫn cho các bước tiến của thơ mình mỗi ngày mỗi tiến đến « cái Đẹp cao hơn » như Théophile Gautier đã nói.



Năm 1960, một nhà thơ trẻ là Anh-Tuyển gia-nhập vào khuynh-hướng tả-thực với tập «Tổ Ấm», tập thơ đánh dấu cho tấm lòng nhiệt thành của nhà thơ đó đối với khuynh-hướng tả-thực. Đây là nhà thơ thứ nhì của miền Nam gia-nhập vào tả-thực ngoại cảnh nhưng trội hơn nhà thơ thứ nhất là Hồ-văn-Hảo, vì phong-phú và điều-luyện hơn (1).

Có người sau khi đọc « Tổ Ấm » cho rằng đó là « một ít Nguyễn-nhược-Pháp và một ít Đoàn-văn-Cừ ». Câu nói ấy có thể ngụ nhiều ý-nghĩa chê-bai. Đánh rằng năng-khiếu tán thưởng, tài ba bắt chước chỉ có thiên-tài mới sáng-tạo (2). Nhưng thiên-tài là gì ? Nếu không phải khởi sự từ năng-khiếu qua tài-ba để trở thành sáng-tạo ?

(1) « Về thơ, tôi ít khi dàn bài sẵn. Ví-dụ, tôi nhớ đến một thằng bạn cũ. À, thằng ấy có đến thăm tôi một buổi chiều. Và các đoạn sau cũng tự nhiên mà đến » Anh-Tuyển trả lời Nguyễn-ngu-Í (Bách-khoa số 114).

(2) *Le goût apprécie, le talent imite, le génie crée.*

(Vincent d'Indy)

Chúng ta có thể nhận thấy ở Anh-Tuyển vài khía cạnh khác với Nguyễn-nhược-Pháp và Đoàn-văn-Cừ.

Nếu Nguyễn-nhược-Pháp tả-thực cái đẹp của « ngày xưa » thì Anh-Tuyển tả-thực cái đẹp của ngày nay, cái đẹp của cuộc sống muôn hình vạn trạng của hôm nay. Đây là hình ảnh « thằng cu » nhìn theo chiếc tắc-xi chở mẹ nó đến nhà bảo-sanh, ở một khu nào trong thành-phố Saigon náo-nhiệt :

Thế rồi ba mẹ đi

Bụi mờ sau tắc-xi

Em buồn quên cả đói

Bên hè khóc tỉ-tê. . .

ANH-TUYẾN

Một hôm thằng cu cùng với ba nó đến thăm mẹ nó vừa hạ sinh được em nó, nó tả mẹ nó :

Mẹ đắp chăn nằm dài

Trên bụng dằn cái chai

Mẹ chỉ sang bên cạnh

— Em kia xem giống ai ?

ANH-TUYẾN

Cũng ngộ-ngĩnh! Nhưng đây là cái ngộ-ngĩnh của ngày hôm nay.

Nếu Đoàn-văn-Cừ diễn-tả một cách tài-tình những nét sống ở thôn-quê thì Anh-Tuyển đã ghi lại được mấy nét sống của đô-thị nhộn-nhip một cách khá thành công trong « Xóm nghèo ». Đây là cảnh hoạt-động trong « xóm Vườn Chuối », một buổi mai của đủ các hạng người : buôn bán, làm thuê, công, tư chức v. v. . .

*Thăng Tỉng bánh bò cất tiếng rao
Thím Hai cháo đậu giọng mời chào
Chị Mười gánh nước khua thùng thiếc
Lau trán mồ-hôi bước thấp cao*

*Cô Ký nhà băng xách bóp đầm
Ông Thông giấy thếp tóc hoa râm
Anh Tư lục-lộ, Năm tài-xế
Đồng đón xe đi tới sở làm.*

ANH - TUYẾN

(Tò Ấm : Xóm nghèo)

Ta thấy, qua các câu thơ trên, cái nhân-sinh-quan yêu đời của một nhà thơ lạc-quan yêu người, yêu cảnh. Trong « Tò-Ấm », hầu hết các bài thơ đều nói lên cái nhân-sinh-quan đó, từ bài thơ đầu tiên là « Tò-Ấm » đến bài cuối cùng là « Đường làng » đều biểu-lộ một bản năng ham vui, bản năng này bị đè nén đã tìm cách bộc-lộ được trong thơ.

Đến Anh-Tuyển thì khuynh-hướng tả-thực hậu thế-chiến có được cái tính-chất rất thời-đại, khá truyền cảm. Do tính-chất thời-đại và truyền cảm được cái vui, cái đẹp có khi rất đơn-sơ, «Tổ Ấm» mặc dù một vài khuyết-điểm về hình-thức vẫn là một điểm son nhỏ cho khuynh-hướng tả-thực thời hậu thế-chiến có thể hứa hẹn nhiều sáng-lạn hơn nữa.



Với «Bức tranh quê» (1941), đã khép lại một cánh cửa của khuynh-hướng tả-thực nhìn ra đồng quê, với «Xóm nghèo» trong «Tổ-Ấm» (1960) khuynh-hướng tả-thực hé mở một cánh cửa nhìn vào thành-thị là nơi mà đời sống khô-khan hôm nay thường có những nét rất khó nên thơ.

Dù sao, đời sống thành-phố cũng vẫn rất cần được ghi lại như nhà họa-sĩ đã từng ghi lại trong tranh. Vả lại, hoạt-động và hình ảnh của các thành-phố lớn bên Âu-Mỹ đã từng được các nhà thơ nổi danh làm sống lại bằng những nét thật linh-động. Như Walt Whitman đã diễn-tả chiếc xe lửa trong bài thơ «Gửi chiếc đầu máy xe lửa trong mùa đông» (1), như Ruyard Kipling đã diễn-tả những máy móc trong bài «Máy móc tối-tân» (2), như K. Shapiro đã từng diễn-tả thủ-đo điện-ảnh thế-giới trong bài «Hollywood».

Lẽ nào thi-ca Việt-Nam lại không có những nhà thơ và những bài thơ tả-thực hay như thế sao ?

(1) *To a locomotive in Winter.*

(2) *Modern machinery.*

CHƯƠNG III

NHỮNG BÀI THƠ HAY CÓ KHUYNH - HƯỚNG TẢ - THỰC

Về hình - thức khuynh - hướng tả-thực chấp nhận các thể thơ, ngoại trừ thơ phá thể không vần. Đây là khuynh-hướng gồm có rất ít nhà thơ tiêu-biểu.

Tả-thực là sự phản-chiếu của vũ-trụ, của ngoại cảnh qua nhà thơ. Sự phản-chiếu đó, dù có rõ-ràng, cá biệt đến đâu, vẫn nói lên được những tâm-hồn.

Tả - thực dễ « đại - chúng », các bài thơ tả-thực thường được in vào các sách giáo - khoa. Tả - thực không dã - man và hung tợn, nó hiền lành và khiêm tốn. Nếu cái hay của thơ tượng-trưng là ở chỗ gần với nhạc, với mờ ảo, thì cái hay của các bài thơ sau đây là ở chỗ gần với tranh.

Đây là những đường nét hoặc vui tươi, linh-hoạt hoặc buồn-bã, mơ-màng của quê-hương chúng ta hằng yêu dấu.

ANH - TUYẾN

Trong tập thơ « Tồ Ấm », chúng tôi chọn : « Xóm nghèo », « Vu-qui » và « Tồ Ấm ».

« Xóm nghèo » hé mở một lối thoát cho khuynh-hướng tả-thực thời hậu thế-chiến.

« Vu-qui » chịu ảnh-hưởng bài « Chùa Hương » của Nguyễn-nhưộc-Pháp nhưng với một đề-tài khác. Kỹ - thuật làm thơ của Anh-Tuyến đến chỗ khá cao : cả bài « Vu-qui » gồm 68 câu thơ năm tiếng đọc vẫn chừng-tổ kỹ-thuật điêu-luyện đó.

« Tồ Ấm » có những màu sắc, hình-ảnh vui tươi và sống-động.

1.— XÓM NGHÈO

Đây xóm hiền-lương, xóm của tôi

Xóm nghèo lao-động, xóm yên vui !

Xóm giếng lân-lý, tròn huỳnh-đệ,

Tứ xứ người dung nhóm chợ đời. . .

Cù-lao nhà lá giữa đô-thành !

Ngõ hẹp tư mùa chuối trổ xanh,

Xan-xát chen vai, nhà khít-khít !

Lối mòn trăm ngã, rẽ quanh-quanh

Từ sáng mờ sương chữa tắt đèn,
Nhà nhà bốc khói thở hơi lên . . .
Tiếng cười, tiếng nói nghe nao-nức,
Dậy sức cần-lao ngõ tối đen !

Ông lão Năm Say đã tỉnh-tuồng
Gật-gù trước cửa, chữ thề suông . . .
Chùa Tam-Tông-Miếu gần đầu đó
Tỉnh giấc mơ-màng động mõ chuông . . .

Lộc-cọc anh Ba đánh ngựa ra.
Anh xe-lô đạp hát ê-a . . .
Bác Tư phở bắc bằm tay thịt,
Thơm nức hương-lân bát súp gà . . .

Thằng Tưng bánh bò cắt tiếng rao . . .
Thím Hai cháo đậu giọng mời chào . . .
Chị Mười gánh nước khua thùng thiếc
Lau trán mồ-hôi bước thấp cao . . .

Cô Ký nhà băng xách bóp đầm,
Ông Thông dây-thép tóc hoa râm,
Anh Tư lục-lộ, Năm tài-xế,
Đồng đón xe đi tới sở làm.

Rồi nắng vàng lên, ánh nắng tươi...
Chiều về, chòm xóm rộn-ràng vui !
Xóm nghèo nâng chén cơm lao-động,
Cởi áo nằm quên nghĩa cuộc đời !...

Tôi ở nơi này trước mấy năm
Xóm nghèo thơm ngát ý hương lân !
Xóm nghèo nhưng vẫn giàu sinh-lực
— « Vườn Chuối » nơi này, xóm cổ nhân !

ANH-TUYẾN

(Tò Ám)

2.— VU - QUI

Ngoài sân tràng pháo nổ
Xác hồng phơi-phới bay
Họ nhà trai đã đến
Đi đầu là ông Mai,
Tướng mạo trông phúc hậu
Bạc phơ chòm râu dài...
Theo sau là mấy cụ
Phe-phẩy quạt cầm tay

Phù rề dẫm chàng trẻ
Sính - lễ mấy mâm đầy!
Áo khăn, cười mủm - mím
Chàng rề bùng cái khay ...

Em còn đang cuống quít
Chưa mặc xong áo dài.
Năm ba cô bạn nhỏ

Lãng - xãng cùng tiếp tay ...
Cô thì cài cúc cổ,
Cô thì xỏ chân giày.
Nhìn gương em khẽ liếc
Trông thật là đến hay!
Áo rộng dài lưng - thụng,
Đầu đội khăn vành giấy,
Xem như là công - chúa,
Thuở xưa xa nào đây ...

Trên bàn thờ, sáng rực.
Hương khói nhẹ - nhàng bay ...
Cha lâm - dâm đứng lễ,
Cặp nến hồng trong tay.
Đôi đèn dán giấy đỏ

Như vợ chồng sánh vai.
Cả nhà yên-lặng quá !
Sao trang-nghiêm thế này ?
Trông làn hương khói tỏa
Như hương hồn đang bay . . .
Em nghe hồi-hộp lạ
Rung-rung hai bàn tay . . .

Cha đã lễ xong rồi.
Ô kia, chàng đâu nhỉ ?
Nghĩ thật là hồ người !
Trước mặt em chàng đứng
Người đâu mà bảnh trai !
Áo xanh như phò-mã
Liếc nhìn em, mỉm cười . . .
Cúi đầu, em bến-lên
Nóng rực hai vành tai !
Bước vào trong chiếu đỏ
Chàng đứng, mình em ngồi.
Cả hai cùng làm lễ
Em lạy hoài, quên thôi . . .

Đến giờ rước dâu rồi,
Pháo hồng vang tiếng nổ.
Hai họ đều vui lây . . .
Các ông mời chén rượu
Nghe đã ngà ngà say . . .
Các bà vui tiếng nói,
Đưa đầy miếng trâu cay . . .
Xe hoa chờ trước ngõ,
Nắng đẹp trên đầu cây.
Áo hồng ra khỏi cửa,
Trẻ nhỏ cười, vỗ tay . . .

Buồn vui sao lẫn lộn
Theo đà bánh xe quay
Lòng em nghe phoi-phới
Sao lệ tràn ướt tay
Quay nhìn sau lần cuối
— Em có chồng từ đây.

ANH-TUYẾN
(Tò Ám)

3.— TỒ ẨM

Nhà lá ba gian mát
Đường đi rợp bóng dừa
Mái hiên lên khỏi nhật
Giàn mướp nắng lưa thưa

Hoa trang cười trước ngõ
Gió thoảng ngát hương cau
Ngoài sân, vàng vọt thỏ
Bên hè xanh liếp rau

Đàn gà bơi góc dừa
Ngõng trắng lội ao sen
Dưới tàn cây vú sữa
Đưa võng, bà ru em

Bên hiên ngồi lẳng-lặng
Ông lão uống trà tàu
Cô em cười trong nắng
Áo trắng phơi hàng rào. . .

Mấy thằng cu đề chỏm
Đuổi bướm quanh đóng rơm
Có tiếng ai đầu xóm
— Tý ơi về ăn cơm. . .

ANH-TUYẾN
(Tồ Ẩm)

BÀNG-BÁ-LÂN

Độc thơ Bàng-bá-Lân, chúng ta có cảm-giác là những bài nào nhà thơ làm với ít công-phu nhất là những bài hay nhất.

Là một nhiếp-ảnh-viên nổi tiếng từng được giải thưởng quốc-tế, nhà thơ đã khéo ghi được những khía cạnh đồng quê mà Anh-Thơ, Đoàn-văn-Cừ không thấy được, trong «Mùa gặt», «Đêm ở làng» và «Mưa sông».

4.— MÙA GẶT

Gà vừa gáy. Trời mai còn ẩm-ướt,
Đường trong thôn rầm-rập bước chân đi.
Tiếng gọi, thưa ầm-ới động sương khuya,
Tiếng sát gạo trên cầu ao sền-sét.
Rồi lửa đỏ bập-bùng trong các bếp,
Rồi tiếng mâm va bát động lanh-canh
Tiếng cười đùa xen tiếng đũa và nhanh,
Người vội vội. Trống tàn canh gấp gấp. . .



Trời tang tảng. Sương đào bay lớp lớp,
Cánh đồng quê mờ ngợp khói sương mờ,
Từ cổng làng, từng bọn kéo nhau ra,
Tiếng quang cặp, đòn càn va lách-cách.

Họ vui-vẻ đi nhanh trên đường đất,
Rồi tạt ngang, tản mát khắp đồng quê.
Họ dừng chân bên ruộng ướt sương khuya,
Lúa rạp rạp ngã theo chiều gió thổi.
Thợ đàn ông xắn quần lên quá gối,
Thợ đàn bà cao váy xẻnh hai bên
Đề lộ ra những cặp bắp chân đen,



Rồi kẻ hái người liềm xô xuống ruộng.
Lúa thức giấc xạc-xào trong hỗn-độn,
Lúa run run lia cuống ngã trên tay. . .
Lũ cào-cào, châu-chấu sợ tung bay,
Nhưng chớp mắt lại nặng-nề rơi xuống.
Liềm hái gặt. Lúa thi nhau lia cuống,
Năm ngồn-ngang trên ruộng hỏ màu đen.
Phía trời đông quạt lửa rộng xòe lên,
Cánh đồng bỗng rực tươi màu đỏ ối.
Sương mỏng mỏng nhẹ tan như làn khói,
Lúa thơm thơm, rơm mới cũng thơm thơm.
Không-khí thơm-tho, gió chạy rạp-ròn,

Làm gợn gợn sóng vàng trên biển lúa.
Thửa ruộng kia, tiếng ai vừa hát đó ?
Giọng thanh thanh theo gió vắng đưa xa.
Rồi đồng quê vang rộn tiếng dân ca,
Tinh thẩm-thiết ngụ trong lời thẩm-thiết.
Miệng cứ hát, tay cứ làm mãi-miết,
Làm say mê như quý tiếc thời-gian.
Họ như quên không thấy nắng hanh vàng
Dần gay-gắt kêu ròn trên nón lá,
Và người họ mờ-hôi ra tầm-tã
Dán lưng vào manh áo bạc mầu nâu. . .



Mặt trời lên. . . lên chót vót từ lâu,
Bóng đa đã thu tròn như chiếc tán.
Thợ dừng tay, lên bờ ăn bữa sáng :
Cơm muối vùng sần sạn thế mà ngon,
Vài quả cà, dưa muối với tương om,
Nước vối loãng chuyên tay. . . là hết bữa !
Thợ đàn ông thời mời rơm lấy lửa.
Vè thuốc Lào, rít diều, rít vài hơi,
Thở khói phào cuộn cuộn tựa mây trôi,

Vẻ khoan-khoái trong tiếng cười dễ-dãi.
Thợ đàn bà cũng thông-dong mở giải
Yếm, lấy ra vôi vó vôi trầu cau,
Rồi cười cười nói nói thết mời nhau,
Quết trầu thắm tô vành môi cắn chỉ.
Trầu thuốc đoạn, sau nửa giờ tạm nghỉ,
Lại hò nhau hối-hả xuống đồng trưa.
Kẻ cắt hoài, kẻ lượm. . . rất say-sưa,
Không nhọc mệt —(ngày mùa ai cũng khỏe!)—
Lúa đã lượm, họ kê vai rất nhẹ,
Gánh xăm xăm về phía cổng làng xa.
Trên đường quê lũ bảy, lũ năm ba,
Gánh gánh mãi, về, ra, coi tấp-nập.
Chiều cang xuống, người đi cang hấp-tấp
Như đàn cò gấp gấp ruỗi theo mây,
Gió lạnh-lùng, sương bột rắc rây rây,
Chùa đầu đó rõ hồi chuông lạnh lạnh.



Đồng quê xám mênh-mông và vắng lạnh,
Nhưng khắp làng rộn-rịp hội hoa-dăng.
Tất cả đèn to nhỏ cháy dăng-dăng.
Không soi sáng đủ hết sân gạch rộng.

Tùng cầu lúa dài cao nằm song song
Đội thợ về chắt đồng xếp từng ôm. . .
Rồi néo tre kẹp chặt lấy thân đon,
Tay dang thẳng đập ròn trên cối đá.
Ồi sung sướng ! Mưa ra vàng ! Mưa lúa !
Mưa rào rào. Giọt thóc nặng-nề rơi,
Thóc mọng thơm căng sữa ngọt nuôi người.
Nét hoan-hỉ trên miệng cười đen nhánh.
Tiếng đập lúa ròn vang trong gió lạnh,
Chen tiếng cười, giọng hát lạnh ngân ngân,
Đem tình xa se lại với duyên gần. . .
Trăng nhón-nhoăn cười thầm trên ngọn trúc.
Ồi vui thú là những giờ hốt thóc :
Kẻ trang, cào; kẻ xúc, quét lia lia ;
Vai chen vai, người nọ vương người kia,
Tiếng mắng khê xen tiếng cười khúc-khích. . .



Rơm lên đồng. Thóc đã nằm trong bịch,
Đội nhần-nha ngày nắng sẽ đem phơi.
Thợ dừng tay, rũ bụi phấn trên người,
Đoạn rửa ráy, rồi vào ăn bữa tối.

Dưới ánh lửa đèn ba dây đỏ ối,
Họ lại cười, lại nói, lại bông lơn. . .
Bóng cau gầy đã ngã suốt sân rơm,
Họ mới chịu xoa chân, vào ổ rạ.
Thôn xóm lặng, thiu-thiu trong bóng lá,
Trắng phương đoài uể-oải cũng lim-dim.
Sương rơi rơi, nhạc dễ lắng chìm chìm,
Chó từng lúc nghe nhìn trăng sữa rống. . .



Ta về đây suốt một ngày vui sống
Cùng người quê mãi miết với thành công.
Suối mồ-hôi năm tháng chảy trên đồng
Đúc thành sữa nơi đầu bông nặng trĩu.
Đồng quê ơi ! Hỡi Nông-phu ! Người chịu
Bao dãi dầu mưa nắng để nuôi ta
— Nuôi giống nòi, không một tiếng kêu ca —
Sống tạm tối như tre già nấp bụi.
Ta tha-thiết cầu mong sao gần-gũi
Mãi Người Quê, nơi làng mạc thân yêu,
Mà hôm nay ta cảm mến thương nhiều !

BÀNG-BÁ-LÂN
(Thơ Bàng-bá-Lân)

5.- ĐÊM Ở LÀNG

Chùa xa chuông khóc ngày tàn,
Chiều như muôn giải lụa vàng thướt-tha.
Lưng trâu mục-tử vang ca
Lời thơ tự mấy đời qua lưu truyền.

Vừa nghe tắt giọng êm-dềm,
Ngọn tre treo mảnh trăng liềm mới lên.
Mấy cô hàng xén về đêm
Dưới cây đôn gánh còng mềm bước mau.

Làng tre cổng kín từ lâu,
Trong sương chó sủa bớt mau. Im dần. . .
Trời khuya trăng thức tần-ngần,
Lòng tơ bao gái cũng gần như trắng !

BÀNG-BÁ-LÂN

(Tiếng võng đưa)

6. — MƯA SÔNG

Gió bỗng thổi ào, mây thấp tối.

Buồm căng muốn rách, nước trôi nhanh.

Trên đường cát bụi vùng theo gió,

Nón mới cô kia lật nửa vành.

Ếch gọi nhau hoài tự mấy ao,

Trên bờ cây hoảng-hốt lao-xao.

Đò ngang vội-vã chèo vô bến,

Lớp lớp tràn sông đợt sóng rào.

Buồn rơi, trở lại cột tre gãy,

Loang loáng chân trời chớp xé mây.

Chim lẻ vội-vàng bay nhón-nhác.

Mưa gieo nặng hạt xuống sông đầy.

BÀNG-BÁ-LÂN

(Tiếng võng đưa)

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

Phạm-đình-Tân là một nhà thơ tả-thực mang nặng tình-thần dân-tộc và đạo-lý.

« Mơ Trâu » tả cảnh con trâu đen nhánh đang mơ-màng trong một khung cảnh đìu-hiu của đồng quê êm ái.

« Xuân tàn » gọi những hình ảnh đồng quê dịu dàng mà đã lâu rồi chúng ta hằng mơ trông thấy lại.

7.— MƠ TRÂU

Nắng bốc khói mặt đường rung bụi trắng,
Bóng dần tròn im đứng nép chân cây,
Trong dậu héo, tiếng chim rơi chim vắng,
Hồ ao xa uống nắng lặng-lờ say.

Đón lúa giờ cây đa già kiêu-hãnh
Vươn cành dài nặng-chịu những thời-gian
Trong bóng mát, trâu cuộn mình đen nhánh,
Miệng đều đều nhai gió nhẹ mơn-man.

Đuôi phe-phẩy nhẹ-nhàng xua đuổi muỗi,
Đôi tai to lắng đón tiếng xa-xôi
Của hơi nước, của đất rung nể mới,
Của dun, sâu quẩn-quại vũng chân bồi.

Cánh đồng rải muôn màu liên-tiếp mãi,
Công-lao tràn ruộng ngập xuống nương sâu.
Mắt lim-dim trong hân-hoan êm-ái,
Trâu mơ-màng giấc mộng của loài trâu.

PHẠM-ĐÌNH-TÂN
(Thơ Phạm-đình-Tân)

8.— XUÂN TÀN

Mưa bụi còn rây ít nữa thôi
Vườn hồng từng cánh rụng xinh tươi
Trong sông nước bạc thừa người dắt
Lối rẽ đình xưa cỏ lấp rồi,

Nóng nực đang chen các lối về
Mặt hồ rung động đã như nghe
Gió nồng sữa-soạn hương sen mới
Cùng lá tàn xanh đợi đón hè.

Thoáng hiện trên đường đã mấy cô
Áo tơ trắng liệng diềm màu thừa
Buổi chiều ly-biệt vàng chân núi
Tiếng quốc đầu tiên lẫn vật-vờ.

PHẠM-ĐÌNH-TÂN
(Thơ Phạm-đình-Tân)

PHẦN THỨ BA

**KHUYNH-HƯỚNG THÀNH HÌNH
THỜI HẬU THẾ - CHIẾN**

— *Khuynh - hướng hiện - sinh.*

KHUYNH - HƯỚNG HIỆN - SINH

CHƯƠNG I

KHUYNH-HƯỚNG HIỆN-SINH TRONG THI-CA THẾ-GIỚI VÀ THI-CA VIỆT-NAM

Paul Ginestier, giáo-sư thi-ca trường Đại-Học Hull, trong quyển « *Những bài thơ Anh và Mỹ hay nhất ngày hôm nay* » cho rằng Aldous Huxley là nhà thơ hiện-sinh hai mươi năm, trước khi Sartre đưa ra triết thuyết về « *con người không thể thay thế được là tôi* ». Huxley, tác-giả « *Bài thơ thứ năm của triết-gia* » (1) còn là một nhà triết-học thời danh hiện nay.

Trong thi-ca Việt-Nam, khi phải đi tìm nguồn-gốc của các những khuynh-hướng trong thi-ca, ta đều có thể dùng Kiều để dẫn-chứng (dĩ nhiên cũng có thể tìm thấy nguồn-gốc đó ở các tác-phẩm khác). Trong Kiều có đủ cả : lãng-mạn, tả-thực, tượng-

(1) Paul Ginestier. « *Les meilleurs poèmes anglais et américains d'aujourd'hui* ». Éd. Sedes 1958, trang 302 : *The Fifth Philosopher's song*.

trung và hiện-sinh. Nếu quan-niệm văn-học hiện-sinh là văn-học về « con người và cuộc đời » (1), thì đây là những câu thơ khởi nguồn cho khuynh-hướng hiện-sinh trong thi-ca Việt-Nam, nói lên số phận của con người trong tay của một Đấng thiêng-liêng :

*Bắt phong-trần phải phong-trần
Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao.*

NGUYỄN-DU
(Kiều)

Nhưng con người bao giờ cũng tranh-đấu ; tranh-đấu là đặc-tính giúp con người sinh-tồn ; tranh-đấu với hoàn-cảnh và đôi khi với cả quyền-lực thiêng-liêng nữa. Hãy so-sánh câu thơ của Nguyễn-Du :

*Sinh rằng : giải cấu là duyên
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều...*

NGUYỄN-DU
(Kiều)

với câu thơ của một nhà thơ hiện-sinh :

*trông lên thượng-đế đi rồi
hỏi mây thái cổ con người vẫn vi.*

SAO TRÊN RỪNG
(Đêm khuya)

(1) P. Castex et P. Surer : *Manuel des études littéraires* 20^{ème} siècle, trang 106.

Ta thấy, cũng như thi-ca Nguyễn-Du, thi-ca hiện-sinh mật-thiết liên-quan đến triết-học về con người (1), con người với tất cả các trạng-thái của nó : yêu, buồn, ghen, giận và quỳn-sim (quỳn-sinh là vấn-đề triết-học tối quan-trọng theo Camus) :

Phận sao phận bạc như vôi

Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ-làng

Oi Kim-Lang ! Hỡi Kim-Lang !

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.

NGUYỄN-DU

(Kiều)

★ ★
★

Con người xưa nay vẫn sống với bao nhiêu vui, buồn, hờn, giận. Nhưng hoàn-cảnh thời-đại thì hoàn toàn khác nhau. Thật vậy, thế-kỷ 20 là một thời-đại mà con người sống nhiều lo-âu hơn bao giờ hết : lo-âu về chiến-tranh nguyên-tử, về « chiến-tranh giới hạn », lo-âu về cuộc sống, lo-âu

(1) Triết-học về « con người và cuộc đời » hiện-đại không chủ tâm giải-nghĩa con người và cuộc đời là gì như quan-niệm triết-học cổ-diễn ; triết-học hiện-đại đó được gọi bằng danh-từ chung là triết-học hiện-sinh, chú-trọng đến việc tìm kiếm ý nghĩa đặc-biệt của con người và cuộc đời. Danh-từ chung ấy bao gồm cả triết-học Sartre, người triết-gia thấy cuộc đời là « nồn mửa », « tha-nhân là địa-ngục », Heidegger, triết-gia không chịu thông-cảm với tha-nhân và tương-quan với Thượng-đế cho đến những triết-thuyết của Karl Jaspers, Gabriel Marcel, Georges Gusdorf, Nicolas Bardiaef, Emmanuel Mounier.

đi tìm kiếm ý-nghĩa của cuộc đời, lo-âu đi khám-phá những huyền-bí của vạn-vật xung quanh. Nền thi-ca thế-giới cũng bị ảnh-hưởng của thời-đại, ảnh-hưởng của hai sự-kiện quan-trọng là hai lần thế-chiến. Cho nên khi phân-tách thi-ca thế-giới, người ta đều nhìn nhận ảnh-hưởng của chiến-tranh đối với thi-ca.

T. S. Eliot, một thi-sĩ Anh đã nói lên rằng chiến-tranh là tàn-ác, qua những vần thơ triết-học :

Tôi và ngọc lẫn trong bùn

Đóng đinh vào trục xe sa lầy

Sắt rung-rinh trong máu

Dưới những vết thương nhiễm độc

*Ca hát cho dịp những cuộc chiến-tranh bị
lãng quên rồi*

Điều nhảm dọc theo những đại-lộ...

T.S. ELIOT

Nhưng T. S. Eliot không hề tranh-đấu một cách tích-cực, nhà thơ chỉ diễn-tả, chỉ lý-luận cho người ta thấy rằng người tàn-bạo, chứ không hề phản-kháng mặc dù, nhà thơ cũng cảm thấy cuộc đời ngày nay khá vất-vả nên đã tự trào :

*Ở Mỹ làm giáo-sư
Sang Anh làm ký-giả
Anh bước lớn nẻo đời.
Mồ-hôi rơi lả-tả,*

T. S. ELIOT

Vừa mới chứng-kiến cảnh thành-phố Luân-
Đôn bị dội bom tàn-sát, qua những giờ phút hãi-
hùng của thế-chiến 1939-1945, nhà thơ viết :

*Vào một giờ vô định trước ban mai
Giờ cuối cùng của một đêm dài vô-tận.
Giờ cuối cùng của chu-kỳ thời-gian vô-tận. . .
Trên nhựa đường không có một tiếng động
nào
Giữa ba hướng khói tỏa lên mịt-mù
Một người đang hướng về tôi. . .
Bước mau như những lá kim-khí rơi
Trong gió bình-minh đô-thị. . .
Và khi tôi nhìn trên khuôn mặt
Của người đang cúi xuống đi
Người khách lạ đầu tiên trong bóng mờ
xanh nhạt*

Tôi bắt gặp cái nhìn của một người đã mất...

Quen thuộc, quên rồi, nửa phần nhớ lại.

Một và nhiều, và trong những nét xám nâu.

*Cặp mắt của một hình-ảnh thân tình, hỗn-
hợp.*

Quen biết nhưng mà không nhận ra được

Cho nên khi tách đôi, tôi kêu lên

Và tôi cũng nghe người ấy hỏi :

« Sao, người ở đây sao ? »

Dù rằng tôi không cùng chung với người

Tôi vẫn tri-thức tôi là tôi.

Mặc dù tôi đang là kẻ khác. (1)

T. S. ELIOT

Ở Carl Sandburg, một thi-sĩ Mỹ hiện-đại thi
thi-ca mang nhiều dấu vết của sự bất-mãn, luôn
luôn phản-kháng, luôn luôn kêu gào :

(1) Hãy chú-ý đến ảnh-hưởng của các nhà thơ tượng-trung

Pháp đối T. S. Eliot :

Nerval : « Je suis l'autre ».

Rimbaud : « Je est un autre ».

*Là nhân-dân — là quần-chúng — là biển cả,
loài người*

Ta sáng-tạo những công-trình vĩ-đại.

Ta là nhà phát-minh,

Ta là anh lao-động

Cung-cấp cho người áo mặc cơm ăn

Là chứng nhân Lịch-sử,

Những Napoléon đều xuất-xứ nơi ta

Và những Lincoln

Đã mất —

Và ngày nay, ta lại bắt đầu

*Tạo những Napoléon và những Lincoln
mới khác*

Ta là cánh đồng gieo mạ,

Là khoảng đất lớn chịu đựng cây bừa

Bão táp hung cuồng thổi,

Ta quên,

Những gì tươi tốt nơi ta

Người đã tận-hưởng và đã phá hư

Ta quên.

Một đôi khi ta gào thét vẫy-vùng,

Máu ta chảy đề lịch-sử muôn đời nhớ mãi

Rồi — ta quên

Tôi lúc là nhân-dân
 Ta nhớ lại
 Tôi lúc là nhân-dân,
 Ta sẽ biết dùng các bài học hôm qua
 Và thôi quên kẻ đã ăn cắp của ta
 Những năm tháng cũ,
 Và thôi quên kẻ đã cho ta là ngu xuẩn—
 Lúc đó sẽ không có nhà hùng-biện nào trên
 thế-gian này
 Kêu lên hai tiếng : « Nhân-dân »
 Mà không khỏi mỉa-mai chua xót
 Lúc bấy giờ
 Là nhân-dân — Là quần-chúng — là biển cả
 loài người
 Ta có mặt !

C. SANDBURG

(I am the people, the mob. . .) (1)

Tristan Maya trong khi nghiên-cứu thi-ca hiện-đại đã chia khuynh-hướng thi-ca hiện nay ra làm hai trào-lưu : trào-lưu chấp nhận và trào-lưu phản-kháng.

(1) Thi-sĩ C. Sandburg sinh năm 1878 hiện đang sống tại Tiểu-Bang Illinois (Hoa-Kỳ). Đã chiến-đấu trong quân-đội Mỹ, nổi tiếng với tập Chicago Poems.

Tất cả những bài thơ Anh, Mỹ, Pháp trích-dẫn trong sách này đều do tác-giả dịch thoát ý. Riêng bài thơ này của C. Sandburg, tác-giả cùng dịch với Thanh-Nam.

Trào-lưu chấp nhận (1) gồm có những nhà thơ bằng lòng về hiện-tại và hiện-hữu, chủ-trương duy-trì những tập-tục cũ, những trật tự cũ, những hình-thức thơ cũ, những cảm-hứng cổ-diễn. Nếu đôi khi họ có thoát ra khỏi các thể-thơ cũ thì lại sa vào cảm-hứng cũ, nếu đôi khi họ đã làm thơ tự-do hay phá-thể, thì đó cũng chỉ là vài sự « xâm-nhập » nhất thời.

Trào-lưu phản-kháng (2) gồm có những nhà thơ tìm trong thi-ca sự biểu-thị lòng bất mãn. Họ là « nhà thơ phản-kháng » (3) của Camus. Họ quan-niệm thi-ca là sự biểu-thị nỗi lòng của con người bị dày xéo vì sự phi-lý, vì hoàn-cảnh, vì công việc, vì đòi hỏi tiện-nghỉ. Để tìm thấy sự thăng-bằng trong tâm-hồn, họ bắt nỗi bất mãn của họ thành thơ, cũng xô bồ, cũng phá-phách về mọi phương-diện hình-thức cũng như tinh-thần. Thơ của họ trả thù giúp cho họ.

Ở giữa hai trào-lưu cực đoan đó, có một nhà thơ không « ngu dần » cũng không « hèn nhát », đã làm được một « đám cưới hạnh-phúc », đó là trường-hợp của Perse, một nhà thơ vừa phản-kháng vừa chấp nhận. Thơ của Perse là tiếng phản-đối của con người bị con người làm thương-tổn trong chiến-tranh. Perse nhân danh những thi-sĩ mà viết lên bản « *Tuyên-ngôn của những người thi-sĩ* » trong tập thơ « *Lưu dầy* » (Exil 1942) :

(1) *Courant de tradition.*

(2) *Courant de révolle.*

(3) *Le poète révollé.*

Ta hiểu người, quái-vật

Bảy giờ mặt đã kề nhau

*Ta hãy trở về cuộc thảo-luận lâu dài ta
bỏ dỡ.*

*Trên nhiều bãi cát, vết chân ta đã được tẩy
sạch trước ban ngày*

*Trên nhiều lớp hoang vắng, linh-hồn ta phiêu-
dạt, bị ung-thư của vắng lặng dày-vò. (1)*

SAINT JOHN-PERSE

(Lưu-đầy III)

Nhưng thái-độ phản-kháng đó được kèm theo thái-độ chấp nhận trong tập thơ « Gió » (Vents 1946). Ở đây nhà thơ đề-cập đến một luận-thuyết về vũ-trụ khai-tịch : Gió là một sự vận-chuyển không ngừng, gió bay, gió thổi, gió quay cuồng, nhậy rú và phá-phách và xây-dựng. Nó là cuộc sống vô độ nhưng phòng-phủ, không lường trước được. Ở đâu cũng có gió, trên địa-cầu, trong thơ. Gió bao-la trên vũ-trụ, trên sự vật, trong thi-ca, trong ngôn-ngữ. Cho nên khởi đầu, Perse viết (2).

(1) *Je vous connais, monstre*

Nous voici de nouveau face à face

Nous reprenons ce long débat où nous l'avions laissé

*Sur trop de grèves visitées furent mes pas lavés avant
le jour.*

*Sur trop de couches désertes fut mon âme livrée au
cancer du silence.*

(Exil III)

(2) *C'étaient de très grands vents sur toutes les faces du
monde, sur nos plus grands. . . de poètes, sur toutes les
choses périssables. . .*

*Đây là những trận gió lớn thổi trên khắp
mặt địa-cầu, trên những nhà thơ cao-cả nhất
của chúng ta, trên tất cả những sự vật có
thể diệt-vong. . .*

SAINT JOHN-PERSE

Phi-lý nhưng vô cùng vô tận, gió là sự biểu-hiệu của một sự xáo trộn từ trên. Gió dữ tợn và bất công, gió hung-hăng và bạo-ngược nhưng đó là gió trong tất cả cái nghĩa của nó, một động-lực xoi mòn, một yếu-tố địa-dur : (1)

Cứ như thể tăng-gia tốc-độ và rú lên. . .

Gió là mãnh-lực ! Thịt là phù-du !

Nhưng, chấp nhận gió là chấp nhận cuộc đời không đo lường trước được, là chối bỏ cuộc sống giới-hạn trong tiểu-sử của mình, trong xứ-sở và trong thế-kỷ của mình. Vâng theo gió là sáng-suốt, là tự nhận tính-chất khả-diệt của mình, là đón nhận của gió những sáng-tạo, cây cối, núi non, sao chổi. Nhưng, trong cái quay cuồng của gió tượng-trưng cho cuộc sống ngày nay, tiếng kêu đã lồng-lộng nổi lên : (2)

(1) *Ainsi croissants et sifflants. . .*

Les vents sont forts ! La chair est brève !

(2) *Mais c'est de l'homme qu'il s'agit !*

Quelqu'un au monde élèvera-t-il sa voix ?

Se hâter ! Se hâter !

Témoignage pour l'homme.

(Vents III)

Nhưng vấn-đề chính là người.

Có ai ở cõi đời này sẽ lên tiếng ?

Mau lên ! Nhanh lên !

Làm chứng cho người !

SAINT JOHN-PERSE

(Gió III)

Từ đây, nhà thơ sẽ đóng vai trọng-tài với nhiệm-vụ thiết-lập ra một nền nhân-bản khả-dĩ cứu con người ra khỏi cái lầy lác của con người. Tóm lại, « Gió » là một thái-độ của nhà thơ chấp nhận cuộc sống hiện nay mà gió là tượng-trưng ; cuộc sống đó vận-chuyển không ngừng, nó mãnh-liệt không cần thời-gian và không-gian.

Nước Pháp có thể lằm vì đã từ chối giải thưởng văn-học quốc-gia cho Perse, nhưng cả thế-giới không thể lằm khi trao giải Nobel văn-học 1960 cho một nhà thơ đã có một thái-độ hữu-lý là vừa phản-kháng vừa chấp nhận cuộc đời.

★ ★

★

Nằm trong trào-lưu của thi-ca thế-giới hiện-đại, thi-ca Việt-Nam cũng phản ảnh khá đầy đủ hai trào-lưu đó. Cũng có những nhà thơ phản-kháng cuộc đời «phi-lý», phản-kháng tất cả. Thơ của họ có khi chỉ là những thiên tùy-bút mang rất nhiều dấu vết tào bạo của những vở kịch của Sartre (1):

(1) « *Le diable et le Bon Dieu* ».

Sartre cũng từng đóng vai lý-thuyết-gia về thơ :

« *Le poète européen d'aujourd'hui tente de déshumaniser les mots pour les rendre à la nature* »

(Sartre : *Orphée Noir*)

« Một đêm, tôi tuyệt-vọng vòng ôm người đàn bà không hề yêu nhau, vòng ôm cõi trống không. Bản-tính ngây-thơ làm tôi khóc nức-nở. Đôi cánh tay ngắn và yếu mỗi ; hạnh-phúc thì đẩy-dưa và trơn. Tuổi trẻ tôi bị ném vào bệnh-tật làm-than âm-thầm của ngoại thành ; vô lý là không biết tại sao. Thượng-Đế làm thỉnh đề còn là Thượng-Đế phải không ? Gió bắc lên cơn thổi trùng-trùng vào hàng cây hỏ-hang chịu khuất-phục. Ngực tôi có bao giờ đủ khi trời hồng. Em hãy nói dối yêu anh và là mối tình nhất. Anh thề chưa người con gái trong sạch nào nói yêu anh. Người nhẩn mặt ư ? Luân-lý dành riêng cho những người thắng thế. Còn tôi — hừ ! — tôi có gì ngoài tấm thân đã vô tri-giác và sự thật ở trong nó mà cả cái chết vốn sẵn-sàng của bom đạn vô tình cũng không thêm muốn đến. Hòa-bình (là gì ? Tôi tự hỏi). Đoàn quân trở về khiêu-vũ ngoài đường — vạn-tuế ! — và thiên hạ tin vào buổi thối-nôi của bình-minh. Vậy chỉ còn mỗi linh-hồn tôi lè-dương tuy nao-núng, vẫn xông-xáo vào bóng tối hư-vô. Tôi chóng mặt, thét : Thế nào là cuộc đời ? Dân-tộc phải đi, đành bịt kín tay và giẫm lên tôi. Bằng-hữu nhủ thầm nhau làm cách-mạng. Thôi, loài côn-trùng, chúng ta đừng nguyện rửa gót giày đinh ! Cho anh giết em, hỡi chiếc gương soi của hình anh, anh không còn muốn thấy nữa ! ».

THƠ TÔ-THÙY-YÊN
(về buồn của tình yêu)

Có những nhà thơ chấp nhận cuộc đời với một tư-tưởng vị-tha phóng-khoáng.

Họ chịu ảnh-hưởng của các triết-gia chủ-trương thi-ca có thể giúp thấu đạt trần-gian, suy-nghiệm và giải-thích cuộc đời (1).

Họ chủ-trương những cuộc cách-mạng về hình-thức và thơ họ mang một tâm trạng của con người chịu đựng cuộc sống với một tâm-hồn thiết-tha cải-tạo cuộc sống cho những người đang « chịu khó đa mang » ngày nay :

Không phải tôi sợ những chấn song dài

Hay những nan lòng mắt cáo chấn ngang

Nhưng tôi phải khóc

Khi những mắt người

Đan thành những làn phen mắt cáo,

Nên tôi van người

Hãy chịu khó đa mang

Tôi sẽ xin làm thơ

Để dâng người lấy nửa giòng nước ngọt

(1) «Nhờ phương-tiện của lời ca này, lời ca không âm-nhạc, và của lời nói không âm-thanh này, chúng ta hóa-hợp vào bản hòa-tấu của trần-gian. Người không giải-thích được gì lời thi-sĩ, nhưng tất cả mọi vật nhờ người mà trở nên có thể giải-thích được» (Lời của nhân-vật Besme ca-tụng nhà thơ Cœuvre trong «La ville» của Gabriel Marcel).

Đề ngày mai giữa mùa xuân lá-lướt

Tôi sẽ hái

Giữa đám mây ngũ sắc của cầu vồng

Lấy một màu cho em dệt áo.

NGUYỄN-SA

(Sáng tạo : Nước ngọt)

Chúng ta thấy họ đang tranh-đấu với một tình thương khải-kinh. Chúng ta cũng thấy họ hăng yêu-đương như cách đây non năm mươi năm, Rabria danath Tagore đã yêu-đương. Cái tình yêu ở đây cùng có vẻ phương Đông, không mãnh-liệt, không hung-bạo mà hiền lành, khác hẳn cái yêu-đương khổ dục và bạo dục của phương Tây :

Ước gì anh được thổ-lộ cùng em

Rằng mưa rào nặng hạt không ngọt

Mây rền trong lòng bóng tôi trập-trùng

Không một ai như em nghe lời anh. . .

Không có gì là thực cả, cả đến vũ-trụ

Cả đến xã-hội, cả đến tiếng ồn-ạt của cuộc đời

Duy chỉ cần nên biết uống lấy tinh lực

Của đôi mắt bằng đôi mắt

Biết lấy trái tim mà hiểu trái tim. . .

TAGORE

(Manashi)

*Đẹp giấc mộng trong thơ
 Sống trọn vẹn thảm kịch
 Căn nhà cháy khách-sạn đường-đường
 Tập bản thảo run trên tay
 Vĩnh-biệt
 Em ơi, em ơi
 (Tiếng tay vỗ gào như sóng)*

TRẦN-THANH-HIỆP

(Sân khấu)

Cũng như Tagore, tất cả họ đều đã thấm nhuần nền văn-hóa Đông Phương và hấp-thụ nền học-vấn Tây Phương mà kinh điển đã dạy người làm văn-ngệ rằng :

*Ở người, phải có ba đức tính :
 Niềm Tin, Hy-Vọng và Tình Thương
 Nhưng đức-tính tối trọng là Tình Thương(1)*

Cho nên dù có những tư-tưởng dị-đồng, dù có những tin-ngưỡng khác nhau, tất cả họ đều đã gặp nhau ở một điểm : tình thương. Tình thương đó, họ đã đặt lên trên hẳn sự đấu-tranh để dành

(1) *Qu'en vous, demeurent ces trois vertus :*

Foi, Espérance, Amour

Mais la plus grande des trois, c'est l'Amour

miếng cơm manh áo, tình thương đó bao-la trong đức-tin, tiềm-tàng bằng giữa anh và em, giữa người và người đồng loại.



Trong hiện tình của thi-ca hiện-sinh đã thành hình và đang tiến-triển ở Việt-Nam hôm nay, chúng tôi nghĩ rằng mọi cuộc sắp xếp các nhà thơ vào ý hướng này hay ý hướng nọ, vào trào-lưu này hay trào-lưu nọ đều có tính-cách quá vội-vàng.

Cứ đọc lại các tạp-chí văn-học « Sáng-Tạo », « Hiện-Đại », « Thế-kỷ 20 », « Văn-Nghệ » thì thấy họ đều là những nhà thơ trẻ, tiến-bộ ; thơ của họ chiếm có 80 phần trăm của thơ hiện-đại được ấn-hành trong các tạp-chí văn-học. Họ tất cả đều là những nhà thơ dẫn thân vào cuộc sống, mỗi bài thơ hay của họ gây thành một vấn-đề.

Họ là những cô gái buồn cái buồn của thời-đại mới khó tả, cái buồn mang mang của người con gái hai mươi :

Tôi trở về làm con gái hai mươi.

Hai mươi tuổi cộng thêm ngày sắp tới

Nỗi buồn tan biến như buổi chiều

Mùa hạ đơn-sơ một loài hoa rụng đỏ

Nhỏ xuống linh-hồn từng giọt tango bleu

Ngày đi qua trong biển xám mây mù

TRẦN-THY NHÃ-CA

Họ là những chàng trai đang vui mình trong các cuộc truy-hoan và đang muốn đi để thấy « biển nằm đổ mộng thù-dương » :

*Thôi tôi giao lại cho người
Ga thôn lẻ đợi, bến vui nằm chờ*

*Cây rù bóng tối đi đo
Buồn thanh-niên đứng co-ro phổ dài*

*Thôi người đón tiếp tương-lai
Đêm đang rời-rã bên ngoài hành lang*

*Vời chim đi rét từng đàn
Tôi đi nốt cuộc truy-hoan buồn buồn*

*Biển nằm đổ mộng thù-dương
Non cao lộ nhỏ dừng cương muốn về*

VIÊN-LINH
(Bài số 73)

Qua hai đoạn thơ trên, ta thấy vấn-đề gây nên ở đây là lớp người trẻ ngày nay đang buồn-bã, hoang-khuâng đi tìm ý nghĩa của cuộc sống ; ý nghĩa đó tìm thấy ở đâu ? Họ hoài-nghi. Họ tìm kiếm.

Mỗi người trong họ giữa cuộc sống hôm nay là một hải-phận lẻ-loi, một linh-hồn yếu-duối :

Một mình tôi — một mình tôi chống đỡ

Ôi tàu đâu ? — Này ga trạm linh-hồn !

TRẦM-MI

Đề trốn-tránh sự lẻ-loi, họ tìm kiếm tình yêu :

Như một con sò giữa chiếc vỏ

Chúng ta cuộn trốn trong tình yêu.

TÔ-THÙY-YÊN

Khả-năng, thời-gian và sức người thì có hạn mà dự phóng thì nhiều, cho nên họ đâm ra bất-mãn. Họ có cảm-giác như xã-hội không thêm đếm xỉa đến họ. Trong những lúc tâm-hồn khủng-hoảng, họ cảm thấy « buồn nôn » đối với tất cả sự vật, đối với người khác cũng như đối với chính họ. Họ chối bỏ tất cả, kể cả những bảo-đảm pháp-lý của xã-hội và đôi khi, loại ra ngoài những lý-thuyết của tôn-giáo, họ « xuống phố », họ bước vào đại-lộ, họ hẹn-hò, hò-hẹn mơ-màng trong các phòng trà, dạ-vũ, họ tìm an-ủi trong tình yêu mà họ gọi là « những giây phút hiện-sinh » :

Tình yêu đến em mới mười lăm tuổi

Nên nỗi buồn sớm gợn mắt hoang-hôn

Đàn ưu-tư đã nhập điệu linh-hồn

Làn môi ướt những lần mưa ngã xuống

Tay cong vút và tóc thề ngủ muộn
 Tiếng thở dài trót vương nhịp đam mê
 Em đi tìm trên quăng trống thê-lê
 Một dấu vết của rừng mình lạnh-lẽo
 Nghe sợ hãi bốc men sâu khắp nẻo
 Ngực cô-đơn mềm héo vị riêng tư
 Da thịt em ướp gió rợn mùa thu
 Từng nghiêng ngã cửa lên từng tuổi trẻ
 Yêu sớm quá nên hình hài vỡ bề
 Ly rượu tàn, khuya muộn cắn lòng đêm...

BÍCH-NGỌC
 (16 câu)

Nhưng tình yêu tuổi trẻ có bền vững bao giờ !
 Họ thất-vọng, khát-vọng thì nhiều, mà hạnh-phúc
 thì ngắn-ngủi. Họ là cái tương-đối đi tìm cái tuyệt-
 đối ; họ là cái hữu hạn đi tìm cái vô-hạn không
 bao giờ có được. Cho nên, trong họ luôn luôn có
 những mâu-thuẫn nội tâm mà tự họ, họ không bao
 giờ giải quyết được.

Tâm-trạng của lớp người trẻ mới ở Việt-Nam,
 là như vậy đó ! Cho nên, một nhà xã-hội-học
 có thể tìm thấy, qua hình ảnh của nhà thơ hiện-
 sinh, những dữ-kiện của những bài toán có đáp số

cho cuộc sống rất xô-bò, rất phức-tạp của lớp người Việt-Nam đang lớn lên trong những năm đầu của hậu-bán thế-kỷ thứ 20 này.



Khi những bài thơ có khuynh-hướng hiện-sinh xuất-hiện trên thi-đàn Việt-Nam lần đầu tiên thì người ta chứng-kiến cái hiện-tượng phân-ly những người đọc thơ hay yêu thơ làm hai phái.

Phái ca-ngợi thi-ca hiện-sinh gồm có những chàng trai và những cô gái mà trong vở học có ghi chép các bài thơ hiện-sinh để lưu-niệm.

Phái lên án gồm có những nhà mô-phạm, những nhà đạo-đức và những nhà phê-bình văn-học theo quan-điểm luân-lý.

Chúng tôi đã nghe một người trong phái sau này nói rằng: *«kh. làm thơ hiện-sinh, người ta chỉ cần bỏ mấy trăm chữ: anh, em, tóc buồn, lối mòn, cột đèn, công-viên, đại-lộ, yêu, thương... vào trong một cái ống rồi lùa-lắc, bốc ra chữ trước, chữ sau, đắp lại theo thứ tự đó, muốn xuống dòng chỗ nào tùy ý thì người ta có ngay một bài thơ hiện-sinh».*

Trong mục « Nói hay Đừng » (Tự-do 15-12-60) ông Tiến-Châu có viết như sau :

« Thực ra, khởi đầu bằng một ý-tưởng Tự-do quá phóng-tung, rồi noi theo một đường lối phông tạo, đó chính là sự phát-triển một cách mù-quáng những ảnh-hưởng sa-đọa, đồi-bại của Tây Phương. Đó chính là thủ đoạn của những con người lừng-

khùng, chỉ biết có lợi dụng và ăn bơ làm biếng. Vì với những đoạn văn thơ đầu Ngô mình Sở, tục-tần dâm-dăng, có phải là họ làm văn-nghe đầu ! Họ chỉ muốn leo lên địa-vị trong văn giới mà không muốn mất công-phu sáng-tạo ».

Điều chúng ta hoàn toàn đồng ý với ông Tiến-Chiêu là những kẻ « lừng-khùng », « ăn bơ làm biếng » thì không đáng gọi là văn thi-sĩ ; những sáng-tác « dễ dàng », những bài văn học trò ngô-nghe, những sự mô phỏng hay bắt chước ngu xuẩn, không có bản chất dân-tộc, đều không đáng gọi là thơ Việt-Nam. Mà nếu phải gọi là thơ thì đó chỉ là một thứ thơ « tiếm-vị » như thi-sĩ Nguyên-Sa đã có lần nói đến.

Tuy nhiên, nếu bảo văn thơ « tục-tần dâm-dăng » không phải là văn-học thì nhà phê-bình đã đứng trên phương-diện thuần-túy đạo-lý mà xét văn-học. Đành rằng, ta thấy luôn luôn có sự liên-hệ giữa đạo-lý và văn-học. Nhưng xét kỹ thì lại thấy hầu hết các đại tác-phẩm, các « biến-cổ văn-học » đều mang theo với nó một cuộc xúc-phạm đến đạo-lý rõ-ràng. Truyện Kiều của Nguyễn-Du, các tác-phẩm của Vũ-trọng-Phụng, tiểu-thuyết của Winsor, của Flaubert há chẳng phải là những sáng-tác văn-học xúc-phạm đến luân-lý và đạo-đức sao ? Do đó, khi phê-bình

văn-học, nhà phê-bình sẽ phải nói rõ cương-vị của mình (văn-học hay luân-lý) để tránh sự lệch-lạc, sự lầm-lẫn phiến-diện.

Emile Zola trong « Bàn về luân-lý trong văn-chương » có bênh vực quan-diểm phê-bình thuần-túy văn-học như sau :

« Đối với tôi, vấn-đề tài-năng là vấn-đề quyết định trong văn-học. Tôi không hề hiểu được ý nghĩa đạo-lý hay không đạo-lý mà người ta gán cho một nhà thi-văn ; nhưng tôi hiểu rõ thế nào là một nhà thi-văn có tài hay một tác-giả bất tài. Và khi một nhà thi-văn có tài, thì tôi tin rằng người ấy có thể làm được tất cả ».

Bình-tĩnh mà xét thì thấy trên thế-giới cũng như ở Việt-Nam nền văn-học hiện-sinh — trong đó có thi-ca hiện-sinh — đang tiến-triển theo nhiều chiều hướng mới lạ. Cho nên, thái-độ hợp lý nhất là chúng ta nên dành sự phê-bình có tính-cách quyết-đoán và chung-thầm cho lớp người sau chúng ta, lớp người này nhờ thời-gian sẽ thấy rõ hơn chúng ta những đặc điếm cũng như những giá-trị của thời-đại chúng ta.

CHƯƠNG II

NHỮNG BÀI THƠ HAY CÓ KHUYNH-HƯỚNG HIỆN-SINH

Cái hay của các bài thơ chọn sau đây là ở chỗ nó gây được những vấn-đề mới mẻ, liên-hệ đến cuộc sống của chúng ta hôm nay : vấn-đề dân-chủ của Quách-Thoại, vấn-đề triết-lý về cái chết của Nguyên-Sa, vấn-đề tôn-giáo của Xuân-Phụng, vấn-đề tâm tình «buồn không ai hay » của Trần-Thy Nhã-Ca. . .

Về hình-thức, khuynh-hướng hiện-sinh dùng tất cả các thể-thơ mới, ngoại trừ thơ song thất lục bát, và thêm vào : thơ bằng văn xuôi (poèmes en prose).

Chúng ta cũng dễ ý thấy nhiều bài thơ chữ đầu không viết hoa và cũng không hề có dấu chấm phết, người đọc thơ muốn ngắt hơi nơi nào tùy ý.

BÙI - GIẢNG

Bùi-Giảng là nhà thơ say-mê triết-gia Heidegger.

Tác-giả « Tư-Tượng Hiện-Đại » có nhưn khát-vọng sâu xa và ưu-tư chán thực được biểu-lộ trong tập thơ « Mực Nguồn ».

Bài « Nhiên-Tượng » trình bày một thứ tình yêu bao phủ trong mộng và thực giao thoa. Trong say đắm với xrong da, nhà thơ vẫn hoài vọng với sông nước, với mây trời xanh, với sóng vàng kim hải và vẫn khoắc-khoải với mộng thừa trong thơ đất. Tình ý phức-tạp, nhiều hình-ảnh hiu-hắt cảm-dộng.

Bài « Bờ trần-gian », với một cái đề rất triết, có một giọng nửa đùa nửa cợt như muốn che bớt tâm-sự u-uất, đoạn-trường. Nhưng làm sao giấu nổi ?

1.— NHIÊN - TƯỢNG

Xin ngó lại bàn chân em bước

Vì em đi vào lúc gió đang bay

Năm ngón nhỏ như sương đầm lá ướt

Em đưa tay anh với bắt chừng này

Ngồi kể lại chuyện ngày xưa cũ-kỹ

Em không nghe vì anh cũng không nghe

Hồn hoa phấn xông hương sâu dị dị

Tóc vàng tơ tỉ-mỉ ngón tay dè

Vì ngọc trắng cát lằm thu xiêu lệch
Gió băng trời xin thổi bụi bay theo
Ngàn xuân rộng vô ngần trong bóng nguyệt
Đầu xanh em tư lự suốt thông đèo

Nằm xuống cỏ nghe tràn lan nước gội
Chảy vòng quanh Thu Lục Tỉnh bao-la
Cồn Sa-Đéc Sóc-Trăng sương vôi vối
Gió lên bờ kim hải sóng xanh xa

Chợt ngoảnh lại thấy rằng em ngủ mất
Em ngủ quên phiền sương rộng trắng ngà
Hồn bỏ lại mộng thừa trong thờ đất
Anh nhìn em trong suốt giữa xương da

BÙI-GIÁNG
(Mưa Nguồn)

2.- BỜ TRẦN-GIAN

Đường cong có cỏ mọc ven bờ
Cây đứng trong vườn lá chuối tơ
Chó sủa sớm chiều đi qua ngõ
Gà con mất mẹ chạy băng quơ

Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu
Em về có hỏi răng ri rứa
Nhắm mắt đưa chân có bận liêu.

BÙI-GIÁNG
(Mưa Nguồn)

CUNG-TRẦM-TƯỚNG

Thơ Cung-trầm-tướng rất được nhiều bạn trẻ yêu thích. Hai bài thơ sau, chúng tôi chép lại trong tập lưu-ký của một người bạn.

« Đêm Sinh-Nhật » chứng tỏ một tài-năng sáng-tác và gợi cảm. Lời thơ hay, ý thơ đẹp, giọng thơ chân thực.

« Truyện tình » là sự « nhập cuộc » của một đôi tình nhân gặp-gỡ trong một quán nhỏ, chiều mưa. Hãy chú-ý đến hai câu cuối của bài thơ.

3.— ĐÊM SINH-NHẬT

mưa rơi đêm lạnh Saigon
mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi ?
mưa hay trời cũng thế thôi
đời nay biển lạnh, mưa bồi đất hoang.
hồn tu kín xứ đa mang
chóng hao tâm thể, sớm vàng lượng xuân
niềm tin tay trắng cơ bản
cuối hoàng-hôn lịm bóng thần tượng xưa

đêm nay trời khóc trời mưa
gió lùa ẩm đục, trời đưa thu về
trời hay thu khóc ừ-ê ?
cổ cao áo kín đi về buồn tôi.

CUNG-TRẦM-TƯỚNG

(Thế-kỷ 20)

4.— TRUYỆN TÌNH

Trời ngoài mưa âm đục
Dây trùng dây đan nhau
Thương yêu thành ngã bốn

Quán trong nhỏ môi thâm
Tình nhân đôi gặp-gỡ
Đan nhau bằng ngón tay

Ý riêng tôi nhân ái
Chứng-kiến ngồi vu-vơ
Tình nhân đôi nho nhỏ
Đan nhau bằng mắt ngơ

Phút ấy thật hiện-sinh
Truyện tình ôi dung ái !

CUNG-TRẦM-TƯỢNG

(Thế-kỷ 20)

DUY - NĂNG

Duy-Năng đã đi từ lãng-mạn hiền-hậu đến hiện-sinh, một thứ hiện-sinh cũng hiền-hậu, không đòi hỏi, không kêu thét dữ-dội.

« Nguồn » là một tuổi thơ vẫn xuôi thuộc trào-lưu chấp nhận cuộc đời của một nhà thơ tha-thiết với sự sống.

« Chân dung » là cuộc truy-hoan trong mơ với người em dài-các. Có những câu thơ làm sống lại cái không-khí « Liều trai chỉ dị » của Bồ-Tùng-Linh.

5.— NGUỒN

Anh nói chắc rằng chưa một lần nào bước chân giẫm lên đây,

Có nhiều con thuyền đường giao-duyên mà hai lẽ là hoa hồng vừa độ nở.

Những con đường rộng thênh-thang không tiếng còi xe ngăn trở,

Một thành-phố rất xa.

Trời có màu áo của em— màu tím hai mươi nay đã sang màu xanh hy-vọng — choàng rộng trên đầu.

Đón từng mái tóc trắng phau của cha mẹ già nua,

Cũng có thể là những chiếc nệm bông tinh-khiết của những cặp vợ chồng sắm trước tối tân-hôn.

Anh đang nghĩ về nhau.

Dù chỉ là một đám mây đưa.

Anh nói chắc rằng thành-phố đẹp.

Một công-viên xanh mượt cỏ, có giải nước chảy ngang làm gương cho lưng cầu trang-diễm.

Chiếc ghế dài màu nhung thắm cho nơi hò hẹn mùa xuân.

Và con đường trải lá cuối mùa dẫn đến nơi xa, nơi vừa chấm dứt ở điếm dừng chân em.

Hương đi diu-dặt,

Anh yên lòng chờ em mà không sợ cuộc đời khuấy-phá.

Chẳng tiếng động nào xui nên rời bỏ khi em nằm trong cánh tay anh.

Chẳng bắt gặp nào xui nên thêm khát khi môi tìm về đôi mắt trong xanh.

Sẽ nói bên nhau lời tha-thiết nhất,

Rằng mình sẽ đi trên những mái nhà, những khu chợ, những trung-tâm điếm của xe bốn phương về.

Rằng mình sẽ chỉ có hai đứa làm chủ lấy
những con đường giao-duyên mà hai bên lẽ hoa
hồng vừa độ nở.

Những con đường rộng thênh-thang không
tiếng còi xe ngăn trở.

Cùng với chim hát khi bóng mát vào trưa.

Và giòng mây hoa huệ đi mãi những bước
đời lang-thang.

Khi áo em làm nên màu trời xanh lơ.

Em sẽ hiện trên ghế nhung màu thẫm có gã
si-tinh đứng đợi từ lâu.

Trên môi chợt nở đóa hoa vừa hé nhụy cho
anh làm con bướm đại khờ đến nhận phấn
hương thơm.

Rồi thời-gian đọng lại qua đôi khung cửa sổ
lĩnh-hồn vì quá-khứ đã thành hôm nay và tương-
lai chẳng bao giờ xua hiện-tại.

Anh nói chắc rằng một đô-thị đúng với ước-
mơ vừa trở về tự tiềm-thức sâu-xa.

Có đôi khi mưa bụi về cho lòng sát nhau hơn
giữa một chút gió vào mùa.

Nhưng bỗng nhiên mưa thu thành gió bắc và
giông-tổ ngập công-viên.

Chiếc cầu yêu vừa gãy gục và anh kịp giữ em
trong tiếng sợ kinh-hoàng.

Bắt chợt phút giây, anh không nỡ lòng oán trách vì suốt bốn mùa sao tránh được phong ba.

Mà chỉ lay gọi em trong tiếng hải-hùng của trăm vạn hành-tinh đang thi đua nhau làm sấm sét gió mưa.

Đôi mắt em vẫn đi vào vô vọng mà chung quanh thì không một tiếng đáp lại giọng yêu cầu.

Bơ-vơ đến lạ-lùng.

Bầu trời xanh chợt tối với tiếng chim hát tắt nghẹn tự lúc nào.

Những tàn cây lớn để ngọn lưng-chùng, dáng cong cong hình nắm mộ không người chăm.

Và con đường rộng thành-thang đầy cây cảnh rơi rụng như chân tay một thể xác tan tành.

Anh cúi mặt khóc, đọc một lời cầu xin chới-với.

Nước mắt anh rơi trên mầu trinh-khiết làn da và mắt em chợt mở cho sống lại một nụ cười.

Nhưng nụ cười không còn vĩnh-cửu như chính nỗi mừng tan biến giữa lòng anh.

Vì em chỉ nhìn một lần để ngậm-ngùi theo câu nói.

Ta chỉ mới có hai người, rồi xa cách ngàn thu.

Anh đưa em cùng cỏ hoa làm thành một
năm mộ bên đồi, đứng trên đồi nhìn xuống bờ-vờ.

Nhớ lời nuôi tiếc, ta mới chỉ có hai người,
chợt thấy trở về tự một giấc mơ.

Có phải thế không em, linh-hồn vừa trở lại,

Linh-hồn anh vừa trở lại báo tin,

Cho đến khi em về với mãi mãi sẽ có tiếng
gọi vào bầu và bàn tay đưa đón bế bồng.

Tiếng anh vang đi cũng có lời vọng lại
chân thành.

Con đường bên dưới vẫn rộng chiều sa-mạc,
không một cành hoa còn nở, thật đau thương.

Mầu xanh hy-vọng lại trở về sắc tím ưu-tư,
bầu trời hun hút.

Rồi núi đồi thu nhỏ vòng vây

Và anh hãi-hùng nức-nở nghe chừng máu
nghe qua tim.

Ánh sáng vào đêm dẫn anh về lối cũ,

Thành-phố sớm lên đèn cho một bầu chim
nhìn lại gọi lời chào trên đường về xóm thôn.

Có cặp vợ chồng dạo phố và người con gái
giữ tình nhân đứng trước mặt bàn tay người hành-
khất đưa lên.

Tiếng trống bãi trường trẻ nải đề tiếng cười
của đàn trẻ đại thơ ngáy ra giữa hoàng-hôn.

Và trước mặt anh năm bảy con đường
gấp-gỡ.

Đề tiếng còi xe vang lên rộn-rã như tiếng gã
chăn cừu gọi lại đàn cừu khi nắng hết giữa
đồng xanh.

Chiếc xe dừng lại bên lề cho người bộ-hành
trú ngụ đề sớm thấy bên nhà đang chờ đợi một
bóng dáng thân yêu.

Anh chấp tay cầu-nguyện.

Thành-phố có công-viên, có suối nước, có
con lộ rộng thênh-thang dành riêng cho hai đứa đã
thành cô-độc suốt đời cũng vì chỉ tìm nhau sống có
hai đứa mà thôi.

Rồi bước vội lên xe khi báo hiệu khởi-hành.

Người tài-xế nghiêng đầu lịch thiệp đón chào
anh.

Cô gái hàng rong mở lời mời, niềm hy-vọng
chất đầy trong khóe mắt đã đến tuổi ân tình.

Mà bỗng nhiên anh chợt hiểu.

Khi thấy người ngồi trong chuyến tàu đi có
cả em.

Em của anh.

Những con đường dài rộng tiếng cuộc đời,
đón chuyến xe đi vào giữa thị-thành.

Cùng qua những giải đồng xanh.

DUY-NĂNG
(Hiện-Đại)

6.— CHÂN-DUNG

Khói mây ai quện nên hình

Đêm nghe lòng dửng lữ thành nhớ thương

Giật mình sống giữa trăm hương

Tay trên mười ngón thơ dường ra đi

Khói mây nào quện kiều nhi

Sầu theo về động biên-thùy hai mươi

Thoảng bên gối mộng không lời

Hồ ưu-tư động dáng người trần-gian

Ngất ngây phần đại hoa ngàn

Da thơm... nền trắng... bắc tàn... nửa canh

Lệ nghiêng môi thắm riêng mình

Hỡi ai đài-các cho thành thiên-thu

DUY-NĂNG

DƯƠNG - KIỀN

« Còn chi nữa » là hình ảnh một cuộc dạ-vũ có ánh đèn mờ, có người nhạc-sĩ già, có những cặp tình nhân, có rượu và có người bạn gái của nhà thơ. Kết thúc tất nhiên của dạ-vũ chính là sự chán chường, mệt mỏi như ta từng gặp trong các tác-phẩm của Sagan.

« Tương-tư chiều I » có nhiều vần đẹp, gợi hình và gợi cảm.

7.— CÒN CHI NỮA

Khi đã giam chân trên sàn gỗ
 Là đã giam hồn trong cánh tay ôm
 Bản luân vũ buồn nhỏ nhỏ
 Mỏi bơ-vơ tìm một ngấn cổ tròn

Ánh đèn mờ như khói
 Sàn gỗ bóng như gương
 Thân lả-loi dui tới cõi yêu đương
 Nhạc quẩn-quít, hồn quay không biết mỏi

Người nhạc-sĩ già trong góc tối
 Mu bàn tay chẳng-chặt vết gân xanh
 Run-rẩy đưa giòng nhạc biếc lên nhanh
 Đầu cúi thấp, tơ chùng và nhịp mỏi

Cặp tình nhân yêu đương trong góc tối

Đêm dài cũng cạn

Như một chiếc ly không

Thân chưa diên-đảo

Nhạc đã buông chùng

Sao rã-rượi gót chân lên kẻ tóc

Rượu đầu em ? Chuốc thật say

Bốn phương hồ có đông đầy chén không

Dù cho con sáo trong lồng

Hay con sáo đã sang sông, xá gì

Dù cho giũ vện câu thơ

Hay đành lỡ-dở, khác gì đêm nay

Tàn canh tàn cuộc tỉnh say

Con bướm bướm mộng xa bay nẻo nào

Sầu dần lắng, nhạc dần cao

Bơ-vơ còn đốm lửa sao cuối trời

DƯƠNG-KIẾN
(Thú Đau Thương)

8.— TƯƠNG TƯ CHIỀU

I

Tôi yêu em

Vì em yêu tôi

Thon thon búp lá

Nhựa tràn lên môi

Mắt nhắm nhìn em nhắm mắt

Vẫn thấy em cười

Nhạc tròn cung bậc

Chiều buồn ra khơi

Tôi chép hồn tôi lên giấy

Chỉ thấy :

— Yêu ời, yêu ời là yêu ời...

Rừng phong đổ lá

Khoác kín lên chiều

Hiu hiu gió lạnh

Nhớ ai nhớ nhiều

Tròn dăng khói thuốc

Nắng vút tiêu điều

Tương tư chiều biếc lên chiều

Bâng quơ viễn ảnh phiêu diêu tiếng huyền

Mắt em ghé mấy con thuyền

Rồi mai xa vắng đứng yên trong buồn

Một yêu nước lũ quanh cồn

Thuyền không tôi bắc mảnh hồn sang thăm

DƯƠNG-KIẾN

(Thú Đau Thương)

NGUYỄN - SA

Thơ Nguyễn-Sa bài nào cũng hay. Chúng tôi chọn « Lúc Chết » và « Tương-Tư, Mời ».

« Lúc Chết » có những hình-ảnh độc-đáo.

T. S Eliot, cùng một đề-tài về cái chết, đã viết :

« Thời-gian và tiếng chuông đã chôn ngày

Mây đen đã đem mặt trời đi

Cây hướng dương có nghiêng về ta chẳng ?

Cây tiên nhân thảo có ngã về ta chẳng ?

Cây leo, nhánh nhỏ có bầu lấy nhau, tuyệt diệt chẳng ?

Chiếc giá đèn sắp hình tam giác như ngón tay

Có phủ quanh lạnh lẽo trên người ta chẳng ?

Khi mà cánh chim sả cá

·Đã trả ngày lại cho ngày, yên lặng

Ngày buồn thăm trên trục bất động

Của thế-giới quay cuồng . . . »

Cái hay của « Lúc Chết » là ở chứa chất của nó : không phải sự ghê gớm, không phải sự hận-thù mà chính tình thương làm cho cái chết thành dễ chịu.

Ấu đó cũng là một thi-triết về cuộc đời.

« Tương-Tư, Mời » là hai bài thơ cùng một đề-tài luyến-ái. Mỗi tình trong « Tương-Tư » mơ-màng, êm-dịu, một mối tình rất phương Đông, thanh-cao và đẹp-đẽ ; trong toàn thể bài thơ, câu nào cũng hay, ý nào cũng đẹp : một bài thơ toàn bích.

9.— LÚC CHẾT

Anh cúi mặt hôn lên lòng đất
Sáng ngày mai giường ngủ lạnh còn-trùng
Mười ngón tay sờ-soạng giữa hư-không
Đôi mắt đã trũng sâu buồn ảo-ảnh

Ở trên ấy mây mùa thu có lạnh
Anh nhìn lên mái cổ kín chân trời
Em có ngồi mà nghe gió thu phai
Và em có thấp hương bằng mắt sáng ?

Lúc ra đi hai chân anh đang trước
Mắt đi sau còn vương-vắt cuộc đời
Hai mươi năm buồn ở đấy, trên vai
Thân-thể nặng đóng đinh bằng tội-lỗi

Đôi mắt ấy đột nhiên buồn không nói
Đột nhiên buồn chạy đến đứng trên mi
Anh chợt nghe mưa gió ở trên kia
Thân-thể lạnh thu hình trong gỗ mục . .

Anh chột ngứa nơi bàn chân cỏ mọc
Anh chột đau vùng trán nặng đêm khuya
Trên tay dài giun để rủ nhau đi
Anh lặng yên một mình nghe tóc ướt. . .

Nằm ở đây, hai bàn tay thắm mệt
Ngón buông xuôi cho nhẹ bớt hình-hài
Những bài thơ anh đã viết trên môi
Lửa trái đất sẽ nung thành ảo-ảnh. . .

NGUYỄN-SẠ
(Độc-Lập)

10.— TƯƠNG-TU

Tôi đã gặp em từ bao giờ
Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya
Kể từ gió thổi trong vùng tóc
Hay lúc thu về cánh nhạn kia ?

Có phải em mang trên áo bay
Hai phần gió thổi, một phần mây
Hay là em gói mây trong áo
Rồi thả cho làn áo trắng bay ?

Có phải mùa xuân sắp sửa về
Hay là giá lạnh lúc đêm khuya
Hay là em chọn sai màu áo
Để nắng thu vàng giữa lối đi

Có phải rằng tôi chưa được quen
Làm sao buổi sáng đợi chờ em ?
Hay từng hơi thở là âm-nhạc
Đàn xuống cung trầm, mắt nhớ thương

Buổi tối tôi ngồi nghe sao khuya
Đi về bằng những ngón chân thưa
Và nghe em ghé về giấc mộng
Vành nón nghiêng buồn trong gió đưa

Tôi không biết rằng lạ hay quen
Chỉ biết em mang theo nghề thương
Cho nên cặp mắt mờ hư-ảo
Cả bốn chân trời chỉ có em

NGUYỄN-SA

MỜI

Tôi trân-trọng mời em dự chuyến tàu tình-ái. Trong một phút, một giây cuộc hành-trình sẽ mở. Tôi mời em. Trân-trọng mời em cùng đi, cùng khai-mạc cuộc đời.

Tôi mời em vứt bỏ lại đằng sau những kinh-thành buồn-bã với phong-tục, thói lễ, bạc vàng giả-dối : muốn làm người yêu thì phải đồ Tú-Tài.

Tôi mời em đi ngay. Không cần lấy vé. Không cần phải đợi chờ vì điều-kiện du-hành là những ngón tay lồng vào nhau và tâm-hồn đừng đơn-chiếc.

Còn nếu cần thì tôi sẽ làm người bán vé. Nhưng tôi sẽ không quên làm người đồng hành duy nhất để đưa em đi. Và tôi sẽ làm người lái tàu để không ai được dự phần vào câu chuyện đời ta.

Vé có thể là những lá thư xanh. Tàu là gian nhà rất nhỏ. Nhưng mỗi ga chắc-chắn sẽ là những chiếc hôn nồng cháy cuộc đời.

Tôi mời em đi ngay. Em có thể đến đây với đôi giày gót cao để tôi tưởng mình em vóc hạc. Nhưng nếu em vội-vã thì em cứ đi chân không. Tôi sẽ bọc mười đầu ngón chân với tất cả linh-hồn say-dắm yêu em.

Em có thể tô môi son rất đỏ như khi đi dự một dạ-yến tung-bùng. Em có thể để phấn hồng trên má, trên áo màu những vòng kim-tuyến kết hoa đăng.

Nhưng nếu vội-vàng mà em để vành môi tái nhợt, mớ tóc bù tung. Thì có hại gì đâu em ? Cuộc hành-trình sẽ khởi vào đêm khuya. Tôi không nhìn thấy má hồng non vì còn mãi-mê với tất cả em tràn đầy trong đáy mắt.

Tôi cũng đi rất vội-vàng. Hành-lý chỉ mang theo một vòng tay để ôm em, đôi mắt say-sưa để thì-thầm nói chuyện và đôi môi để kết hoa đám cưới trên vầng trán dịu-hiền.

Em đến ngay đi.

Để tất cả gò má em ấp trên bàn tay tôi xóa hết những đường chỉ tay gian khổ.

Em đến ngay đi.

Em đến ngay cho cuộc hành-trình được mở. Gió được nổi lên từ mớ tóc phiêu bồng, thuyền dong thả từ đường môi óng-ả. Và ngực căn buồm, mắt trông tìm vội-vã :

Tôi đi vào kiêu-diễm của thân em.

NGUYỄN-SA

(Sáng-Tạo)

NGUYỄN-TRIỆU-NAM

Nguyễn-triệu-Nam cũng đi từ lãng-mạn đến hiện-sinh như Duy-Năng. Thơ điểm-tình của Nguyễn-triệu-Nam có vài điểm khác lạ.

«Màu hoa pensée» là một mối tình «trang dài nghiêng bóng nhớ», giữa một thời-đại của tốc độ và phi-thuyền không-gian

«Tên em nét ngời phương thảo» nói lên cái khát vọng vô cùng, bắt từ trong yêu đương. Cái khát vọng vô cùng bắt từ đó, hỡi ôi, luôn luôn bị đe dọa bởi viễn-ảnh của một cuộc chiến-tranh nguyên-tử ghê-gớm và kinh-hoàng.

Vấn-đề lên cung trăng, vấn-đề chiến-tranh trung hòa từ luôn luôn ám-ảnh nhà thơ cũng chính là hai vấn-đề mà toàn thể nhân-loại hiện nay đang hướng về để theo dõi trong từng giây, từng phút. Cho nên cái ưu-tư của nhà thơ cũng chính là cái ưu-tư của tất cả và của mỗi người trong chúng ta vậy.

11.— MÀU HOA PENSÉE

Nếu ngày mai sẽ mất em yêu,

Hoa lá rụng bên hồ trống-trãi.

Hoa pensée tím mãi.

Ôi mấy hàng mắt chữ đăm-chiêu

Chụp hồn ta tư-lự

Trút xuống mười ngón tay hòa lại khúc ca
yêu.

Dù thời-gian có tốc-lực con tàu vũ-trụ
Không phai được màu hoa bất tử
Hoa tim còn tim sắc yêu thương.
Màu nhớ-nhung tím cả trùng-dương
N như thiên-thần lớn dậy
Khát tình yêu chẳng thiết thiên-đường,
Ta yêu em
Trang dài nghiêng bóng nhớ,
Sao trên trời muốn nói,
Núi chuyển mình, xao-xuyến nhịp cung
thương.
Ôi ngày mai !
Ta phải mang trong lòng một sa-mạc cô-đơn,
Một đại-dương sâu-não
Vì mất em,
Những phi-thuyền rụng trước Vô biên,
Dòng năm tháng trôi vào Bất tận
Nhưng hồn ta đã thuộc về em
Nơi cuộc đời hữu hạn
Ngăn biên-giới thông ngàn,
Nơi một đời sống khác
Vĩnh-cửu trong cách biệt không-gian.

NGUYỄN-TRIỆU-NAM

12.— TÊN EM NÉT NGỜI PHƯƠNG THẢO

Em ở phương nào dù đường xa vạn lý,
Mòn gót phiêu linh, ta ngại gì lê bước tìm em.
Ôi xuân nào hoa tuyết nở,
Thu nào vàng lá platane !
Em chờ ta, ứa cả thời gian.

Ta gọi tên em ngàn lần cho đỡ nhớ,
Ngàn lần buốt nhói trong tim,
Ngàn lần tăng thêm nỗi nhớ,
Ta vẫn gọi tên em
Cho tiếng lòng xao động bóng trăng đêm,
Huyền nào lời cảm tinh tú.

Ta muốn tìm em trước thời gian dậy sóng,
Khoảng cách chân-không
Liên tiếp rung ngàn tên lửa
Ngăn không cho gỗ cửa vô cùng.

Ta cầu sao Mai hãy bùng lên ánh đuốc
Soi cho ta thấy rõ đường đi
Trước khi bóng tối nặng nề
Chùm phủ tương lai điều tàn đồ vớ

Dưới trận bom trung hòa tử
Tàn phá những kinh thành,
Xin cho ta gặp em vừa lúc
Trường sắt kinh hoàng sập đổ.

Ta viết tên em,
Nét vàng nhầy múa,
Ta đọc tên em,
Ngàn mũi kim âm thanh nhọn bén
Châm nát tim ta.
Thành quách nguy nga
Hiện lên rồi vụt biến,
Chân mây đang màu cực tím
Ngả sắc da cam.
Lối mòn tới em khi mờ, khi tỏ.
Dù tên em sẽ nằm trong diên cố,
Nét vẫn ngồi phương thảo thời gian.

NGUYỄN-TRIỆU-NAM

(Tiêu-Thuyết Tuấn-San)

QUÁCH - THOẠI

Qua ba bài thơ « hỡi các lực-lượng dân-chủ », « hải-cảng » và « triều » sau đây, chúng ta thấy Quách-Thoại đã khai-triển một học-thuyết có thể gọi là học-thuyết dân-chủ trong thi-ca Việt-Nam, nhằm đề-cao sức mạnh dân-chủ cùng với năng-lực sáng-tạo của con người trong cái lực-lượng tập-thể đó.

Cũng như thi-sĩ Coleridge và triết-gia Carlyle của Anh-Cát-Lợi, Quách-Thoại xác-nhận khả-năng của con người có thể trở thành anh-hùng và chinh con người làm lịch-sử.

Nhân danh học-thuyết dân-chủ mà thi-sĩ say-mê tha-thiết, Quách-Thoại bài-xích và thóa-mạ những ảnh-hưởng đau thương mà con người phải chịu đựng trong xã-hội hiện nay.

Chúng ta có thể xếp những bài thơ sau đây của Quách-Thoại vào trong loạt những bài thơ hay nhất thuộc trào-lưu phản-kháng của thi-ca hiện-sinh trên thế-giới hiện nay.

Quách-Thoại mất năm 1957, giữa tuổi hoa-niên, trong lúc thiên-tài đang độ nảy-nở. Chúng tôi cho in các bài thơ sau đây của Quách-Thoại với tất cả tấm lòng tưởng mộ một nhà thơ mà chúng tôi tin rằng tuy đã sớm mệnh-một, nhưng sẽ sống mãi với văn-học Việt-Nam.

13.— HỜI CÁC LỰC-LƯỢNG DÂN-CHỦ

Đến lúc phải tỉnh thức

Không còn được mê ngủ

Đến lúc phải đứng dậy

Phải đứng dậy đầy đủ

Hỡi các lực-lượng dân-chủ
Chúng ta phải gây lại sức mạnh hùng-cường
Vì độc-tài thì vô lượng
Âm-mưu, lý-thuyết, tổ-chức, thủ-đoạn
Hành động thì dã-man vô lường
Ôi chao ! đau thương không thể tưởng
Hỡi các dân-chủ lực-lượng
Hãy thận trọng đoàn kết và dũng-mãnh bước
lên đường

14.— HẢI-CẢNG

Chúng ta phải dùng sắt đá
Đề làm lại xã-hội của chúng ta
Kìa tiếng ai cười vui quá lạ
Đường hy-vọng sáng bao-la
Chúng ta tiến ra đi
Phá đồi gieo lúa mạ
Khai vườn ruộng trồng hoa
Ôm nhân-dân mà hát
Nhìn quần chúng mà ca
Yêu đời không thể tả

Đau thương đã tàn-tạ
Giãe ác mộng vừa qua
Nặng đã lên rồi đó.
Bình-minh về giữa chúng ta
Này các thi-sĩ hãy làm thơ
Đề ca-tụng người thợ
Tu-tướng phải được tôn thờ
Hỡi nhà văn nặng nợ
Hãy dùng bút mà mở
Tất cả cửa tâm-hồn
Nhạc thơ trà-trộn
Chúng ta ôm hôn
Người dân cây dói khổ
Em bé nhỏ đại khờ
Phải gây thêm sức thờ
Những bộ ngực còn thơ
Phải làm cho hớn-hở
Những bộ mặt thờ-ơ
Phải làm cho thắm nở
Về khô-khan nghi-ngờ
Ngày vui về giữa hội chợ
Chúng ta cùng nhau gặp-gỡ

Và nhất quyết chúng ta gánh chở
Cả cuộc đời rục-rỡ
Lên con tàu ngày nay
Tiến ra giữa đại dương ngày mai rộng mở
Mênh-mông xanh thẳm là bến bờ
Anh em ơi !
Hải-cảng là đây
Ôi chao hạnh-phúc thật vô cùng rạng-rỡ

15.— TRIỀU...

Triều đã dậy
Đại dương bừng sóng bão
Núi xôn xao rừng chuyển nhịp chân Người
Đau thương tàn đất cũ nở hoa tươi
Đêm u tối vừa qua ngày sáng tới
Ôi ! quá-khứ đã về đây Hội mới
Cả loài người đang hợp dựng tương-lai
Hãy ngủ im đi lịm hẳn tiếng thở dài
Mai rục sáng cười ca lên chất ngất
Tình đã dậy bắt tay ngồi chật đất.

Ấp yêu nhau giữa xã-hội hòa đồng
Chúng ta ôm đau khổ bể bồng
Tôn nhân-loại đề lên ngôi thần thánh
Ôi ! nặng trĩu thuở đôi vai gồng gánh
Ôi ! văn-minh nay tiến-bộ diệu kỳ
Chúng ta nhìn Hy-vọng tiến ra đi
Niềm tin-tưởng nắm trong tay vững chắc
Thiên-liêng thay mỗi tình người kết chặt
Hát hân-hoan khi thế-hệ trưởng thành
Phút giao-hòa nhân-loại hết tương tranh
Ôi ! kết hợp trong một giờ hội-ngộ
Năng bình trị trời thanh quang trên đại lộ
Xây cao xây Đại nghiệp của loài người
Chúng ta đứng lên hùng-vĩ hát ca cười
Tiến theo mãi xe vô cùng sáng-tạo

QUÁCH-THOẠI

(Văn-Nghệ)

TẠ - TỴ

Tạ-Tỵ vừa là một họa-sĩ, một văn-sĩ và thi-sĩ.

Trong lời đầu sách tập truyện « Những viên sỏi » của Tạ-Tỵ, nhà văn Hiếu-Chân có viết : « Tôi yêu Tạ-Tỵ thi-sĩ với những vần thơ đầy Tình Thương của anh hơn là yêu họa sĩ Tạ-Tỵ ».

Thơ Tạ-Tỵ có những rung-dộng rất chân thực và rất thấm-thiết.

« Thương về 16 » là một mối tình nghệ-sĩ. Nhưng vì sự cách biệt của tuổi tác, nên nhà thơ dành chỉ « ôm mặt thương mùa thương 16 ».

Lời thơ tha-thiết, nhạc thơ êm dịu.

Hãy chú-ý đến hình-ảnh đẹp trong câu thơ này (1)

Bài thơ của một người » là mối tình bạn chân thật. Ở đây, chúng ta đã quá xa cái say-sưa của Lý-Bạch ; cái say-sưa ở đây có những khía cạnh rất thời-đại, cái say-sưa của hai người cùng một cảnh-ngộ, cùng một cảm-thông, cái say-sưa trong cuộc sống đẹp và nghệ-thuật của một J. Cocteau.

16.— THƯƠNG VỀ 16

Đừng hát nữa để tơ sầu rối chỉ

để nhạc buồn đổ nặng xuống bờ mi

để âm-thanh nức-nở quá chu-kỳ

vẫn chưa hết tuổi thương về 16

Anh biết lắm nỗi đau còn ần náu
quần quanh đây đè nặng chũu đôi vai
mười ngón tay run bắt bóng đêm dài
khói thuốc chẳng che mờ hai khuôn mặt

Anh vẫn phải nhìn em bằng hố mắt
của giận hờn vì đánh mất ngày thơ
năm tháng giang tay lấp nẻo hẹn-hò (1)
tình chết yếu phai mờ gương nhan sắc

Anh lang-thang với u-hoài dằng-dặc
mệnh-mông về trán nhỏ đọng trời cao
cửa lòng anh bỏ ngõ chẳng ai vào
bốn mùa lạnh gió lùa trong óc rỗng

Buồn thế-kỷ anh chôn theo giấc mộng
cùng tình em dài lắm với mùa thu
cùng thơ anh với tất cả oán thù
tuổi 16 đi rồi không trở lại

Đừng hát nữa bây giờ và mãi mãi
đừng cho anh tuổi 16 ngày xưa
để nhớ thương xóa tóc rợn âm thừa
từng ngón nhạc cong cong vào kỷ-niệm

Anh mất em mà chẳng hề tìm kiếm
từ mùa xuân cho tới hết mùa đông
chỉ lắng nghe mưa gió buốt trong lòng
tay khờ dại thả hồn ra khỏi cửa

Đề 16 không quay về lần nữa
tuổi học trò tóc kẹp với môi tươi
khép áo thời gian, trắng nửa kiếp người
anh bắt gặp bóng mình in vách đá

Đời nghèo quá không cài hoa kết lá
để làm duyên ngày trẻ với em thơ
lỡ thanh xuân tàn lụi cả mong chờ
anh ôm mặt thương mùa thương 16.

TẠ-TY

17.— BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI

Quán rượu nửa đêm
Tìm màu huyết dụ
Tái-tê vài cánh hoa hồng
Gục đầu bờ ly gờn gợn.

Nửa đêm quán vắng
Những giọt nấn tàn hoen lòng đĩa xám
Những bàn tay thôi nhớ những bàn tay
Những sợi tóc phai dần mùi hương quyến-rũ

Còn lại
Hai đứa chúng mình
Uống rượu nhìn mưa chạy dài đường tối
Những con đường chấp nối
Từ lòng chúng mình vượt qua biên-giới
Nối lại tình thương
Đã vỡ từ muôn thế-kỷ

Đêm nay quán vắng
Mưa rơi từng giọt đìu-hiu
Không đi biển mà sao lòng say sóng
Trưởng gió về đem nước mặn vào môi

Anh với tôi
Gặp nhau đề rồi
Ngày mai ngày kia
Có lẽ sau đây một phút
Sẽ xa nhau,

Buổi tiễn biệt sẽ buồn như vĩnh-biệt
Khi nghe tin người bạn thơ
Đã chết một hôm nào
Trần-trường không cơm áo

Uống đi anh
Ly này là ly thứ mấy
Buồn này là buồn hôm nao
Khi giã từ đôi tay bé nhỏ
Anh rót cho tôi
Cả u-sầu vạn thuở
Đang động trên tóc người vũ-nữ
Có nét mặt yêu tinh
Qua ly rượu đỏ
Đỏ như máu động ở môi
Vỡ toang tiếng cười pha-lê nước-nở.

Hãy uống đi
Còn đêm nay nữa
Mai anh lên đường gói súng

Tôi về gác nhỏ
Nhìn mưa rơi trên lối mòn ủa cỏ
Rượu thời đầy áo khép tuổi chia-ly

Có buồn không
Mà sao hơi rượu
Dâng vào mắt anh
Thấm vào hồn tôi
Trút tiếng thở dài đêm khuya úp mặt

Anh nhìn tôi
Tôi cúi xuống
*(Bọt rượu sôi lên trong đáy cốc
Thoáng ai về giữa men đắng đêm nay)*

Ghi nát bàn tay
Lòng thủy-tinh lạnh ngắt
Nửa tiếng sao rơi
Nhạc nấc u-hoài điệp-khúc

Cô gái nhỏ gục đầu thồn-thức
Rượu hết rồi mưa trắng đêm nay.

TẠ-TÝ

(Trong «Hội ca» sẽ xuất-bản)

THÁI - THỦY

Thái-Thủy là nhà thơ chấp nhận sự hiện-hữu của linh-hồn và Thượng-Đế.

« Trả lại hồn tôi » là một tiếng gọi lâm-lý và gọi cảm.

Những vần thơ làm sống mãi ở nhà thơ một mối tình cao đẹp.

« Chuyện đau thâm » trình-bày mấy ý nghĩ về thân phận con người bị ném vào hố thẳm của yêu đương, của tội lỗi trong khi người vẫn hằng mơ những giấc mơ siêu-việt.

Tất cả cái bi-kịch của con người hiện nay là ở đó.

18.— TRẢ LẠI HỒN TÔI

Thuở chữa gấp em đời như chim nhỏ

Chờ hót mừng nắng sớm lúc bình-minh

Mộng biếc cài hoa, tình vương lối ngõ

Mắt xanh hồ và tóc cũng thơm xanh

Xứ lạ phương xa nhiều trong sách vở

Xui lòng trai yêu cuộc sống phiêu-du

Phường-phố hẹp, bước dài nên bờ-ngõ

Đêm rồi đêm nằm tỉnh chuyện sông hồ

Mơ thấy đi mười lăm năm trở lại
Bạn bè mua rượu quý đón nhau về
Rũ bụi ngàn phương nhẫu vai quan tái
Góp chuyện trời xa lạ kể nhau nghe

Tàn ác quá ! Giữa trời mai diễm tuyệt
Em đến ta trong một thoáng môi cười
Thu gọn cả núi rừng lên tóc biếc
Mộng đường dài cố nhớ vẫn xa xôi

Từ đây trong ta buồn vui góp hội
Những tháng ngày chờ đợi, phút trao thư
Mộng muôn lối thu về cho một lối
Dem hồn trai dăng trợn kiếp lao-tù

Môi hồng mộng, ngực căng đầy khát vọng
Em đa tình hơn cả gái Liêu-trai
Ôi giếng mắt ! Ôi bờ mi hoang dại
Ta bàng-khuáng chừng vực thẳm rừng dài

— Em ơi em ! Mở then cài u tối
Cho tạm hồn anh thấy ánh lửa ngày
(Em không đáp, mắt sầu thêm điệu vợi
Gồng cùm chung cang khóa chặt vòng tay)

Hãy xót thương một linh-hồn thơ yếu
Đường còn xa mà tuổi đã hai mươi
Sông hồ ơi ! Nhớ dành tôi mấy nẻo
Tôi đương van nài trả lại hồn tôi.

THÁI-THỦY
(Độc-Lập)

19.— CHUYỆN ĐAU THĂM

Tôi trót sinh mang hình-hài Thượng-Đế
luôn thăm mong chối từ thân phận con người
mơ làm tảng băng thạch nghiêng mình
nghe đàn hải-cầu đùa đêm khuya
mơ làm cảnh cây mùa thu
không biết vì đâu trụi lá

Kẻ vô can ra trước pháp-đình chịu tội
làm sao cúi đầu không chống đối không van
xin
khi vòng xích vô-hình quấn tròn quanh tay
khi tương-lai nhìn bóng đêm bốn phía

chúng ta bước vào cuộc đời mắt đứng hờn
oán

tâm-hồn mong-manh và cô-đơn kêu la tuyệt
vọng

bàn tay tử tù cào tường si-măng sà-lim

khi ý thức sáng bừng đèn treo hành-lang
nhà ngục

thấy chúng mình mỗi đứa một phòng giam

ta gọi tên nhau chia niềm đau số-phận

tiếng gọi âm vang đầy hồn

không một hồi thanh thân yêu trả lại

ngoài lời hứa đứa cai tù không quyền hạn
không xót thương

Em nên nói lỏng vòng tay

dù em có ghì tôi nghệt thở

như trắng rừng ghì mỗi ngon nai nhỏ

chúng mình vẫn xa vời như hai vì sao

khoảng — cách — đều — tâm-hồn không bao
giờ đôi

sẽ không bao giờ đôi

hàng cột đèn song song và gục đầu
không bao giờ được nhìn nhau
bằng con mắt dù yêu thương dù giận-dữ

Sao chúng mình không quên những — gì —
đã — mất

sao đời không hiền lành như tranh tĩnh vật
sao mặt trời không soi sáng nửa đêm
cho chúng mình khỏi quờ-quạng tìm nhau
(trước khi bước vào hố thẳm)
cho chúng mình nhìn tỏ mặt nhau một lần
và yêu nhau tha-thiết một lần

THÁI-THỦY
(Hiện-Đạo)

TRẦN - DẠ - TỬ

Thơ lục bát của Trần-dạ-Tử đẹp và nhiều âm-diệu, nhiều hình-ảnh lạ. Đọc thơ Trần-dạ-Tử, tôi sức nhớ đến một thi-hào đã viết : « Nhà thơ chân-chính là nhà thơ biết diễn-tả cái gì mà nhà thơ thấy và cảm theo riêng mình. Nhà thơ phải trung-thực với bản ngã của mình ».

Trên thi-dân Việt-Nam hôm nay, Trần-dạ-Tử là một trong nhà thơ trung-thực đó.

20.— BÀI THÁNG TƯ

cây ngùi, bóng sẻ đôi hiên
 chiều vợ ngõ lụi, tay phiên giấc trưa
 lòng đi bước sẻ đôi mùa
 tóc thơ dài đã xanh vừa nhớ thương
 năm xa mắt sẻ đôi đường
 hồn lưu-lạc muốn về nương nấu người.

BÀI THÁNG SÁU

ngày xưa lũ giọng sông hồ
 lòng nghiêng mái giọt màn thưa mặt người
 cây buồn nặng lá chia phôi
 hồn đưa tiễn cũng vừa thôi ghen-ngào
 ngồi xem đời chấp thương đau
 anh nghe tóc nhỏ mang sầu tương-lai.

BÀI RU

mi sầu thôi khép đi em
hồn anh rộng đã trăm miền không-gian
ngày voi, cửa trống, thu tàn
lá thưa cành nặng cây dằn quạnh-hiu
lối đi vừa chớm tiêu-diêu
mùa nghiêng bóng nhỏ ngày xiêu cột dài
phổ chiều gió vọng bàn tay
ru anh về với đôi ngày lãng quên.

TRẦN-ĐẠ-TỪ

(Thế-kỷ 20)

21.— ĐẠ KHÚC MỘT

Khi buổi chiều rụng xuống, lũ cột đèn đứng lên
Con phố này nổi đau buồn bật sáng.
Làm sao anh không thể nhớ em ngày tóc
chẻ đôi
Mùa đông dài, chiếc guốc nhỏ, khua mãi vào
vô thức

Làm sao anh không thể nhớ em, dù chỉ một lần
Đã đi qua đây, không nhìn ai, và gọi tên anh.
Đêm rữ-rượu, bài hát buồn, cánh tay, rồi nước
mắt.

VÀ MỘT CHÚT ĐỜI SỐNG

Một mảnh khăn ướt đắp lên mặt nàng
Trên đó những mùa đông xám phẳng

Một tấm mền đen đắp lên thân-thể nàng
Vời cổ đại lút đầu, cùng khắp mình dĩ-vãng.

Tôi mở mắt, quờ tay, nhưng chẳng còn ai
Duy bài hát mang tên người xa vắng.

Và sự vô cùng ấy trùm lên linh-hồn này
Rồi trong đó, biển cao dần tiếng vọng,

TRẦN-ĐẠ-TỪ
(Thế-kỷ 20)

TRẦN - THY NHÃ - CA

Thơ Trần-Thy Nhã-Ca có những cảm-hứng mới lạ làm ta hết sức ngạc-nhiên.

« Bài nhã-ca thứ nhất » như chứa đựng những thắc-mắc những câu hỏi, những mâu-thuẫn vĩnh-cửu trong người con gái hiện nay : làm con gái thì đáng vui, chứ sao lại buồn, buồn thì sao lại buồn như lá cây ? . . .

« Thơ tình nhã-ca » có những hình-ảnh táo-bạo ; những hình-ảnh đó, ai ngờ chính là của một người đàn bà phương Đông vốn hiền lành và ít nói.

Từ sau thế-chiến đến nay, chưa bao giờ thi-ca nữ-giới lại làm ta vừa suy-nghĩ, vừa thích-thú đến như thế.

22. - BÀI NHÃ-CA THỨ NHẤT

Tôi làm con gái

Buồn như lá cây

Chút hồn thơ dại

Xanh xao tháng ngày

Tôi làm con gái

Một lần qua đây

Rồi không trở lại

Ôi mùa xuân này.

Tôi làm con gái,
Một lần yêu người
Một lần mãi mãi
Bây giờ chưa thôi

Tôi làm con gái
Bao nhiêu tuổi đây
Bấy lần ngây dại
Buồn không ai hay.

TRẦN-THY NHÃ-CA
(Hiện-Đạt)

21.— THƠ TÌNH NHÃ-CA

Kỳ-diệu thay khi nghĩ đến anh
biển lũng sâu thấp xuống, thấp xuống dần
rồi thì núi dưới mình cao lớn
và trời đất bao-la
trên thân phận em bé bỏng

Từ những niềm bí-mật đang họp nhau thành
chợ

tôi bước ra một mình

những người khác cũng bước ra một mình

chúng ta kề tai nói nhỏ với vô-biên

niềm bí-mật ấy, những tình yêu khó hiểu

Kỳ-diệu thay khi nghĩ đến anh

lối nào đây, biết lối nào gần

mọi sự tới lui em làm sao từ chối

Không còn là con chim

(con chim gian-xảo dấu mùa đông dưới
cánh)

lượn những vòng nghi-ngờ

tôi hát vui tươi khi già-từ

tuổi trẻ.

Kỳ-diệu thay khi nghĩ đến anh

những thời-gian vừa mọc lá non

những lá non

tư-tưởng em đang bắt đầu từng nhánh

TRẦN-THY NHÃ-CA

(Văn-Nghệ)

VƯƠNG - TÂN

Vương-Tân sở-trường trong lối thơ năm tiếng. Có những câu rất hay như :

Em ơi bàn tay nhỏ

Khúc nhạc buồn Chopin

Nằm im nghe đêm vắng

Sự nín cảm chồng chành

Nón mưa cuộc đời hoang. . .

« Nụ Cười » diễn-tả cái ghen-ngào, chua-chát của một nếp sống ca-sĩ trong xã-hội hiện thời, một nếp sống chán-nản « nghe đêm mãi, thở dài ». Nhưng giữa người em ca-sĩ và nhà thơ, chưa biết rằng ai đã chán-ngán hơn ai ?

« Người đi biển » chính là hình-ảnh con người hôm nay phải chịu đựng mìn chông, bão táp, Lời thơ khi thì nặng-nề mạnh-mẽ, khi thì mơ-mộng êm-dềm như muốn biểu-thị các thái-độ của con người.

24.— NỤ CƯỜI

Giọng hát đen đau-đớn

vời bàn tay móng dài

em cúi đầu phiền-muộn

nghe buốt nặng trên vai

đôi mắt to chết đuối
tiếng trầm cầm huyệt hơi
cuộc hành-trình êm-ái
người ca-sĩ lẻ-loi

nửa đêm trời rét mướt
bước trở về băng-khuảng
xóm đen hoài mưa tuyết
nước chảy đầu trống trơn

em cười hàm răng khuyết
dã-thú về rừng hoang
đôi chân chồm lên trước
rình con mồi lang-thang

người ca-sĩ rầy chết
tiếng hát còn trên môi
anh diu em qua lộ
nghe đêm mãi thở dài.

VƯƠNG-TÂN
(Thố-kỷ 20)

25.— NGƯỜI ĐI BIỂN

con đường mình chông ải

quá-khứ nặng hai vai

bờ tre xanh lá úa

năm tháng tay mọc dài

trống trơn thời-gian trắng

bão táp nước biển dâng

chiếc thuyền nan nát mục

những sợi tóc rối tung

bầy chim én nghiêng đổ

hòn đảo nhỏ ngủ say

giấc mơ dài ác-mộng

mùa thu không heo may

tà áo vàng trời gió
người tình cũ sang ngang
dạ-khúc buồn thác lũ
mái nhà hoạnh băng-khuảng

trong rừng xanh cỏ-thụ
có loài rêu lang-thang
hai bàn tay xương khô
mọc dài theo năm tháng.

VƯƠNG - TÂN

(Thế-kỷ 20)

XUÂN - PHỤNG

« *Cánh quạ* », « *Luân-hồi* » và « *Hư-vô* » đều mang đậm màu sắc Phật-giáo.

Say-mê Phật-giáo, nhà thơ nhận rằng người đàn bà là tội-lỗi, là nguy-hiểm, đôi tay họ là « đôi rắn trắng » và rằng :

một vì sao mắt mở to
không đủ làm giàu
lỗi mòn nghèo nàn xác lá

Và cùng với Phật-giáo, nhà thơ vẫn tin rằng trong cõi đời siêu-linh, vẫn có một cái gì thiêng-liêng hơn con người và thiêng-liêng hơn cuộc sống hôm nay. Cái đó là triết-thuyết luân-hồi.

Cùng khởi sự từ Sartre, một số văn thi-sĩ đã rẽ ra nhiều hướng khác nhau : giữa lúc Simone de Beauvoir tìm về Thiên-Chúa-giáo trong « *Hồi-ký của một cô gái sắp hàng* » (*Mémoires d'une fille rangée*) thì Xuân-Phụng tìm về Phật-giáo.

26.— CÁNH QUẠ

Anh và em ngồi trong vườn im-lặng
Đôi tay em quấn cổ anh như đôi rắn trắng
Vươn lên nhìn trời
Anh và em cùng im-lặng

Đôi tay em pha-lê
Đàn quạ đen lượn quanh hai ta
Bóng phấp-phới trong mắt huyền

Cánh quạ bay trong mắt em
Bay xa bay trong mắt em
Sao còn chấp-chờn đôi mắt em

Ảnh phá tan im-lặng
Bằng chiếc hôn im-lặng
Cánh cửa vườn gió xô bần-bật
Phá tan im-lặng

Tình xuân vừa đượm
Hồn thu vội tới
Chia-ly ma xát yêu thương
Mọi anh chơi-với

Ái tình là giòng sông trôi qua không trở lại
Chỉ trở lại bên anh
Cánh quạ đen trong mắt đen

XUÂN-PHỤNG
(Văn-Hữu)

27.— LUÂN - HỒI

đêm nay

một vì sao mắt mở to

không đủ làm giàu

lối mòn nghèo nàn xác lá

mảnh đêm không-lỡ

trùm lên nghĩa-địa

có linh-hồn nào

vươn khỏi mộ phần nhìn tinh cầu

đôi mái rạ bơ-phờ

bên hàng cây thất-thếu

không trèo lên nổi trời cao

không chui xuống tận cùng trái đất

quanh-quần địa-ngục lòng mình

làm sao thoát làm sao

tiếng gà lên

đường về âm-cảnh

chập-chờn bóng ma

ôi chừng nào ra khơi

28.— HƯ-VÔ

hoang tàn quả đất
cái gì còn sẽ mất
em bé mủm mĩm má hồng
ngày mai xương khô trắng hếu

con người sống thực
buồn như gió đêm qua biển lớn
chiếc lá rụng về đâu đấy nhỉ
có còn đáp xuống chân tôi

nửa địa-cầu sáng-loáng mặt trời
nửa địa-cầu chập-chùng bóng tối
thieu-thân và phù-du
xin người chép sử
đừng nhắc làm chi

những thiên-tài sờ-soạng
đi tìm tương-lai
quên rằng theo cát bụi
gió cuốn mất rồi.

XUÂN-PHỤNG

KẾT-LUẬN

Một thế-hệ vừa chẵn ba mươi năm thi-ca đã đi qua.

Nhìn qua quá-trình tiến-triển của thi-ca Việt-Nam trong 30 năm qua (1932-1962), chúng ta có thể nói rằng trong lãnh-vực thi-ca, cũng như trong lãnh-vực tư-tưởng, dân-tộc chúng ta không hề tiến chậm. Trái lại, chúng ta đã tiến bước quá nhanh : trong vòng 30 năm, chúng ta đã thấy xuất-hiện đầy đủ những khuynh-hướng mà một quốc-gia có một nền văn-học tiên-tiến đã phải đề gần hai thế-kỷ mới thành hình những khuynh-hướng đó.

Trong thời tiền thế-chiến, chỉ trong vòng 13 năm mà thi-ca Việt-Nam đã trình-bày với chúng ta ba khuynh-hướng : lãng-mạn, tượng-trưng và tả-thực ; ba khuynh-hướng đó cùng khởi sự gần như vào một lúc và cùng đi song song với nhau, nhưng nếu tả-thực đi gần với sự thực ngoại cảnh nhiều hơn, thì tượng-trưng đi xa, quá xa các hình-thể bên ngoài, trong lúc lãng-mạn chú-trọng đến sự pho-diễn cái tôi nhiều hơn.

Xét chung, ba khuynh-hướng lãng-mạn, tượng-trung và tả-thực của thể-hệ thi-ca 1932-1962 đã biểu-thị được nhiều cái mới và nhiều cái đẹp ; có cái mới chói-lọi, có cái mới mãnh-liệt ; có cái đẹp thâm kín, có cái đẹp gợi cảm. *Chính cái mới đó, cái đẹp đó làm ra giá-trị của thơ.*

Thời hậu thể-chiến, sự xuất-hiện và thành hình của khuynh-hướng hiện-sinh đang gây ra nhiều sóng gió sôi-nổi trên thi-đàn.

Đứng trước một khuynh-hướng mới đó trong thi-ca, người khen cũng nhiều mà người chê cũng không ít. Hiên-nhiên là khuynh-hướng hiện-sinh trong thi-ca Việt-Nam đã nói lên được một phần những gì thâm kín trong tim và những gì cao đẹp trong tư-tưởng của con người Việt-Nam, *đã gây nên được một số những vấn-đề đúng-đắn* trong cuộc sống phức-tạp hiện nay của con người luôn luôn khao-khát cái tuyệt-đối, cái hoàn-toàn.



Một thể-hệ vừa chẵn ba mươi năm thi-ca đã đi qua,

Nhìn qua quá-trình tiến-triển của thi-ca Việt-Nam trong ba mươi năm qua, chúng ta còn có thể nhận thấy trong quá-trình đó ba đặc-điểm sau đây :

Đặc-điểm thứ nhất là *tinh-thần tự-do trong thi-ca*. Trong ba mươi năm qua cũng như là ngày nay, các nhà thơ Việt-Nam không hề chịu gò bó trong những qui-luật sáng-tác cố-định, những tiêu-đề có tính-cách chỉ-huy. Chính cái tinh-thần tự-do đó đã giúp thi-ca chúng ta tiến-bộ theo kịp các bước tiến của thi-ca thế-giới.

Đặc-điểm thứ hai liên-hệ đến *đức-tin, sự trung-thực và tinh-thần sáng-tạo*. Chính đức-tin của Hàn-mặc-Tử, Bích-Khê . . , sự trung-thực của Vũ-hoàng-Chương, Đinh-Hùng . . , tinh-thần sáng-tạo cái mới của Nguyễn-Sa, Trần-thy Nhã-ca v.v . . đã làm cho thi-ca Việt-Nam đạt đến được mức rung-động thiết-tha những tâm-hồn thời-đại.

Đặc-điểm thứ ba là *tinh-thần sáng-suốt của dân-tộc chúng ta trong khi chấp nhận những giá-trị mới*. Năm 1941, trong cái trào-lưu tiến-hóa của văn-học thế-giới, dân-tộc Việt-Nam đã ghi nhận vào văn-học-sử một số các nhà thơ nổi danh và có thực-tài của thời tiền thế-chiến.

Rồi đây, đồng thời với việc kiểm-điểm lại các giá-trị cũ, chắc-chắn dân-tộc chúng ta sẽ chấp nhận những giá-trị mới của thi-ca Việt-Nam thời hậu thế-chiến để cho nền văn-học chúng ta thêm giàu sang, thêm phong-phú.

Và hiển-nhiên là một nhà thơ có tài, thì dù thuộc khuynh-hướng nào, vẫn là một công-trình, một tác-phẩm mà văn-học Việt-Nam và văn-học thế-giới sẽ phải nghiên-cứu đến. Bởi vì thi-ca, hình-thức cao nhất và cô-động nhất của văn-học, có khi đồng hóa với văn-học, vẫn luôn luôn là tiếng nói chân thực và thâm kín nhất của con người trước cái đẹp, trước vũ-trụ, trước vô cùng cao-cả, trước những đại vấn-đề của thế-giới hậu-bán thế-kỷ 20 này, cho nên, muốn tìm hiểu nguyện-vọng, phương-hướng, cảm nghĩ của con người đó hiện nay, không gì hơn là tìm đọc những bài thơ hay và những nhà thơ lỗi-lạc.

Saigon, hè 1962

TÁC-GIẢ

DANH - MỤC

	<i>Trang</i>		<i>Trang</i>
- A -			
Aiken (Conrad)	36		
Ái-Lan	67, 66, 81		
Alain	79		
Anh-Huy	81		
Anh-Thơ	171, 175, 178, 179, 180		
Anh-Tuyển	189, 190, 191, 192, 194, 196, 199, 200		
Arvers	100		
Aymé (Marcel)	46		
- B -			
Bà Huyện-Thanh-Quan	11, 20, 50		
Bàng-bá-Lân	171, 172, 173, 178, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 201, 206, 207, 208		
Berdiaeff (N.)	217		
Baudelaire	74, 112, 115, 134		
Bích-Kê	36, 111, 114, 115, 116, 117, 122, 123, 124, 125, 127, 129, 131, 299		
Bích-Ngọc	233		
Bùi-Giáng	81, 84, 240, 241, 242		
- C -			
Camus		217, 223	
Cao-Tiêu		81	
Cao-tam-Nương		81	
Carlyle		266	
Castex (P.)		216	
Chateaubriand		34, 63, 136	
Chénier (André)		117	
Chế-lan-Viên		129, 132	
Chế-Vũ		81	
Cocteau (Jean)		271	
Coleridge		266	
Cung-trầm-Tưởng		39, 135, 136, 137, 142, 143, 243, 244	
- D - Đ -			
Diderot		79	
Diên-Nghị		81, 85, 86	
Đình-Hùng		16, 39, 74, 81, 89, 90, 149, 153, 299	
Định-Giang		81	
Đoàn-phủ-Tứ		129, 130, 131	
Đoàn-Thêm		39, 78, 79, 91, 136, 137, 138, 143, 145	
Đoàn-văn-Cừ		171, 175, 177, 178, 179, 189, 190, 191	
Đỗ-Phủ		103, 136	
Đỗ-Tấn		81	

Đông-Hồ 39, 54, 64, 146, 147
 Đông-Xuyên 148
 Dương-Kiến 252, 253, 255
 Dương-quảng-Hàm 12, 35, 60
 Duy-Năng 39, 81, 87, 88, 245,
 250, 251, 262

— E —

Eliot T. S. 36, 159, 218,
 219, 220, 256

— F —

Flaubert (Gustave) 236

— G —

Gautier (Théophile) 31
 Ginestier (Paul) 215
 Giraudoux 47
 Gusdorf (G.) 217

— H —

Hà-liên-Tử 81
 Hàn-mặc-Tử 22, 36, 37, 39, 48,
 85, 111, 113, 114, 118,
 120, 121, 122, 123, 124,
 125, 126, 127, 129, 299
 Heidegger (Martin) 217
 Hérédia (J. M. de) 178
 Hiếu-Chân 240
 Hoài-Thanh 35
 Hoàng-Đạo 29, 30, 31
 Hoàng-dinh-Kiên 146
 Hoàng-ngọc-Liên 81
 Hoàng-phụng-Ty 71, 72, 81
 Hoàng-song-Liêm 81
 Hồ-dinh-Phương 81

Hồ-Dzếnh 64
 Hồ-hán-Sơn 69, 81
 Hồ-Thích 16
 Hồ-văn-Hảo 181, 182, 189
 Hồ-xuân-Hương 11, 27
 Hữu-Phương 81, 92, 93
 Huy-Cận 21, 26, 36, 39,
 61, 63, 64
 Huy-Thông 64
 Huyền-Chi 69, 70, 81
 Huỳnh-thúc-Kháng 15
 Huỳnh-tịnh-Cửa 24
 Huxley (Aldous) 215

— J —

J. Leiba 64
 Jaspers (Karl) 217

— K —

Khái-Hưng 100
 Khổng-Dương 64
 Kiên-Giang 81
 Kim-Tuấn 81
 Kipling (Rudyard) 192

— L —

Lamartine 34, 80, 100
 Lan-Sơn 22, 37
 La Fontaine 12, 168
 Laforgue (Jules) 36, 149
 Leconte de Lisle 34, 167, 178
 Lưu-trọng-Lưu 15, 35, 55, 64,
 134, 135
 Lý-Bạch 136, 271
 Lý-quốc-Sinh 94, 139

- M -

Mặc-Thu	136, 154, 155
Mallarmé	39, 136, 138
Marcel (Gabriel)	217, 228
Maurois (André)	33
Maya (Tristan)	222
Mộng-Châu	37, 95
Mộng-Tuyết	39, 54, 55, 64
Morel (Maurice)	46
Mounier (E.)	217

- N -

Nam-Thảo	13
Nam-Trân	173, 174
Nghiêm-huy-Giao	81
Ngô-tất-Tổ	50
Nguyễn-Sa	39, 229, 236, 239, 256, 258, 259, 261, 299
Nguyễn-Bính	64, 84
Nguyễn-công-Trứ	25
Nguyễn-Du	11, 178, 185, 186, 216, 217, 236
Nguyễn-đình-Chiều	11
Nguyễn-Giang	39
Nguyễn-huyền-Không	81, 96, 97, 136, 137, 156, 157
Nguyễn-Khuyến	11, 26, 186
Nguyễn-ngu-Í	189
Nguyễn-nhược-Pháp	64, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 189, 190

Nguyễn-thị-Kiểm	15, 16, 17
Nguyễn-triệu-Nam	262, 263, 265
Nguyễn-văn-Hanh	15, 16
Nguyễn-văn-Khen	31
Nguyễn-văn-Vĩnh	12, 13, 24, 168
Nguyễn-Vỹ	133, 134
Nhất-Tuấn	81, 98, 99

- P -

Phạm-đình-Tân	71, 81, 183, 184, 209, 210
Phạm-Hầu	129, 130
Phạm-mạnh-Viên	81
Phạm-Quỳnh	13, 24
Phạm-văn-Hạnh	131
Phạm-văn-Kỳ	67
Phan-khắc-Khoan	64
Phan-Khôi	14, 15, 16, 17, 25, 53
Phan-minh-Hồng	81
Phan-văn-Dật	64
Philippe Van Tieghem	46
Poë (Edgar)	120, 139

- Q -

Quách-Tấn	39, 59, 60
Quách-Thoại	39, 135, 136, 158, 239, 266, 270
Quốc-Dân	81
Quốc-Toản	77

— R —

Rimbaud (Arthur) 26, 132, 133,
135, 220

— S —

Sagan (F.) 252
Saint John-Perse 159, 223, 224,
225, 226
Sandburg (Carl) 220, 221, 222,
216
Sao Trên Rừng 216
Sartre (J. P.) 215, 217, 226
Shakespeare 50
Shapiro (K.) 192
Simone de Beauvoir 292
Song-Hồ 77, 81
Staël (Mme de) 34
Stevens (W.) 80
Surer (P.) 216

Thanh-Tuyền 81
Thanh-Phong 65
Thao-Thao 64
Thế-Lữ 15, 17, 20, 28, 47,
48, 63, 64, 112
Thôi-Hiệu 136, 146
Thu-Hồng 64
Thúc-Tề 64
Tiến-Chiêu 235, 236
Tô-kiều-Ngân 81, 100, 102
Tổ-Như 81
Tô-thùy-Yên 227, 233
Trương-vĩnh-Kỷ 24
Trương-Tịch 49
Trần-dạ-Từ 282, 283, 284
Trần-tế-Xương 23, 27
Trần-huyền-Trân 64
Trần-thanh-Hiệp 230
Trần-thy Nhã-ca 39, 231, 239,
285, 286, 287, 299
Trần-văn-Khê 169
Tuấn-Giang 81
Trương-Phổ 64
Tường-Linh 81, 103, 105
Tùng-Lâm 15
Tùng-Thành 15, 17
T. T. KH. 21, 27, 55, 56, 57, 64

— T —

Tagore (Rabindranath) 229
Tạ-Kỷ 81
Tạ-Ty 271, 273, 276
Tân-Đà 15, 20, 28
Tế-Hạnh 64
Thái-Phỉ 15
Thái-Thủy 277, 279, 81
Thâm-Tâm 64
Thanh-Nam 222
Thanh-Tịnh 64

— V - W —

Valéry 36, 136
Văn-Quang 81, 106
Verlaine 26, 114, 132,
133, 135, 142
Viên-Linh 232
Vincent d'Indy 189
Vigny 115
Vũ-dình-Liên 15, 18, 19
vũ-đức-Trình 81

Vũ-hoàng-Chương 16, 27, 39,
 61, 64, 73, 75, 77, 107,
 108, 159, 162, 299
 Vũ-trọng-Phụng 236
 Vương-Tân 288, 289, 291
 Vương-xương-Linh 146
 Winsor (K.) 236
 Whitman (Walt) 192

Xuân-Huyền 81
 Xuân-Phụng 39, 136, 163, 239,
 292, 293, 295
 Xuân-Sanh 131, 133

- Y -

Yến-Lan 129, 131

- X -

Xuân-Diệu 21, 26, 35, 39, 48,
 58, 59, 64, 112, 132, 133

- Z -

Zola (Emile) 237

SÁCH THAM-KHẢO

TIẾNG VIỆT

- Việt-Nam văn-học sử-yếu của *Dương-quảng-Hàm*.
- Việt-Nam thi-văn hợp-tuyển của *Dương-quảng-Hàm*.
- Triết-lý văn-hóa khái-luận của *Nguyễn-dăng-Thực*.
- Việt-Nam thi-văn giảng-luận của *Hà-như-Chi*.
- Nhà văn hiện-đại của *Vũ-ngọc-Phan*.
- Thi-nhân Việt-Nam của *Hoài-Thanh*
và *Hoài-Chân*.
- Việt-văn toàn-thư của *Vũ-Kỷ*.
- Thi-Nhân Việt-Nam hiện-đại của *Phạm-Thanh*.
- Sử-mệnh văn-ngệ của *Nguyễn-nam-Châu*.
- Nhận-định I, II của *Nguyễn-văn-Trung*.
- Các tập thơ và tạp-chí văn-học xuất-bản trong nước.

TIẾNG PHÁP

- *Lalou (René)* : Histoire de la poésie française.
- *Carlotti (J. C.)* : La critique littéraire.
- *Castex (P.) et Surer (P.)* : Manuel des études littéraires françaises.
- *Arnavon* : Histoire littéraire des Etats-Unis.
- *Des Granges (Ch. M.)* : Histoire de la littérature française des origines à nos jours.

- *Digeon (A.)* : Histoire de la littérature anglaise.
- *Lagarde (A.) et Michard (L.)* : Les grands auteurs français.
- *Morel (M.)* : Abrégé de l'histoire de la littérature française.
- *Lanson (G.)* : Histoire de la littérature française, remaniée et complétée pour la période de 1850 à 1950 par P. Tuffrau.
- *Ph. Van Tieghem* : Petite histoire des grandes doctrines littéraires en France.
- *Ph. Van Tieghem* : Le romantisme.
- *Paul Ginestier* : Les meilleurs poèmes anglais et américains d'aujourd'hui
- *Albérès* : Bilan littéraire du 20^e siècle.
- *Arland* : Anthologie de la poésie française.

TIẾNG ANH

- *Poetry Now (C. S. Fraser)* Faber and Faber Ed. 1956.
- *New Poems 58* (Ed. Londres 1957-1958).
- *Modern English and American poetry (M. Schlauch)* Watts Ed. Londres 1957.
- *The language of criticism and the structure of poetry (R. S. Crane)* 1953.
- *The pocket book of verse (Speare)* N. Y. 1656.
- *Great tales and poems of Edgar Allan Poe (New York Pocket Book)* 1956.
- *Enjoyment of poetry (Eastman)* 1957.
- *Modern verse (Oscar Williams)* Pocket Book 1955.

MỤC - LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
PHẦN THỨ NHẤT: Khảo-luận về khuynh-hướng trong thơ mới. .	9
Chương I : Một cuộc cách - mệnh trong thi-ca Việt-Nam. .	11
Chương II : Nguyên - nhân chiến thắng của thơ mới. .	23
Chương III : Những khuynh-hướng trong thi-ca Việt-Nam (1932 - 1962) . . .	33
PHẦN THỨ HAI : Khuynh-hướng thành hình thời tiền thế-chiến. .	41
— <i>Khuynh-hướng lãng-mạn.</i> . .	43
Chương I : Đi tìm một định-nghĩa cho khuynh - hướng lãng-mạn.	45
Chương II : Quá - trình tiến-triển của khuynh - hướng lãng-mạn thời tiền thế-chiến	53
Chương III : Quá - trình tiến-triển của khuynh - hướng lãng - mạn thời hậu thế-chiến.	65
Chương IV : Những bài thơ hay có khuynh - hướng lãng-mạn.	83

— <i>Khuynh-hướng tượng-trung</i> . . .	109
Chương I : Hai nhà thơ lý-thuyết : Hàn-mặc-Tử và Bích-Khê.	111
Chương II : Những nhà thơ tượng- trung.	129
Chương III : Những bài thơ hay có khuynh - hướng tượng - trung.	141
— <i>Khuynh-hướng tả-thực</i>	165
Chương I : Khuynh - hướng tả - thực thời tiền thế-chiến.	167
Chương II : Khuynh - hướng tả - thực thời hậu thế-chiến.	181
Chương III : Những bài thơ hay có khuynh-hướng tả-thực	193
PHẦN THỨ BA : Khuynh - hướng thành hình thời hậu thế-chiến.	211
— <i>Khuynh-hướng hiện-sinh</i>	213
Chương I : Khuynh-hướng hiện-sinh trong thi-ca thế-giới và thi-ca Việt-Nam.	215
Chương II : Những bài thơ hay có khuynh-hướng hiện-sinh	239
KẾT-LUẬN	297
Danh-mục	301
Sách tham-khảo	307
Mục-lục	309